**ĐỊA LÍ VIỆT NAM**

**ĐỊA LÍ DÂN CƯ**

**Tuần: 1 Tiết: 1 Bài 1 :**

**CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Nêu được một số đặc điểm về dân tộc .

- Biết được các dân tộc có tŕnh độ phát triển kinh tế khác nhau ,chung sống đoàn kết cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Trình bày sự phân bố các dân tộc nước ta.

**2. Kĩ năng :**

- Rèn kĩ năng xác định trên bản đồ vùng phân bố chủ yếu của một số dân tộc.

- Phân tích biểu đồ, bảng số liệu, bản đồ về dân cư .

**3. Thái độ:**

- Có tinh thần xây dựng khối đoàn kết các dân tộc ở nước ta.

- Liên hệ thực tế tới địa phương.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ phân bố các dân tộc Việt Nam

- Tranh ảnh về đồng bằng , ruộng bậc thang.

- Bộ tranh ảnh về đại gia đình dân tộc Việt Nam

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa . Atlát Việt Nam

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Môn học địa lí lớp 9 giúp em hiểu biết những vấn đề gì ?

- Để học tốt môn địa lí các em phải học như thế nào ?

**3.Bài mới :**

- Khởi động: Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc khác nhau , với truyền thống yêu nước các dân tộc Việt Nam đă đoàn kết sát cánh bên nhau trong suốt quá tŕnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc🠦 Đó là nội dung bài học hôm nay. Bài 1 : Cộng đồng các dân tộc Việt Nam .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+Hoạt động 1 :** Các dân tộc ở nước ta . ( Cá nhân/ cặp )  \* Bước 1: - Hs đọc thông tin sgk + bảng số liệu sgk trả lời các câu hỏi :  + Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Dân tộc nào chiếm tỉ lệ lớn nhất , dân tộc nào chiếm tỉ lệ nhỏ nhất?  + Lớp chúng ta có bao nhiêu dân tộc ? Hãy cho biết tên dân  tộc em , số dân và tỉ lệ dân số so với cả nước?  + Làm thế nào em có thể phân biệt được dân tộc em với các  dân tộc khác?  +Vậy qua đó em có nhận xét gì về đặc điểm của cộng đồng  các dân tộc Việt Nam?  \* Bước 2: - Hs đại diện báo cáo ⭢ Hs khác nhận xét , bổ sung  \* Bước 3 - Gv bổ sung và chuẩn kiến thức  - Quan sát hình 1.2 em có suy nghĩ gì về lớp học ở vùng cao không?  ***- Chứng minh về sự bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc trong quá trình phát triển đất nước.*** | **I. Các dân tộc ở nước ta ( 15 phút )**  - Nước ta có 54 dân tộc  - Dân tộc Việt( Kinh) có số dân đông nhất chiếm 86% dân số cả nước,có nhiều kinh nghiệm thâm canh lúa nước, có các nghề  thủ công đạt mức tinh xảo có lực lượng lao  động đông đảo trong nông nghiệp, công  nghiệp , dịch vụ, khoa học kĩ thuật .  - Các dân tộc ít người có số dân và trình độ kinh tế khác nhau, mỗi dân tộc có kinh nghiệm riêng sản xuất và đời sống.  - Người Việt sống ở nước ngoài cũng là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc Việt Nam .  - Các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc |

**Hoạt động2 :**Sự phân bố các dân tộc(nhóm – bàn )

\* Mục tiêu : Biết được sự phân bố các dân tộc trên đất nước ta

**1) Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng tranh ảnh : Bộ tranh các dân tộc

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2) Hình thức tổ chức hoạt động:** Nhóm - bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| \*Bước 1: - Quan sát lược đồ phân bố các dân tộcViệt Nam hình1.3 cho biết dân tộc Việt phân bố chủ yếu ở đâu?  - Hiện nay sự phân bố của người Việt có gì thay đổi nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi (chính sách phân bố lại dân cư và lao động, phát triển kinh tế văn hoá của Đảng)  - Dựa vào vốn hiểu biết, hăy cho biết các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền địa hình nào? (thượng nguồn các dòng sông có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên có vị trí quan trọng về quốc phòng.)  - Trung du và miền núi phía Bắc : Trên 30 dân tộc ít người.  - Khu vực Trường Sơn- Tây Nguyên có trên 20 dân tộc ít người: Ê-đê, Gia rai, Mnông.  - Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ có dân tộc Chăm, Khơ me, Hoa,  - Theo em sự phân bố các dân tộc hiện nay như thế nào?  ( đã có nhiều thay đổi)  - **Liên hệ:** Cho biết em thuộc dân tộc nào, dân tộc em đứng thứ mấy về số dân trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam? Địa bàn cư trú chủ yếu của dân tộc em ?  ***- Hãy kể một số nét văn hóa tiêu biểu của dân tộc em?***  \* Bước 2: - Gv : Chuẩn khiến thức- bổ sung  + Các chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề nâng  cao đời sống của đồng bào các dân tộc vùng cao: chương  trình 135 của chính phủ,…  ***+ Nâng cao ý thức đề phòng của nhân dân các dân tộc đối***  ***với âm mưu thâm độc của bọn phản động lợi dụng sự nhẹ***  ***dạ cả tin của đồng bào lôi kéo đồng bào chống phá cách mạng nước ta….*** | **II Sự phân bố các dân tộc ( 20 phút )**  **1. Dân tộc Việt (Kinh)**  - Phân bố rộng khắp nước tập trung nhiều ở đồng bằng, trung du và duyên hải.  **2. Các dân tộc ít người**  - Các dân tộc ít người chiếm 13,8% sống chủ yếu ở miền núi và trung du .  + Trung du và miền núi phía bắc là địa bàn cư trú của người Tày ,Nùng , Thái Mường , Dao, Mông .  + Khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên là địa bàn cư trú người Ê- đê , Gia rai, Mnông ….  + Duyên hải cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ Người Chăm, Khơ me cư trú xen kẻ người Kinh .  + Các đô thị có người Hoa sinh sống .  - Hiện nay sự phân bố các dân tộc đă có nhiều thay đổi .( Các dân tộc ít người từ miền núi phía bắc đến cư trú ở Tây Nguyên ) |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**- Tổng kết:**

- Nước ta có bao nhiêu dân tộc?

- Các dân tộc khác nhau ở mặt nào? Cho ví dụ.

**Khoanh tròn vào ý em cho là đúng:**

1. Nhóm người Tày , Thái phân bố chủ yếu ở:

a. Vùng núi trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

b. Các cao nguyên Nam Trung Bộ

c. Vùng Tây Nguyên

d. Đông Nam Bộ

2. Các cao nguyên Nam Trung Bộ là địa bàn sinh sống của các dân tộc:

a. Tày , Thái , Nùng c. Êđê, Gia rai, Mnông

b. Mường , Dao, Khơ me d. Chăm , Mnông , Hoa

**- Hướng dẫn học tập :**

- Học bài và làm bài tập 1,2,3 sgk.

**- Chuẩn bị bài 2: Dân số và gia tăng dân số .**

+ Quan sát hình 2.1

+ Nhận xét về sự gia tăng dân số ở nước ta qua các thời kì ?

+ Nguyên nhân và hậu quả của sự gia tăng dân số ?

+ Cơ cấu dân số nước ta như thế nào ?

**Tuần: 1 Tiết: 2 Bài 2.**

**DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Trình bày được một số đặc điểm dân số nước ta.

- Nguyên nhân và hậu quả sự gia tăng dân số.

- Đặc điểm thay đổi cơ cấu dân số và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số của nước ta nguyên nhân của sự thay đổi.

**2. Kĩ năng :**

- Vẽ biểu đồ gia tăng dân số .

- Phân tích biểu đồ bảng số liệu về dân số và dân số với môi trường.

***\* Caùc KNS cô baûn ñöôïc giaùo duïc trong baøi: +Tö duy:***

***- Thu thaäp xöû lí thoâng tin töø löôïc ñoà/baûn ñoà, caùc baûn soá lieäu vaø baøi vieát ñeå tìm hieåu veà ñaëc ñieåm daân soá Vieät nam***

***- Phaân tích moái quan heä giöõa gia taêng daân soá vaø cô caáu daân vôùi söï phaùt trieån kinh teá – xaõ hoäi***

***+ Giao tieáp: Trình baøy suy nghó/yù töôûng, laéng nghe/phaûn hoài, tích cöïc giao tieáp vaø hôïp taùc khi laøm vieäc theo caëp***

***+ Laøm chuû baûn thaân: Traùch nhieäm cuûa baûn thaân trong vieäc goùp phaàn giaûm tæ leä gia taêng daân soá***

***\* Caùc phöông phaùp/kó thuaät daïy hoïc tích cöïc coù theå söû duïng: Suy nghó, caëp ñoâi, chia seõ, ñoäng naõo, tranh luaän…***

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường: Mục II: Gia tăng dân số***

***- Kỹ năng: Phân tích biểu đồ bảng số liệu về dân số và dân số với môi trường***

***- Phương thức tích hơp: Bộ phận***

***\* Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Mục II: Gia tăng dân số, liên hệ***

***\* GD ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai: Mục II (liên hệ)***

**- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :**

- Suy nghĩ – cặp đôi , chia sẻ, động não tranh luận .

**3. Thái độ:**

- Có ý thức chấp hành các chính sách của Nhà nước về dân số và môi trường . Không đồng tình với những hành vi đi ngược với chính sách về dân số, môi trường và lợi ích cộng đồng .

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Biểu đồ dân số Việt Nam .

- Tháp dân số Việt Nam năm1989, 1999.

- Tranh ảnh về một số hậu quả của dân số tới môi trường , chất lượng cuộc sống .

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Nước ta có bao nhiêu dân tộc?Các dân tộc khác nhau ở mặt nào?

- Dân tộc Việt phân bố chủ yếu ở đâu?Hiện nay sự phân bố của người Việt có gì thay đổi nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi đó?

**3.Bài mới :**

- Dân số nước ta như thế nào ?Sự gia tăng dân số ra sao ? Nước ta có cơ cấu dân số như thế nào ? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài 2…: …

**+ Hoạt động 1** : Số dân

\* Mục tiêu: Hs biết số dân của nước ta

**1) Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng Lược đồ dân cư

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2) Hình thức tổ chức hoạt động:** (Cá nhân )( 7 phút ) - Hs hoạt động cá nhân

***\* khaùm phaù: Ñoäng naõo: Em haõy neâu nhöõng hieåu bieát cuûa baûn thaân veà söï phaân boá daân cö ôû nöôùc ta hieän nay. Em coùbieát nöôùc ta coù nhöõng loaïi hình quaàn cö naøo? Caùc loaïi hình quaàn cö ñoù coù ñaëc ñieåm gì khaùc nhau? Hs traû lôøi Gv toùm taét ghi leân baûng***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| ***Böôùc 1: Gv cho hs quan saùt baûng thoáng keâ***  - Gv treo bảng số liệu về dân số và diện tích 1 số quốc gia trên thế giới  - Hs đọc thông tin sgk/7 + bảng số liệu:  - Cho biết số dân Việt Nam năm 2003? So sánh dân số và diện tích Việt Nam với các nước và rút ra nhận xét?  ***\* Bước 2***: - Hs báo cáo – nhận xét - Gv chuẩn kiến thức và bổ sung | **I. Số dân**  - Năm 2003 dân số nước ta là 80,9 triệu người  - Việt Nam là nước đông dân đứng thứ 14 trên thế giới |

**\* Hoạt động 2 Gia tăng dân số (20 phút)**

**\* Mục tiêu: Thấy được sự gia tăng dân số theo tuổi và giới tính**

1. **Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**
2. - Phương pháp sử dụng bản đồ.
3. - Phương pháp vấn đáp.
4. - Phương pháp thảo luận nhóm.
5. - Kỹ thuật sử dụng Lược đồ dân cư
6. - Kỹ thuật đặt câu hỏi.
7. - Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học: Nhóm bàn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| ***\* Bước 1***:- Hs thảo luận nhóm: Phân tích biểu đồ hình 2.1 trả lời các câu hỏi ở phiếu học tập  - Hs chia nhóm nhỏ thảo luận  + Quan sát và nêu nhận xét về sự thay đổi số dân qua chiều cao của các cột?  + Quan sát và nhận xét đường biểu diễn tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên qua từng giai đoạn và xu hướng thay đổi từ 1976 - 2003. Giải thích nguyên nhân sự thay đổi đó ?  + Nhận xét mối quan hệ gia tăng dân số tự nhiên với sự thay đổi số dân và giải thích ?  + Vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh ?  ***\* Bước 2***: - Hs báo cáo kết quả - nhận xét - Gv chuẩn kiến thức .  - Qua thực tế ở địa phương cho biết dân số tăng nhanh gây ra những hậu quả gì? Biện pháp khắc phục như thế nào?  - Nhận xét gì về tỉ lệ gia tăng tự nhiên giữa các vùng trong cả nước?  **( Tích hợp giáo dục môi trường ) *(GDBVMT)? daân soá đông và gia tăng dân số nhanh đã gây hậu quả gì? Sức ép đối với tài nguyên, môi trường, thấy được sự cần thiết phải phát triển dân số có kế hoạch để tạo sự cân bằng giữa dân số và môi trường, tài nguyên để phát triển bền vững .Haäu quaû cuûa daân soá ñoâng .***  - Nêu những lợi ích của sự giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta.(nâng cao chất lượng cuộc sống)  - Hiện nay tỉ lệ sinh, tử của nước ta như thế nào? Tại sao? (tỉ lệ sinh giảm. Tuổi thọ tăng)  - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giữa thành thị và nông thôn, miền núi như thế nào?  - Dựa vào bảng 2.1, hãy xác định các vùng lãnh thổ có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất, thấp nhất, các vùng lãnh thổ có tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn trung bình cả nước.Giải thích.(cao nhất Tây Nguyên, Tây Bắc vì đây là vùng núi và cao nguyên)  ***\*Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả***  ***Dân số tăng nhanh dẫn đến các nhu cầu về năng lượng tăng cao dẫn đến tính bức xúc của việc sử dụng và khai thác năng lượng một cách tiết liệm chống lãng phí***  ***\* GD ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu: Dân số tăng nhanh, gây sức ép đối với tài nguyên và môi trường***  ***\* GV cho Hs tranh luaän veà haäu quaû daân soá ñoâng vaø taêng nhanh***  ? Neâu nhöõng lôïi ích cuûa söï giaûm tæ leä gia taêng daân soá töï nhieân ôû nöôùc ta.  ***\* GDBVMT : Trách nhiệm về sự tăng dân số của chúng ta?***  ***Có ý thức chấp hành các chính sách của nhà nước về dân số và môi trường không đồng tình với hành vi đi ngược lại với chính sách của nhà nước về dân số và môi trường và lợi ích của cộng đồng*** | **II. Gia tăng dân số**  - Từ 1954 - 2003 : Dân số nước ta tăng nhanh và tăng liên tục  - Cuối những năm 50 : có sự “Bùng nổ dân số”. Năm 2003 tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên: 1,43%  - Nhờ thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình nên những năm gần đây tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên đă giảm.Tuy nhiên mỗi năm tăng trung bình 1 triệu người  - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên khác nhau giữa các vùng.  + Miền núi cao hơn đồng bằng .  + Nông thôn cao hơn thành thị . |

**\* Hoạt động 3: Cơ cấu dân số**

**\* Mục tiêu: Thấy được sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta**

1. **Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng Lược đồ dân cư

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân: (8 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| \* Bước 1: cho Hs quan sát bảng SGK  - Cho biết cơ cấu dân số nước ta thuộc loại nào?( già hay trẻ)  - Căn cứ số liệu ở bảng 2.2 Nhận xét cơ cấu nhóm tuổi của nước ta thời ḱ 1979 – 1999 đặc biệt là nhóm 0-14 tuổi.  - Nêu dẫn chứng và những vấn đề đặt ra về giáo dục, y tế, việc làm đối với các công dân tương lai?  - Nhận xét tỉ lệ nam nữ ở nước ta?  - Căn cứ số liệu ở bảng 2.2, hãy nhận xét tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ thời ḱ 1979 – 1999  - Tỉ lệ nam nữ có sự khác nhau giữa các vùng như thế nào ? Giải thích .  \* Bước 2: HS rút ra nhận xét báo cáo  \* Bước 3: Gv nhận xét bổ xung chốt kiến thức | **III. Cơ cấu dân số**  **+ Theo độ tuổi** :  - Nước ta có cơ cấu dân số trẻ. Tỉ lệ trẻ em có xu hướng giảm .  - Cơ cấu dân có xu hướng già đi, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và ngoài tuổi lao động tăng lên .  **+ Theo giới tính :**  - Tỉ lệ nữ còn cao hơn tỉ lệ nam có sự khác nhau giữa các vùng .  - Tỉ lệ giới tính đang ngày càng cân bằng . |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

-Trình bày số dân và gia tăng dân số ở nước ta?

- Nêu những lợi ích của sự giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta.

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

**\* Hướng dẫn học tập :**

- BT3: Tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên ( % ) = ( Tỉ lệ sinh – Tỉ lệ tử) / 10

- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên ( % ) : Vẽ biểu đồ là đường biểu diễn

- Chuẩn bị bài 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

+ Quan sát hình 3.1 và bảng 3.1

+ Sự phân bố dân cư ở nước ta như thế nào ?

+ Nước ta có các loại hình quần cư nào ? Đặc điểm ?

**- Rút kinh nghiệm :**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Tuần: 2 Tiết: 3 Bài 3.**

**PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI H̀NH QUẦN CƯ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta .

- Phân biệt được các loại hình. quần cư thành thị và nông theo chức năng và hình thái quần cư.

- Nhận biết quá trình đô thị hoá ở nước ta.

**2. Kĩ năng :**

- Biết phân tích bảng số liệu về dân cư, đọc bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.

***- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , các bảng số liệu và bài viết để rút ra một số đặc điểm về mật độ dân số , sự phân bố dân cư , các loại hình quần cư và quá trình đô thị hóa ở nước ta.***

***- Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước về phân bố dân cư .***

***- Giải quyết vấn đề : Giải quyết mâu thuẩn giữa việc phát triển đô thị với việc phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường .***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm, cặp .***

***- Tự nhận thức :Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và trình bày thông tin .***

**3. Thái độ:**

- Trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phân bố dân cư .

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam .

- Lược đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.

- Bảng số liệu mật độ dân số các quốc gia .

- Tranh ảnh về nhà ở , sinh hoạt, sản xuất của một số loại hình quần cư ở Việt Nam .

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Trình bày sự gia tăng dân số ở nước ta .Giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ý nghĩa to lớn như thế nào ?

- Nêu đặc điểm cơ cấu dân số nước ta . Sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta có ý nghĩa gì ?

**3.Bài mới :**

- Sự phân bố dân cư , các loại hình quần cư và quá trình đô thị hoá ở nước ta có đặc điểm gì ? Đó là những nội dung quan trọng chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay . Bài 3 …

**Hoạt động 1: Mật độ dân số và sự phân bố dân cư**

**\* Mục tiêu : Thấy dược mực độ dân số của nước ta so với thế giới và châu lục là rất cao và bức tranh phân bố dân cư của nước ta**

1. **Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng Lược đồ dân cư

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học: Suy nghĩ – cặp đôi – chia sẽ: (15 phút)**

***\* khaùm phaù: Ñoäng naõo: Em haõy neâu nhöõng hieåu bieát cuûa baûn thaân veà söï phaân boá daân cö ôû nöôùc ta hieän nay. Em coùbieát nöôùc ta coù nhöõng loaïi hình quaàn cö naøo? Caùc loaïi hình quaàn cö ñoù coù ñaëc ñieåm gì khaùc nhau? Hs traû lôøi Gv toùm taét ghi leân baûng***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| \* Bước 1: ***Gv cho hs quan saùt baûng thoáng keâ***  - Hs đọc nội dung mục 1 , kết hợp quan sát lược đồ/ bản đồ “ Phân bố dân cư và đô thị ở Việt Nam” và vốn hiểu biết :  - Cho biết mật độ dân số nước ta vào loại cao hay thấp trên thế giới ?  - Nêu nhận xét sự phân bố dân cư nước ta .  - Tìm trên lược đồ khu vực có mật độ dân số dưới 100 người/km2, từ 101 – 500, 501 – 1000 và trên 1000.  - Giải thích sự phân bố dân cư.  - So sánh tỉ lệ dân cư giữa nông thôn và thành thị .  - Hs thảo luận cặp đôi- đại diện trình bày  - Gv tóm tắt và chuẩn kiến thức.  - Em biết gì về chính sách của Đảng trong sự phân bố lại dân cư ?  ***Böôùc 2: Hs thaûo luaän caëp ñoâi caùc caâu hoûi***  ***Böôùc 3: Gv chæ ñònh 1 caëp ñoâi trình baøy noäi dung thaûo luaän tröôùc lôùp***  ***Böôùc 4 : GV toùm taét vaø chuaån kieán thöùc*** | **I. Mật độ dân số và sự phân bố dân cư**  **+ Mật độ dân số :**  - Mật độ dân số nước ta thuộc loại cao trên thế giới. Năm 2003 là 246 người/km2  **+ Sự phân bố dân cư :**  - Phân bố không đều.  \* Đông ở đồng bằng, ven biển và các đô thị.(Đbs Hồng 1192 người / km2, TP HCM 2664 người/ km2,HN 2830 người/km2 )  \* Thưa thớt ở miền núi, cao nguyên.  - Khoảng 74% dân số sống ở nông thôn 26% ở thành thị (2003) |

**+ Hoạt động 2:**Các loại hình quần cư ( 15 phút )

\* Mục tiêu : Phân biệt được sự khác nhau giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn

**1. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng Lược đồ dân cư

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Thảo luận 4 nhóm/ kĩ thuật khăn trải bàn (15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| \* Bước 1: ***GV chia nhoùm vaø giao nhieäm vuï cho caùc nhoùm thaûo luaän*** - Thảo luận 4 nhóm/ kĩ thuật khăn trải bàn .  - Quan sát lược đồ các tranh ảnh về quần cư.  - Quần cư nông thôn có đặc điểm gì ?  - Ở nông thôn hoạt động kinh tế chủ yếu là gì? Vì sao?  - Hãy nêu những thay đổi của quần cư nông thôn mà em biết?  - Quan sát (hình 3.1),  - Quần cư đô thị phân bố ở đâu ? Đặc điểm .  - Ở thành thị hoạt động kinh tế chủ yếu là gì? Vì sao?  - Nêu đặc điểm của quần cư thành thị ở nước ta ?  - Sự khác nhau về hoạt động kinh tế, cách bố trí nhà giữa nông thôn và thành thị như thế nào?  - Địa phương em thuộc loại hình nào?  - Quan sát hình 3.1. Hãy nêu nhận xét về sự phân bố các đô thị của nước ta . Giải thích?  ***Böôùc 2: Hs laøm caù nhaân***  ***Böôùc 3: Hs thaûo luaän nhoùm***  ***Böôùc 4: Ñaïi dieän 1 soá nhoùm trình baøy***  ***Böôùc 5 Gv toùm taét vaø chuaån xaùc kieán thöùc*** | **II. Các loại hình quần cư**  **1. Quần cư nông thôn**  - Nhà cửa , thôn xóm trải rộng theo không gian .  - Mật độ dân số thấp .  - Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông lâm, ngư nghiệp .  **2. Quần cư thành thị**  - Chủ yếu ở đồng bằng ven biển .  - Mật độ dân số cao , nhà cửa san sát.  - Các đô thị của nước ta phần lớn có qui mô vừa và nhỏ .  - Hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp ,dich vụ ,…  - Là trung tâm kinh tế chính trị văn hoá ,khoa học kĩ thuật . |

**\* Hoạt động 3:** Đô thị hóa ( Cá nhân )( 7 phút )

**1. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng Lược đồ dân cư

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân (7 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Hoạt động 3**:  ***\* Böôùc 1:GV treo baûng soá lieäu 3.1:***  - Qua số liệu ở bảng 3.1:  - Nêu nhận xét về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta.?  - Cho biết sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hóa ở nước ta như thế nào?  - So với thế giới đô thị hoá nước ta như thế nào?  - Việc tập trung quá đông dân vào các thành phố lớn gây ra hiện tượng gì?  - Quan sát lược đồ phân bố dân cư để nhận xét về sự phân bố của các thành phố lớn .  - Hãy lấy dẫn chứng về sự quá tải này.  - Kể tên một số thành phố lớn nước ta ?  - Lấy ví dụ minh hoạ về việc mở rộng quy mô các thành phố ?  ***Böôùc 2: Hs thaûo luaän caëp ñoâi***  ***- Böôùc 3: Gv chæ ñònh 1 soá caëp ñoâi trình baøy***  ***- Böôùc 4: Gv toùm taét vaø chuaån kieán thöùc*** | **III. Đô thị hoá**  - Tỉ lệ dân thành thị thấp .  - Quá trình đô thị hóa tăng nhanh .  - Qui mô đô thị vừa và nhỏ .  - Trình độ đô thị hoá chưa cao . |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

- Dựa vào hình 3.1 cho biết tình hình phân bố dân cư của nước ta .

- Nêu đặc điểm của quá trình đô thị hóa ở nước ta .

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Làm bài tập 3 trang 14 sgk .

**- Chuẩn bị bài 4 : Lao động và việc làm - chất lượng cuộc sống**

+ Đặc điểm nguồn lao động .

+Vấn đề sử dụng nguồn lao động ở nước ta .

+ Tình hình chất lượng cuộc sống người dân và vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống .

**- Rút kinh nghiệm : …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...................................................................................................................**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...................................................................................................................**

**………………………………………………………………………………………………………….......................................................................................................................................**

**Tuần: 2 Tiết: 4 Bài 4.**

**LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM .CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Trình bày được đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng nguồn lao động ở nước ta .

- Biết được sức ép dân số đối với việc giải quyết việc làm .

- Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở nước ta.

**2. Kĩ năng** :

- Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu lao động phân theo thành thị , nông thôn, theo đào tạo, cơ cấu sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế ở nước ta .

**3. Thái độ:**

- Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường nơi đang sống và các nơi công cộng khác , tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường địa phương .

***\* GD bảo vệ môi trường: Mục III: Chất lượng cuộc sống (Bộ phận)***

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Các biểu đồ về cơ cấu lao động .

- Bảng số liệu thống kê về sử dụng lao động, chất lượng cuộc sống.

- Tranh ảnh thể hiện sự tiến bộ nâng cao chất lượng cuộc sống .

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta và giải thích?

- Nêu đặc điểm, chức năng của các loại hình quần cư?

**3. Bài mới :**

Trong điều kiện dân số đông và tăng nhanh, nguồn lao động và việc sử dụng lao động, vấn đề chất lượng cuộc sống của nhân dân ta như thế nào ? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay .

**Hoạt động 1:** Nguồn lao động và sử dụng lao động

\* Mục tiêu: Biết được nguồn lao động và việc sử dụng nguồn lao động ở nước ta .

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng hình trong SGK

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| \* Bước 1:  - Dựa vào biểu đồ hình 4.1:  - Nhận xét về nguồn lao động nước ta ?  - Nhận xét về cơ cấu lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn. Giải thích nguyên nhân?  - Nhận xét về chất lượng của nguồn lao động ở nước ta. (thấp) Để nâng cao chất lượng nguồn lao động, cần có những giải pháp gì?  - Nguồn lao động nước ta có những mặt mạnh và những hạn chế nào?  - Quan sát biểu đồ hình 4.2, nêu nhận xét về cơ cấu lao động và sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta.  - Tình hình sử dụng lao động ở nước ta .  Böôùc 2: Hs thaûo luaän nhóm  - Böôùc 3: Gv chæ ñònh 1 nhóm trình baøy  - Böôùc 4: Gv toùm taét vaø chuaån kieán thöùc | **I. Nguồn lao động và sử dụng lao động**  **1. Nguồn lao động**  - Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh.  - Trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu lao động  - Chủ yếu ở nông thôn 75,8%.và phần lớn chưa qua đào tạo ( 78,8 % )  - Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp , có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.  - Hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn  **2. Sử dụng lao động**  - Số lao động có việc làm ngày càng tăng .  - Cơ cấu sử dụng lao động của nước ta có sự thay đổi theo hướng tích cực giảm tỉ lệ lao động trong nông lâm ngư nghiệp , tăng tỉ lệ lao động trong công nghiệp , xây dựng và dịch vụ . |

**Hoạt động 2: Vấn đề việc làm :**

**\* Mục tiêu: Thấy được Vấn đề việc làm là vấn đề cấp bách của nước ta hiện nay**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng hình trong SGK

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (10 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| Bước 1: Cho Hs thảo luận  - Thảo luận : ( 4 nhóm – 3 phút)  - Nhóm 1.2 :  - Tại sao việc làm là vấn đề gay gắt ở nước ta?  - Nhóm 3.4 :  - Để giải quyết việc làm theo em cần phải có những giải pháp gì?  Bước 2: - Hs trình bày – nhận xét  Bước 3: - Gv chuẩn kiến thức . | **II. Vấn đề việc làm**  - Lực lượng lao động dồi dào , còn nhiều lao động thiếu việc làm , đặc biệt ở nông thôn .  - Tỉ lệ thất nghiệp của khu vực thành thị cả nước khá cao khoảng 6% .  - Cần tăng cường các biện pháp giải quyết việc làm cho người lao động . |

**\* Hoạt động 3: Chất lượng cuộc sống**

**\* Mục tiêu : CM được rằng chất lượng cuộc sống của người dân ngày một nâng cao**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng hình trong SGK

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (10 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: Cho học sinh hoạt động cá nhân**  **+ Hoạt động 3 :** Chất lượng cuộc sống (Cá nhân .)  ( 10 phút )  - Chất lượng cuộc sống của nhân dân đang được cải thiện như thế nào ?  - Tỉ lệ người lớn biết chữ đạt 90,3% năm1999. Mức thu nhập bình quân đầu người tăng ,người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn…  - Chất lượng cuộc sống của dân cư như thế nào giữa các vùng nông thôn và thành thị, giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ? (chênh lệch)  - Hình 4.3 nói lên điều gì?  - Mối quan hệ giữa môi trường sống và chất lượng cuộc sống  **( Tích hợp giáo dục môi trường ): Phân tích mối quan hệ giữa môi trường sống và chất lượng cuộc sống**  **\* Bước 2: HS trả lời Gv chuẩn kiến thức** | **III. Chất lượng cuộc sống**  - Chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.( sgk )  - Chất lượng cuộc sống còn thấp, chênh lệch giữa các vùng, các tầng lớp dân cư trong xã hội . |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

- Nêu đặc điểm nguồn lao động và sử dụng lao động ở nước ta .

- Tại sao nói giải quyết việc làm là vấn đề gay gắt ở nước ta ?

- Chất lượng cuộc sống của người dân có những thay đổi quan trọng như thế nào và còn vấn đề gì cần giải quyết ?

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

**- Chuẩn bị bài 5: Thực hành**

+ Trả lời câu hỏi theo gợi ý bài thực hành .

**- Rút kinh nghiệm :**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**

**Tuần: 3 Tiết: 5 Bài 5. THỰC HÀNH:**

**PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ**

**NĂM 1989 VÀ NĂM 1999**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Nắm được sự thay đổi và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta

-Thấy rõ mối quan hệ giữa gia tăng dân số với cơ cấu dân số theo độ tuổi, giữa dân số và phát triển kinh tế xã hội của đất nước

**2. Kĩ năng :**

- Biết cách phân tích , so sánh tháp dân số

***- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy :***

***+ Phân tích so sánh tháp dân số Việt Nam năm 1989 và 1999 để rút ra kết luận về xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta .***

***+ Phân tích mối quan hệ giữa gia tăng dân số với cơ cấu dân số theo độ tuổi , giữa dân số và phát triển kinh tế - xã hội .***

***- Giải quyết vấn đề : Quyết định các biện pháp nhằm giảm tỉ lệ sinh và nâng cao chất lượng cuộc sống .***

***- Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng về qui mô gia đình hợp lí.***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm, cặp .***

***- Tự nhận thức: Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và trình bày thông tin .***

***- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Động não , thảo luận nhóm , giải quyết vấn đề ,suy nghĩ – cặp đôi - chia sẻ , bản đồ tư duy .***

***3. Thái độ :***

- Thực hiện tốt kế hoạch hoá dân số và nâng cao chất lượng cuộc sống.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Tháp tuổi hình 5.1( Tháp dân số Việt Nam năm 1989 và 1999).

- Tài liệu về cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta.

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Nêu đặc điểm nguồn lao động và sử dụng lao động ở nước ta .

- Tại sao nói giải quyết việc làm là vấn đề gay gắt ở nước ta ?

- Chất lượng cuộc sống của người dân có những thay đổi quan trọng như thế nào và còn vấn đề gì cần giải quyết ?

**3. Bài mới :**

- Kết cấu dân số theo tuổi trên phạm vi cả nước và trong từng vùng có ý nghĩa quan trọng, nó thể hiện tổng hợp tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động. Kết cấu dân số theo độ tuổi và theo giới được biểu hiện trực quan bằng tháp dân số.Tháp tuổi là một công cụ nghiên cứu về dân số rất hữu ích . Trong tiết học này chúng ta phân tích , so sánh tháp dân số 1989 và 1999 để thấy được những thay đổi trong dân số nước ta giai đoạn này .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| + **Hoạt động1:** \* Bước 1: So sánh hai tháp tuổi (nhóm )( 15 phút )  - Nhắc lại kiến thức cơ bản về tháp tuổi .  - Quan sát tháp dân số năm 1989 và năm 1999, so sánh hai tháp dân số về các mặt: Hình dạng ,cơ cấu dân số theo độ tuổi và giới tính, tỉ lệ dân số phụ thuộc.  - Phân tích từng tháp sau đó tìm sự khác biệt về các mặt của từng tháp. Điền thông tin vào bảng ( phụ lục )  - Em hiểu gì về tỉ số phụ thuộc?  Tỉ số phụ thuộc = Tổng số người dưới tuổi lao động cộng Tổng số người trên tuổi lao động chia cho số người trong độ tuổi lao động.  - Từ những phân tích và so sánh trên nêu nhận xét về sự thay đổi và xu hướng thay đổi của cơ cấu dân số nước ta . Giải thích nguyên nhân.  **+ Hoạt động 2**: Nhận xét và giải thích.(nhóm)( 7 phút )  - Từ những phân tích và so sánh trên nêu nhận xét về sự thay đổi và xu hướng thay đổi của cơ cấu dân số nước ta . Giải thích nguyên nhân.  **+ Hoạt động 3:**Thuận lợi và khó khăn(nhóm)( 13 phút )  - Cơ cấu dân dân số trên có thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế xã hội ?  - Chúng ta cần phải có những biện pháp ǵ để từng bước khắc phục những khó khăn này? | **I .So sánh 2 tháp tuổi**  - Hình dạng: đáy ở nhóm 0-4 tuổi ở năm 1999 đă thu hẹp hơn năm 1989  - Cơ cấu dân số :  + Theo độ tuổi: Độ tuổi dưới lao động năm 1999 nhỏ hơn năm 1989. Độ tuổi lao động và ngoài lao động năm 1999 lớn hơn năm 1989.  + Giới tính: cũng thay đổi  - Tỉ lệ dân phụ thuộc còn cao và cũng có thay đổi giữa 2 tháp dân số  **II. Nhận xét và giải thích**  - Nước ta có cơ cấu dân số trẻ, song dân số đang có xu hướng “già đi”.  - Nguyên nhân: Do thực hiện tốt kế hoạch hoá dân số và nâng cao chất lượng cuộc sống.  **III. Thuận lợi và khó khăn :**  - Thuận lợi:Lực lượng lao động và dự trữ lao động dồi dào.  - Khó khăn:  + Nhóm 0-14 tuổi đông đặt ra nhiều vấn đề cấp bách về văn hoá, giáo dục, y tế.  + Tỉ lệ và dự trữ lao động cao gây khó khăn cho việc giải quyết việc làm.  + Tỉ lệ người cao tuổi cũng là vấn đề quan tâm chăm sóc sức khoẻ.  - Biện pháp khắc phục:  \* Cần có chính sách dân số hợp lí.  \* Tạo việc làm.  \*Cần có chính sách trong việc chăm sóc sức khoẻ người già. |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

-Cơ cấu dân số theo độ tuổi và giới tính của nước ta từ năm 1989 đến năm 1999 đă thay đổi như thế nào ? Giải thích nguyên nhân .

- Cơ cấu dân số nuớc ta có những thuận lợi và khó khăn ǵ cho phát triển kinh tế xă hội ?

- Nêu biện pháp để từng bước khắc phục những khó khăn đó .

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Hoàn thành bài thực hành vào vở .

**- Chuẩn bị bài 6 : Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam .**

+ Quá tŕnh phát triển nền kinh tế nuớc ta diễn ra như thế nào ?

+ Sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế nuớc ta thể hiện như thế nào ?

+ Những thành tựu và thách thức trong quá tŕnh phát triển kinh tế xă hội .  
**V. Phụ lục :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Tháp 1989** | **Tháp 1999** |
| H́nh dạng | | Đáy rộng hơn | Hẹp hơn |
| Cơ cấu dân số theo độ tuổi | Trên tuổi lao động | 7.2 % | 8.1 % |
| Trong tuổi lao động | 53.8 % | 58.4 % |
| Trẻ em | 39 % | 33.5 % |
|  | Nam | 48.7 % | 49.2 % |
| Nữ | 51.3 % | 50.8 % |
| Tỉ lệ dân số phụ thuộc | | 46.2 : 53.8 = 86 % | 41.6 : 58.4 = 71 % |

**- Rút kinh nghiệm :**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**ĐỊA LÍ KINH TẾ**

**Tuần: 3 Tiết: 6**

**Bài 6:**

**SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức:**

- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ,những thành tựu và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế xã hội . Biết việc khai thác tài nguyên quá mức ,môi trường bị ô nhiễm là mộtt khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế đất nước . Hiểu được để phát triển bền vững thì phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường .

**2. Kĩ năng:**

- Kĩ năng phân tích biểu đồ , bản đồ .

- Kĩ năng vẽ biểu đồ cơ cấu (biểu đồ tròn) và nhận xét biểu đồ.

- Phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững .

**- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :**

- Tư duy :

+ Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , các biểu đồ và bài viết để rút ra đặc điểm nền kinh tế của nước ta.

+ Phân tích những khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam .

- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo cặp .

**- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :**

- Động não , thuyết trình nêu vấn đề ,học sinh làm việc cá nhân / cặp, trình bày 1 phút.

**3. Thái độ :**

- Không ủng hộ những hoạt động kinh tế có tác động xấu đến môi trường .

***\* GDBVMT: Mục III: Chất lượng cuộc sống***

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam

- Biểu đồ về sự chuyển dịch cơ cấu GDP từ 1991 đến năm 2000

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Cơ cấu dân số nuớc ta có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế xã hội ?

- Nêu biện pháp để từng bước khắc phục những khó khăn đó .

**3. Bài mới :**

Nền kinh tế Việt nam đã trải qua quá trình phát triển lâu dài và nhiều khó khăn . Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đã tạo ra nhiều thay đổi rõ rệt trong nền kinh tế xã hội nước ta . Những nét cơ bản trong quá trình phát triển ấy sẽ được chúng ta tìm hiểu trong bài học hôm nay .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và tṛ** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+** **Mục I :**  **Nền kinh tế nước ta trước thời kì Đổi mới ( Giảm tải )**  **+Hoạt động 1:** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế  \* Bước 1: cho Hs thảo luận Nhóm ( theo bàn ) ( 20 phút )  - Dựa hình 6.1 phân tích :  - Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nuớc ta đuợc thể hiện như thế nào ?  - Đọc thuật ngữ chuyển dịch cơ cấu kinh tế  - Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta thể hiện ở những mặt nào? Xu hướng này rõ nhất ở ngành nào ?  - Dựa vào lược đồ hình 6.2.  - Xác định các vùng kinh tế nước ta. Phạm vi lănh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm.? Kể tên các vùng kinh tế nào giáp biển, vùng kinh tế nào không giáp biển ?  - Nêu tên các trung tâm công nghiệp mới , các vùng chuyên canh trong các vùng kinh tế ở nước ta  - Quan sát lược đồ h́nh 6.2 Kể tên các vùng kinh tế trọng điểm . Vai tṛ của chúng trong việc phát triển kinh tế xă hội đối với các vùng kinh tế ở nước ta .  - Đọc thuật ngữ vùng kinh tế trọng điểm  \* Bước 2: HS thảo luận  \* Bước 3: Các nhóm trình bày  \* Bước 3: GV chuẩn kiến thức  **+Hoạt động 2:** Những thành tựu và thách thức  ( cá nhân ) ( 15 phút )  - Cơ cấu thành phần kinh tế nước ta thay đổi như thế nào và việc phát triển nhiều thành phần có ý nghĩa gì ?  - Chuyển dịch tích cực như thế nào ?  - Nêu những thành tựu về kinh tế nước ta ?  - Kể tên một số ngành nổi bật? Ơ địa phương em có ngành kinh tế nào nổi bật?  -Trong quá trình phát triển kinh tế nước ta có gặp những khó khăn gì ?  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  **Phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế vời bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**  **? Hậu quả của khai thác tài nguyên quá mức đến môi trường**  **? Muốn phát triển bền vững phải làm gì?** | **I. Nền kinh tế nước ta trước thời kì Đổi mới**  **Giảm tải**  **II. Nền kinh tế nước ta trong thời kì Đổi mới**  **1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế**  **a. Chuyển dịch cơ cấu ngành:**  - Giảm tỉ trọng của khu vực nông lâm, ngư nghiệp .  - Tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp – xây dựng.  - Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng c̣n biến động.  **b. Chuyển dịch cơ cấu lănh thổ:**  - Hình thành các vùng kinh tế .  - Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp ,các trung tâm công nghiệp ,dịch vụ mới  - Hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm .  **c.Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế :**  - Trước đây nền kinh tế chủ yếu là nhà nước và tập thể nay nền kinh tế nhiều thành phần.  - Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.  **2 Những thành tựu và thách thức**  **+Thành tựu:**  - Tốc độ tăng trưởng nhanh .  - Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá.  - Có sự hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.  **+ Khó khăn, thách thức:**  - Vấn đề việc làm, xóa đói giảm nghèo  - Nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường .  - Khó khăn hội nhập thế giới . |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

- Trước giai đoạn đổi mới nền kinh tế nước ta như thế nào?

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta thể hiện ở những mặt nào?

- Những thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế nước ta ?

**-** Học bài và hoàn thành vở bài tập .

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Chuẩn bị bài 7 : Các nhân tố ảnh huởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp .

+ Nhân tố tự nhiên có ảnh huởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp như thế nào ?

+ Nhân tố xã hội có ảnh huởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp như thế nào ?

+ Vai trò các chính sách nông nghiệp .

**- Rút kinh nghiệm :**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Tuần: 4 Tiết: 7 Bài 7**

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN**

**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNGNGHIỆP**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được vai trò của các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta .

- Hiểu được đất , khí hậu , nước và sinh vật là những tài nguyên quý giá và quan trọng để phát triển nông nghiệp nước ta . Vì vậy cần sử dụng hợp lí tài nguyên đất , không làm ô nhiễm và suy thoái các tài nguyên này .

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích đánh giá những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp nước ta .

- Biết sơ đồ hóa các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp

- Liên hệ với thực tế địa phương

**3. Thái độ :**

- Không ủng hộ những hoạt động làm ô nhiễm , suy thoái đất , nước , khí hậu , sinh vật .

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường: Mục I: Các nhân tố tự nhiên: Phân tích đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp nước ta***

***\* Gd ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai : Mục 2: Tài nguyên khí hậu (liên hệ)***

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam

- Bản đồ khí hậu Việt Nam. Tranh ảnh

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta thể hiện ở những mặt nào?

- Những thành tựu và thách thức của nền kinh tế nước ta ?

**3. Bài mới :**

Nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới đang chuyển biến mạnh theo hướng chuyên môn hóa và thâm canh . Đặc điểm đó đang được hình thành trên cơ sở các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội như thế nào ? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài 7…..

**\* Hoạt động 1: Các nhân tố tự nhiên**

**\* Mục tiêu: Thấy được nông nghiệp dựa chủ yếu vào nhân tố tự nhiên, tự nhiên nước ta có những thuận lợi gì cho nông nghiệp**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ tự nhiên hay Nông nghiệp Việt Nam

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (20 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1:** Các nhân tố tự nhiên ( nhóm )  ( 20 phút )  -Những nhân tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp nước ta ?  \* Bước 1: Hoạt động nhóm : 4 nhóm – 4 phút  + Nhóm 1.2 : Đất , khí hậu  - Vai trò tài nguyên đất, kể tên các nhóm đất , phân bố ở đâu và thích hợp với loại cây trồng nào?  - Nêu đặc điểm khí hậu của nước ta. Những đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn như thế nào đến sản xuất nông nghiệp ?  - Hãy tìm hiểu về các cây trồng chính và cơ cấu mùa vụ ở địa phương em.  + Nhóm 3.4 : Nước , sinh vật .  - Tài nguyên nước phong phú như thế nào ?  - Những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên nước đối với nông nghiệp ?  - Tại sao thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?  -Tài nguyên sinh vật phong phú như thế nào ? Thuận lợi cho sự phát triển và phân bố nông nghiệp như thế nào ?  \* Bước 2: - Hs trình bày – nhận xét – Gv chuẩn kiến thức .  - **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  ***\* Giáo dục bảo vệ môi trường:? Con người dựa vào tài nguyên để phát triển kinh tế tác động ntn đến mội trường?***  ***- Không ủng hộ những hoạt động làm ô nhiễm, suy thoái và suy giảm đất, nước, khí, sinh vật***  ***\* Gd ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai***  ***? Những diến biến thất thường của thời tiết như mưa, bảo, lũ, lụt, hạn hán, nắng nóng, sương muối, rét hại... đã gay ảnh hưởng như thế nào đến nông nghiệp nước ta*** | **I. Các nhân tố tự nhiên**  **1. Tài nguyên đất**  - Là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp  - Tài nguyên đất ở nước ta khá đa dạng có 2 nhóm chính :  + Đất phù sa có diện tích 3 triệu ha, ở các đồng bằng, thích hợp với trồng lúa và nhiều cây ngắn ngày khác.  + Đất fe ralit hơn 16 triệu ha ở miền núi, trung du thích hợp với trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và một số cây công nghiệp ngắn ngày  - Hiện nay hơn 9 triệu ha đất nông nghiệp .  **2. Tài nguyên khí hậu**  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, cây cối xanh quanh năm, trồng 2-3 vụ  - Phân hoá rõ rệt theo chiều Bắc - Nam, theo độ cao và theo mùa ⭢ trồng cây nhiệt đới, cận nhiệt dới, ôn đới  - Khó khăn: Gió Tây Nam , bão , sương muối , sương giá ,sâu bệnh, …  **3. Tài nguyên nước**  - Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nguồn nước dồi dào.  - Không ổn định : Lũ lụt, hạn hán  **4. Tài nguyên sinh vật**  Nước ta có tài nguyên thực động vật phong phú  ⭢Tạo nhiều cây trồng vật nuôi tốt thích hợp từng địa phương . |

**\* Hoạt động 2: Các nhân tố kinh tế -xã hội**

**\* Mục tiêu: Nhận biết được nhân tố xã hội cũng ảnh hưởng đến sự phát triển phân bố nông nghiệp**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng hình trong SGK

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động :** các nhân tố kinh tế – xã hội ( nhóm )  ( 15 phút )  - Dân cư và lao động ở nước ta ảnh hưởng đến nông nghiệp như thế nào ?  - Kể tên các loại cơ sở vật chất kĩ thuật trong nông nghiệp. Cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ nông nghiệp ở nước ta có những tiến bộ như thế nào ?  -Nhà nước đă có những chính sách gì để phát triển nông nghiệp ? Tác dụng ?  - Thị trường có ảnh hưởng gì đến nông nghiệp ?  - Gv nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của các chính sách kinh tế xã hội tác động đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp vai trò ngày càng tăng của công nghiệp đối với nông nghiệp và tác động yếu tố thị trường . | **II .Các nhân tố kinh tế- xã hội**  **1. Dân cư và lao động nông thôn**  - Năm 2003 nước ta còn khoảng 74% dân số sống ở nông thôn, 60% lao động là ở nông nghiệp  -Nông dân Việt Nam giàu kinh nghiệm sản xuất, cần cù sáng tạo.  **2. Cơ sở vật chất kĩ thuật.**  - Cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho trồng trọt và chăn nuôi ngày càng hoàn thiện  - Công nghiệp chế biến nông sản được phát triển và phân bố rộng khắp.  **3. Chính sách phát triển nông nghiệp**  - Phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, nông nghiệp hướng xuất khẩu.  - Khoán sản phẩm đến người lao động  **4. Thị trường trong và ngoài nước**  - Mở rộng thị trường và ổn định đầu ra cho xuất khẩu .  - Đa dạng hóa sản phẩm … |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

- Các nhân tố tự nhiên có ảnh huởng đến sự phân bố và phát triển nông nghiệp như thế nào ?

- Các nhân tố kinh tế xă hội có ảnh huởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp như thế nào ?

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Chuẩn bị bài 8: Sự phát triển và phân bố nông nghiệp .

+ Sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt .

+ Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi .

+ Sự h́nh thành các vùng chuyên canh nông nghiệp .

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 4 Tiết: 8 Bài 8.**

**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được đặc điểm phát triển và phân bố một số cây trồng, vật nuôi chủ yếu và một số xu hướng trong phát triển sản xuất nông nghiệp ở nước ta hiện nay.

- Biết ảnh hưởng của việc phát triển nông nghiệp tới môi trường , trồng cây công nghiệp , phá thế độc canh là một trong những biện pháp bảo vệ môi trường .

**2.Kĩ năng:**

- Phân tích bảng số liệu, sơ đồ , đọc lược đồ nông nghiệp Việt Nam

- Phân tích mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp và môi trường .

***- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy :***

***+ Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bảng số liệu và bài viết về tình hình phát triển và phân bố của ngành trồng trọt và chăn nuôi.***

***+ Phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội với sự phân bố một số ngành trồng trọt và chăn nuôi .***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ư tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo cặp .***

***- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Động não , thuyết trình nêu vấn đề , suy nghĩ – cặp đôi – chia sẻ.***

**3. Thái độ :**

- Có ý thức bảo vệ môi trường , không ủng hộ hành vi làm ảnh hưởng xấu môi trường .

***\* GDBVMT: Mục I: Cây lương thực, cây công nghiệp: Biết ảnh hưởng của việc phát triển nông nghiệp tới môi trường, trồng cây công nghiệp phá thế độc canh là một trong những biện pháp bảo vệ môi trường***

***\* GD sử dụng TKNL và hiệu quả: Mục II: Ngành chăn nuôi***

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ nông nghiệp Việt Nam

- Một số tranh ảnh về các thành tựu trong sản xuất nông nghiệp

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp nước ta như thế nào ?

- Các nhân tố kinh tế xã hội có ảnh huởng đến sản xuất nông nghiệp nuớc ta như thế nào ?

**3. Bài mới :**

- Việt Nam là một nước nông nghiệp .Một trong những trung tâm xuất hiện sớm nghề trồng lúa ở Đông Nam Á. Vì thế, nông nghiệp nước ta được đẩy mạnh và được nhà nước coi là mặt trận hàng đầu.Từ sau đổi mới, nông nghiẹp đã trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn. Để có được những bước tiến nhảy vọt trong lĩnh vực nông nghiệp, sự phát triển và phân bố của ngành đã có chuyển biến gì khác trước,chúng ta cùng tìm hiểu trong nội dung bài hôm nay.

\* Hoạt động 1: Ngành trồng trọt

\* Mục tiêu: Thấy được thế mạnh của ngành trồng trọt của nước ta dựa vào tự nhiên

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ nông nghiệp, kinh tế nước ta

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Bàn (20 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động :**  - Dựa vào bảng 8.1 hãy nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng cây lương thực và cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Sự thay đổi này nói lên điều gì?  ***\* Bước 1: Thảo luận nhóm : 4 nhóm - 4 phút***  + Nhóm 1.2 : Cây lương thực  - Cây lương thực có vị trí như thế nào ? Gồm những loại cây gì ?Cây trồng nào là chính ? Trồng ở đâu ?  - Phân tích bảng số liệu diện tích tăng bao nhiêu nghìn ha ?  - Dựa vào bảng 8.2, trình bày các thành tựu chủ yếu trong sản xuất lúa trong thời kì 1980-2002? Vì sao đạt được những thành tựu trên?  + Nhóm 3.4 : Cây công nghiệp  - Việc trồng cây công nghiệp có ý nghĩa quan trọng như thế nào?  - Nước ta có những thuận lợi gì để phát triển cây công nghiệp ?  -Kể tên các cây công nghiệp hằng năm? Phân bố - Cây công nghiệp lâu năm? Phân bố  - Kể tên những sản phẩm nông nghiệp được xuất khẩu?  - Dựa vào bảng 8.3, trình bày đặc điểm phân bố các cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm chủ yếu ở nước ta.  ***\* Bước 2: - Hs trình bày – nhận xét – Gv chuẩn kiến thức .***  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  ***\* GDBVMT:Chúng ta đa dạng hóa cây trông trong nông nghiệp tác động ntn đến môi trường?***  ***\* Cây lương thực, cây công nghiệp: Biết ảnh hưởng của việc phát triển nông nghiệp tới môi trường, trồng cây công nghiệp phá thế độc canh là một trong những biện pháp bảo vệ môi trường***  - Nước ta có điều kiện gì để phát triển cây ăn quả?  - Những cây ăn quả nào là đặc trưng của miền Nam? Tại sao miền Nam trồng được nhiều loại cây ăn quả? Kể vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta ? Miền Bắc có những loại cây nào?  -Tỉ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp như thế nào? | **I.Ngành trồng trọt**  **1.Cây lương thực**  - Bao gồm cây lúa và các cây hoa màu như ngô, khoai, sắn  - Lúa là cây lương thực chính được trồng khắp nước ta .  - Nước ta có hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất là đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng  **2. Cây công nghiệp**  - Việc trồng cây công nghiệp có tầm quan trọng: Tạo ra các sản phẩm có giá trị xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến tận dụng tài nguyên , phá thế độc canh trong nông nghiệp và góp phần bảo vệ môi trường  - Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi dể phát triển cây công nghiệp nhất là các cây công nghiệp lâu năm  **3.Cây ăn quả**  - Rất phong phú : Cam, bưởi, nhăn, vải, xoài, măng cụt.v.v.  - Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta là ở đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. |

**\* Hoạt động 2: Ngành chăn nuôi**

**\* Mục tiêu: Thấy được thế mạnh chăn nuôi nước ta dựa vào Nông nghiệp**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ nông nghiệp nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**2. Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động :** Ngành chăn nuôi ( 15 phút )  - Hs Làm việc theo nhóm 3 nhóm  - Chăn nuôi trâu, bò ở nước ta như thế nào? Nuôi nhiều nhất ở đâu? Vì sao?  -Chăn nuôi lợn ở nước ta như thế nào? Nuôi nhiều nhất ở đâu?  - Vì sao lợn được nuôi nhiều nhất ở đồng bằng sông Hồng?  - Chăn nuôi gia cầm ở nước ta như thế nào? Nuôi nhiều nhất ở đâu?  ***\* GD sử dụng NLTK và hiệu quả:Khi chăn nuôi con người đã sử dụng gì để lam ga và tác động của nó đến môi trường? Giới thiệu về nguồn năng lượng Biogas tính khả thi và thiết thực đối với nông thôn nước ta*** | **II. Ngành chăn nuôi**  - Chăn nuôi chiếm tỉ trọng chưa lớn trong nông nghiệp  **1. Chăn nuôi trâu, bò**  - Năm 2002 đàn ḅ là 4 triệu con, trâu là 3 triệu con. Cung cấp sức kéo,thịt,sữa  - Trâu nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.  -Đàn bò có quy mô lớn nhất là Duyên hải Nam Trung Bộ.  **2. Chăn nuôi lợn**  -Đàn lợn 23 triệu con tăng khá nhanh nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và trung du Bắc Bộ. Cung cấp thịt  **3. Chăn nuôi gia cầm**  - Cung cấp,thịt,trứng  - Phát triển nhanh ở đồng bằng |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

- Nhận xét và giải thích sự phân bố các vùng trồng lúa ở nước ta ?

- V́ sao trâu nuôi nhiều ở miền núi trung du Bắc Bộ ?

- Học bài và hoàn thành vở bài tập

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Chuẩn bị bài 10 : Thực hành

+Trả lời theo câu hỏi gợi ý sách giáo khoa .

+ Đọc biểu đồ và vận dụng các kiến thức đã học về ngành nông nghiệp để phân tích qua biểu đồ .

**Rút kinh nghiệm :**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tuần: 5 Tiết: 9,10**

**Bài 9 :**

**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SẢN XUẤT**

**LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Trình bày được thực trạng và phân bố ngành lâm nghiệp của nước ta, vai trò của từng loại rừng .

- Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản .

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích bản đồ , lược đồ lâm nghiệp, thủy sản để thấy rõ sự phân bố các loại rừng , bãi tôm , cá , vị trí các ngư trường trọng điểm .

- Phân tích bảng số liệu , biểu đồ để hiểu và trình bày sự phát triển của lâm nghiệp, thủy sản .

***- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , Át lát, tranh ảnh , bảng số liệu và bài viết để tìm hiểu về tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp , thủy sản.***

***- Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ rừng và nguồn lợi thủy sản .***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo cặp, nhóm .***

***- Tự nhận thức: Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và khi thực hiện hoạt động theo yêu cầu của giáo viên .***

***- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Suy nghĩ – cặp đôi , chia sẻ, học sinh làm việc cá nhân , thảo luận nhóm , trò chơi .***

**3. Thái độ :**

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên trên cạn và dưới nước .

- Không đồng tình hành vi phá hoại tài nguyên môi trường .

***\* GDBVMT: Mục I/1: Tài nguyên rừng. Mục II/1: Nguồn lợi thủy sản***

***\* Giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai: Mục 1: Tài nguyên rừng(liên hệ)***

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ kinh tế Việt Nam

- Lược đồ lâm nghiệp - thuỷ sản trong sgk

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

- Kiểm tra việc hoàn chỉnh bài thực hành .

**3. Bài mới :**

Lâm nghiệp và thủy sản là hai ngành kinh tế có tiềm năng to lớn . Sự phát triển và phân bố của hai ngành kinh tế này hiện nay ra sao ? Đó là các vấn đề chúng ta cùng tìm hiểu bài 9 : …..

**+ Hoạt động1 :** **T́ìm hiểu thực trạng và phân bố ngành lâm nghiệp ở Việt Nam .(15 phút )**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ lâm nghiệp, thủy sản nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** (Suy nghĩ – cặp đôi , chia sẻ) (15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| ***\* Bước 1: Suy nghĩ – cặp đôi, chia sẽ: -*** Thực trạng rừng nước ta hiện nay như thế nào ?  ( diện tích , chất lượng …)  - Nguyên nhân làm cho rừng bị cạn kiệt ?  ( Chiến tranh , cháy rừng , đốt rừng , khai thác quá mức ….)  - Dựa vào bảng 9.1, cho biết cơ cấu các loại rừng ở nước ta.Nêu ý nghĩa của tài nguyên rừng .  - Kể tên những rừng đặc dụng?Xác định.  ***\* Giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai:Tài nguyên rừng nước ta hiện nay như thế nào?Suy giảm tài nguyên rừng ảnh hưởng như thế nào đến môi trường, và đời sống nhân dân?Lợi ích của việc bảo vệ rừng?***  - Cơ cấu ngành lâm nghiệp gồm những hoạt động nào? ( khai thác- chế biến gỗ , lâm sản và trồng , bảo vệ rừng )  - Tình hình phát triển lâm nghiệp như thế nào ?  ( khai thác , trồng …?)  - Quan sát hình 9.1 và hình 9.2 hoạt động lâm nghiệp nước ta phân bố như thế nào ?  - Việc đầu tư trồng rừng đem lại lợi ích gì ? Tại sao chúng ta phải vừa khai thác vừa bảo vệ rừng?  - Xem tranh ảnh  \* Bước 2: GV nhận xét chuẩn kiến thức  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  ***Rừng có tác dụng gì đối với sản xuất và đời sống? Chúng ta phải làm gì để bào vệ rửng? Thấy được việc đầu tư trông rừng, vừa khai thác vừa bảo vệ rừng*** | **I. Lâm nghiệp**  Có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường .  **1. Tài nguyên rừng**  - Diện tích: 11,6 triệu ha, độ che phủ cả nước là 35% chiếm tỉ lệ thấp( 2000)  - Rừng bị cạn kiệt nhiều nơi, chất lượng không cao.  - Cơ cấu có ba loại :  + Rừng sản xuất.  + Rừng phòng hộ .  + Rừng đặc dụng.  **2 Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp**  - Khai thác hơn 2,5 triệu mét khối gỗ / năm , trong rừng sản xuất .  - Trồng mới 5 triệu ha rừng đến năm 2010 đưa tỉ lệ che phủ rừng lên 45%  - Phân bố :  + Khai thác và chế biến gỗ, lâm sản ở miền núi , trung du .  + Trồng rừng : Tăng độ che phủ rừng với mô hình nông lâm kết hợp . |

**\* Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố của**  **ngành thuỷ sản ( 20 phút )**

\* Mục tiêu: Vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển nước ta .

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ lâm nghiệp, thủy sản nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** (20 phút) ( nhóm – bàn )

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Hoạt động 2 : Tìm hiểu sự phát triển và phân bố của**  **ngành thuỷ sản ( 20 phút )**  ( nhóm – bàn )  \* Bước 1: - Quan sát hình 9.2 và sự hiểu biết của mình em hãy nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta ?  - Hãy xác định trên hình 9.2 những ngư trường trọng điểm ở nước ta?  - Hãy cho biết những khó khăn gây ra cho nghề khai thác và nuôi trồng thủy sản .  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  ***\* GDBVMT: ? Ảnh hưởng cua vấn đề khai thác thủy sản đối với môi trường nước? Có ý thức bảo vệ tài nguyên trên cạn và dưới nước. Không đồng tình với những hành vi phá hoại môi trường, khai thác nguồn thủy sản hợp lý và bảo vệ các vùng biển, ven biển khỏi bị ô nhiễm***  - Quan sát bảng 9.2. Hãy so sánh số liệu năm 1990 và năm 2002, rút ra nhận xét về sự phát triển của ngành thủy sản.  -Hãy xác định các tỉnh trọng điểm nghề cá ở nước ta ?  **\* Gv nhận xét chuẩn kiến thức** | **II. Ngành thuỷ sản**  - Vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển nước ta .  **1. Nguồn lợi thuỷ sản**  + Thuận lợi :  - Có vùng biển rộng với 4 ngư trường trọng điểm, nguồn lợi thủy sản phong phú …  - Bờ biển dài có nhiều vũng vịnh, bãi triều , đầm phá, rừng ngập mặn...  - Có nhiều sông , suối , ao, hồ ....  + Khó khăn :  - Thiếu vốn , kĩ thuật …  - Thiên tai trên biển : bão ...  - Môi trường bị suy thoái, nguồn lợi thủy sản suy giảm …  **2. Sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản**  - Khai thác chiếm tỉ trọng lớn , nuôi trồng chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng tốc độ tăng nhanh .  - Khai thác hải sản: Sản lượng tăng khá nhanh. Các tỉnh dẫn đầu: Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận.  - Nuôi trồng thuỷ sản: gần đây phát triển nhanh: Cà Mau, An Giang và Bến Tre  - Xuất khẩu thuỷ sản phát triển vượt bậc đạt trên 2 tỉ USD. |

**4. Tổng kết và hướng dẫn học tập :**

**\* Tổng kết:**

- Vai trò của ngành lâm nghiệp trong việc phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường .

- Nguồn lợi thủy sản nước ta phong phú như thế nào ? Tình hình phát triển ra sao ?

- Hướng dẫn làm bài tập 3 trang 37 sgk.**Vẽ biểu đồ hình cột ( nội dung điều chỉnh )**

**\* Hướng dẫn học tập :**

- Chuẩn bị bài 11 : Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp .

+ Vai trò của nhân tố tự nhiên và nhân tố kinh tế – xã hội .

+ Giá trị kinh tế của tài nguyên thiên nhiên

+ Đọc hình 11 trang 39 sgk .

**Rút kinh nghiệm :**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 6 Tiết: 11**

**Bài 10 : THỰC HÀNH**

**VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔICƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÂY, SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC,GIA CẦM**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Biết xử lí số liệu , chuyển từ số liệu tuyệt đối sang số liệu tương đối.

**2. Kĩ năng:**

- Vẽ biểu đồ cơ cấu hình tròn , đọc biểu đồ và vận dụng các kiến thức đã học về ngành nông nghiệp để phân tích qua biểu đồ .

**3. Thái độ** :

- Ý thức sự cần thiết phải thật cẩn thận khi tính toán và vẽ biểu đồ .

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bảng số liệu sgk

**2. Học sinh** :

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Ổn định lớp: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

**Kiểm tra 15 phút**

**3. Bài mới :**

Bài học hôm nay như bài học đã nêu rõ , chúng ta vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây của nước ta trong thời gian gần đây . Bài tập 1.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động1** : Ôn lại cách vẽ. ( cặp )  ( 10 phút )  - Khi nào ta vẽ biểu đồ tròn ?  - Để vẽ được biểu đồ được chính xác chúng ta phải làm gì ?  **+ Hoạt động 2 :** Các bước tiến hành cụ thể vẽ biểu đồ .( 10 phút )  - Hs Làm việc theo 4 nhóm  - Bước1: Lập bảng số liệu đã xử lí  - Bước 2 : Vẽ biểu đồ tròn  - Bước 3 : Nhận xét  - Hs trìnhbày – nhận xét .  - Gv chuẩn kiến thức . | **1. Ôn lại cách vẽ :**  **+ Khi nào vẽ biểu đồ tròn ?**  - Đề bài yêu cầu cụ thể .  - Đề bài muốn biểu hiện một cơ cấu hoặc nhiều thành phần trong một tổng thể .  - Đầu bài cho số liệu là % và tổng số bằng 100 % .  **+ Cách thể hiện :**  - Chuyển số liệu tuyệt đối ra số tương đối .  - Chuyển % ra số đo lượng giác 1 % = 3.6 0  - Điểm xuất phát từ tia 12 giờ và vẽ thuận chiều kim đồng hồ , đại lượng nào cho trước vẽ trước , có kí hiệu phân biệt các đại lượng trên biểu đồ .  - Số ghi trong biểu đồ ngay ngắn.(Số % )  - Tên biểu đồ ghi dưới hình .  - Lập chú giải – vẽ ngay ngắn bằng nhau theo đúng trình tự đầu bài.  **- Không vẽ những mũi tên hoặc chữ ở hình vẽ .**  **2. Các bước tiến hành cụ thể :**  **+ Lập bảng xử lí số liệu**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các nhóm cây | 1990 | 2002 | | Tổng số  Cây lương thực  Cây công nghiệp  Cây thực phẩm ,……… | 100 %  71.6 %  13.3 %  15.1 % | 100 %  64.9 %  18.2 %  16.9 % |   **+ Vẽ**  - Biểu đồ năm 1990 bán kính 20 mm  - Biểu đồ năm 2002 bán kính 24 m .      Biểu đồ cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây năm 1990 và năm 2002 ( % ).  **+ Nhận xét :**  - Trong cơ cấu diện tích gieo trồng cây lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất .  - Từ năm 1990 đến năm 2002 .  - Cây lương thực tăng về diện tích gieo trồng nhưng giảm tỉ trọng diện tích gieo trồng .  - Cây công nghiệp tăng cả về diện tích và tỉ trọng gieo trồng .  - Cây thực phẩm …. tăng ít .  - Sự thay đổi này cho thấy nước ta đã và đang từng bước phá thế độc canh , đa dạng hóa các loại cây trồng . Sự thay đổi này góp phần tăng giá trị sản phẩm của nền nông nghiệp nước ta , tạo nguồn cung cấp nguyên liệu quí giá cho công nghiệp chế biến và tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cao . |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** | |
| **+ Hoạt động 1 :** Hướng dẫn cách vẽ ( cặp )( 15 phút )    - Khi nào vẽ biểu đồ đường ?  - Cách thể hiện như thế nào ?  **+ Hoạt động 2 :** Các bước tiến hành cụ thể. ( 20 phút )  - Hs làm việc 4 nhóm .  - Cách tính tốc độ tăng trưởng .  - Tiến hành vẽ  - Giải thích tại sao đàn gia cầm và đàn lợn tăng nhanh nhất? Tại sao đàn trâu không tăng?  - Hs trình bày – nhận xét .  - Gv chuẩn kiến thức . | **1. Hướng dẫn cách vẽ :**  **+ Khi nào vẽ biểu đồ đường ?**  - Đề bài yêu cầu cụ thể  - Đầu bài muốn tŕnh bày sự phát triển , tốc độ tăng trưởng về loại h́nh nào đó .  **+ Cách thể hiện :**  - Trục tung như biểu đồ cột ( luôn luôn thể hiện đơn vị )  - Trục hoành luôn luôn biểu hiện thời gian . Chia đúng theo tỉ lệ , hình dung như một cây thước biểu hiện thời gian .  - Đường biểu diễn là đường nối các tọa độ được xác định bởi trục thời gian và đơn vị .( được xác định bằng điểm chấm ).  - Các đường biểu diễn được thể hiện bằng các màu hoặc đường nét liền , đứt …khác nhau .  - Chú giải nên ghi riêng thành bảng chú giải  - Ghi tên biểu đồ bên dưới .  **2. Các bước tiến hành cụ thể :**  + Tính tốc độ tăng trưởng .  - Lấy năm 1990 = 100%  \*Đàn trâu  1995=2962,8 \* 100 : 2854,1=103,8 %  2000=2897,2 \* 100 : 2854,1=101,5 %  Tương tự …..  + Vẽ biểu đồ :    + Nhận xét :  - Đàn lợn và gia cầm tăng nhanh nhất:Đây là nguồn cung cấp thực phẩm chủ yếu đảm bảo cho nhu cầu thực phẩm tăng nhanh . Nhờ giải quyết tốt nguồn thức ăn cho chăn nuôi, có nhiều hình thức chăn nuôi đa dạng  - Đàn trâu không tăng chủ yếu do kết quả cơ giới hóa nông nghiệp, nhu cầu về sức kéo giảm . | |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết:**

- Giáo viên nhận xét chấm điểm một số bài làm học sinh .

- Hoàn thành vở thực hành .

**Dặn dò :**

- Chuẩn bị bài 11 : Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp

**Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 6 Tiết: 12**

**Bài 11:**

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ**

**PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Biết nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng , tạo điều kiện cho việc phát triển một nền công nghiệp có cơ cấu đa dạng và phát triển nhiều ngành công nghiệp trọng điểm .

- Hiểu được rằng việc lựa chọn cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ công nghiệp phù hợp phải xuất phát từ việc đánh giá đúng tác động của các nhân tố này.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận xét các tài nguyên thiên nhiên trên bản đồ địa chất khoáng sản Việt Nam .

- Đọc sơ đồ thể hiện tác động các nguồn tài nguyên thiên nhiên đến sự h́ình thành và phát triển công nghiệp.

**3. Thái độ :**

- Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí để phát triển công nghiệp.

* ***GDBVMT: Mục I: Các nhân tố tự nhiên (Liên hệ)***
* ***GD sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Mục 1: Các nhân tố tự nhiên***

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung : Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực quản lý; năng lực giao tiếp; hợp tác; năng lực sử dụng công nghệ thông tin; năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tư duy tổng hộp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; thống kê số liệu; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bảng số liệu SGK

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Kiểm tra bài cũ :**

- Vai trò của ngành lâm nghiệp trong việc phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Nguồn lợi thủy sản nước ta phong phú như thế nào? T́ình h́ình phát triển ra sao?

**2. Bài mới :**

- Cũng như nông nghiệp, sự phát triển và phân bố công nghiệp chịu sự tác động của điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội. Song mức độ ảnh hưởng như thế nào? Vấn đề này sẽ được chúng ta nghiên cứu trong bài học hôm nay.

\* Hoạt động 1: **Các nhân tố tự nhiên (15 phút)**

**\* Mục tiêu : Thấy được vai trò của nhân tố tự nhiên**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ tự nhiên nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** (15phút) ( bàn )

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1: Các nhân tố tự nhiên (bàn )( 15 phút )**  ***\* Bước 1:*** - Quan sát sơ đồ h́ình 11.1 chưa hoàn chỉnh  - Điền vào các ô bên phải bị bỏ trống.  - Vai trò của các yếu tố tự nhiên đến sự phát triển công nghiệp .  - HS :Tŕnh bày - GV Chuẩn xác  - Quan sát bản đồ“Địa chất – khoáng sản Việt Nam”  - Khoáng sản tập trung ở những vùng nào?  - Nhận xét về tài nguyên thiên nhiên nước ta? Sự phân bố của các tài nguyên đó?  - Những tài nguyên thiên nhiên đó là cơ sở để phát triển những ngành kinh tế nào?  - Nêu ảnh hưởng của sự phân bố tài nguyên khoáng sản tới sự phân bố một số ngành công nghiệp trọng điểm.  ***\* Bước 2: - HS :Tŕnh bày - GV Chuẩn xác***  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường ) *\* GD sử dụng TKNL và hiệu quả:Chúng ta phải khai thác, sử dụng tài nguyên thủy điện, nhiệt điện, dầu mỏ, khí đốt NTN? Vấn đề khai thác thủy điện, nhiệt điện, khai thác dầu mỏ, khí đốt một cách tiết kiệm hôp lí***  - Các nguồn tài nguyên thiên nhiên là rất quan trọng nhưng không phải là nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố công nghiệp  ***\* GDBVMT: ? Chúng ta phải làm gì để bảo vệ nguồn tài nguyên đó? Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển công nghiệp*** | **I. Các nhân tố tự nhiên**  - Tài nguyên thiên nhiên nước ta đa dạng tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành.  - Các tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  - Sự phân bố các loại tài nguyên khác nhau tạo ra các thế mạnh khác nhau của từng vùng. |

**Hoạt động 2: Các nhân tố kinh tế – xã hội( 20 phút** )

\* Mục tiêu: Thấy được vai trò của nhân tố kinh tế - xã hội là quan trọng đối với công nghiệp

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ tự nhiên nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** (20phút) nhóm

- Hoạt động 4 nhóm – 4 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 2 :** **Các nhân tố kinh tế – xã hội( 20 phút** )  ***\* Bước 1: - Hoạt động 4 nhóm – 4 phút***  - Nhóm 1, 2 :  - Dân cư và lao đông nước ta có đặc điểm gì ? Điều đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế ?  - Nhận xét về: Cơ sở vật chất- kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng nước ta ?  - Nhóm 3.4 :  - Việc cải thiện hệ thống đường giao thông có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển công nghiệp ?  - Hãy kể môt số đường giao thông nước ta mới đầu tư lớn?  - Chính sách phát triển công nghiệp ở nước ta có đặc điểm gì ? Điều đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế ?  - Thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển công nghiệp ?  ***\* Bước 2 - Hs trình bày – nhận xét***  ***- Gv chuẩn kiến thức .*** | **II. Các nhân tố kinh tế – xã hội**  **1. Dân cư và lao động**  - Nước ta có số dân đông, nhu cầu, thị hiếu có nhiều thay đổi.  - Nguồn lao động dồi dào và có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật và thu hút đầu tư nước ngoài.  **2. Cơ sở vật chất- kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng.**  - Nhiều trình độ công nghệ chưa đồng bộ. Phân bố tập trung ở một số vùng.  - Cơ sở hạ tầng đang từng bước được cải thiện.  **3. Chính sách phát triển công nghiệp**  - Chính sách công nghiệp hoá và đầu tư. Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần và các chính sách khác.  **4. Thị trường**  - Ngày càng mở rộng và đang cạnh tranh quyết liệt . |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

- Các tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta như thế nào

- Các nhân tố kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta như thế nào

- Làm bài tập 1, 2 sgk .

- Chuẩn bị bài 12 :Sự phát triển và phân bố công nghiệp

+Thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm ?

+ Nước ta có các ngành công nghiệp trọng điểm nào ?

+ Quan sát hình 12.2 12.3 .

+ Xác định các trung tâm công nghiệp lớn ?

**Rút kinh nghiệm :**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 7 Tiết: 13**

**Bài 12**

**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Hiểu được cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng , một số ngành công nghiệp chủ yếu .

- Trình bày được sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta , sự phân bố các ngành công nghiệp trọng điểm. Thành tựu của sản xuất công nghiệp .

- Biết việc phát triển không hợp lí một số ngành công nghiệp đã và sẽ tạo nên sự cạn kiệt khoáng sản và gây ô nhiễm môi trường .

**2. Kĩ năng:**

- Đọc và phân tích được biểu đồ cơ cấu ngành công nghiệp.

- Xác định được một số trung tâm công nghiệp vị trí nhà máy điện và các mỏ than dầu khí.

- Phân tích mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên - môi trường - hoạt động công nghiệp .

***- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , biểu đồ và bài viết để tìm hiểu cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta , tình h́ình phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp.***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm .***

***- Làm chủ bản thân : Quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong nhóm.***

***- Tự nhận thức Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và trình bày thông tin .***

***- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Động não , thảo luận nhóm , học sinh làm việc cá nhân.***

**3. Thái độ :**

- Thấy được sự cần thiết phải khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí và bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển công nghiệp .

***\* GD sử dụng NLTK và hiệu quả, GDBVMT: Mục 2: các ngành công nghiệp trọng điểm***

***\* Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, và phòng, chống thiên tai: Mục II: Các ngành công nghiệp trọng điểm***

***4. Định hướng năng lực được hình thành***

***- Năng lực chung: Năng lực tư duy; giải quyết vấn đề; tự học; hợp tác; giao tiếp; sử dụng ngôn ngữ; tính toán***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ công nghiệp Việt Nam

- Một số tranh ảnh

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ** :

- Tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta như thế nào

**2. Bài mới :**

Công nghiệp là một ngành kinh tế non trẻ của nước ta , song đã và đang trở thành một ngành kinh tế quan trọng của cả nước .Trong quá trình công nghiệp hóa , công nghiệp nước ta đang có những bước tiến rất mạnh mẽ . Sự phát triển và phân bố công nghiệp Việt Nam ra sao sẽ được chúng ta tìm hiểu trong bài học hôm nay .

\* Hoạt động 1: **Hoạt động 1 : Cơ cấu ngành công nghiệp ( cá nhân ) ( 10 phút )**

**\* Mục tiêu: Thấy được cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đa dạng**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ công nghiệp, nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân (10 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1 : Cơ cấu ngành công nghiệp**  - Hệ thống công nghiệp nước ta có các thành phần nào ?  - Quan sát hình 12. 1 em có nhận xét gì về cơ cấu ngành công nghiệp nước ta năm 2002 ?  - Nhắc lại thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm?  - Các ngành công nghiệp có tỉ trọng lớn dựa trên các thế mạnh nào? Vai tṛò .  - Quan sát h́ình 12.1, dựa vào tỉ lệ % hãy xếp thứ tự các ngành công nghiệp trọng điểm theo tỉ trọng % từ lớn đến nhỏ. | **I. Cơ cấu ngành công nghiệp**  - Công nghiệp nước ta hiện nay gồm các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài  - Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng ,đủ các lĩnh vực .  - Đã được h́ình thành một số ngành công nghiệp trọng điểm. |

**\*Hoạt động 2: Các ngành công nghiệp trọng điểm ( 20 phút )( nhóm )**

**\* Mục tiêu: Thấy được thế mạnh các ngành công nghiệp của nước ta dựa trên thế mạnh của TNTN**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ công nghiệp, nước ta, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (20 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Hoạt động 2 :** **Các ngành công nghiệp trọng điểm ( 20 phút )( nhóm )**  \* Bước 1 : - Quan sát bản đồ công nghiệp Việt Nam .  Thảo luận 6 nhóm – thời gian : 2 phút  + Nhóm 1.2 :  - Nêu tình h́ình phát triển ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu , công nghiệp điện Nơi phân bố .Xác định trên lược đồ các mỏ than , mỏ dầu khí đang được khai thác,các nhà máy thủy điện và nhiệt điện lớn của nước ta  + Nhóm 3.4 :  - Nêu tình hình phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm và dệt may .  - Nơi phân bố . Xác định các trung tâm dệt may lớn của nước ta .  ***\* Bước 2: Đại diện nhóm trình bày – nhận xét***  . ***GD sử dụng TKNL và hiệu quả: Phát triển các nguồn năng lượng, đảm bảo năng lượng cho phát triển kinh tế và phát triển kinh tế và phát triển bền vũng***  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường )**  ***\* GDBVMT:Nếu ta khai thác quá mức tài nguyên sẽ dẫn đến vấn đề gi? Biết việc phát triển không hợp lý một số ngành công nghiệp đã và sẽ tạo nên sự cạn kiệt khoáng sản và gây ô nhiễm môi trường. Thấy được sự cần thiết phải khai thác TNTN một cách hợp lý và BVMT trong quá trình phát triển công nghiệp***  ***\* Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, và phòng, chống thiên tai:? Nếu khai thác nhiều các ngành trọng điểm sẽ ảnh hưởng đến Mt không, tài nguyên không***  ***? Chúng ta sẽ sử dụng những ngành công nghiệp ít ảnh hưởng đến biến đổi khí hậu***  - Tại sao các TP trên là những trung tâm dệt may lớn nhất nước ta ?  - Xem ảnh các nhà máy điện và cung cấp thông tin .  **+ Hoạt động 3 :** **Các trung tâm công nghiệp lớn ( cá nhân ) ( 5 phút )**  - Dựa vào bản đồ công nghiệp Việt Nam. Xác định hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất cả nước. Kể và xác định một số trung tâm công nghiệp tiêu biểu cho hai khu vực trên. | **II. Các ngành công nghiệp trọng điểm**  **1. Công nghiệp khai thác nhiên liệu**  - Than: 15 - 20 triệu tấn / năm , chủ yếu Quảng Ninh .  - Dầu khí ở thềm lục địa phía Nam , khai thác hơn 100 triệu tấn dầu và hàng tỉ mét khối khí .  **2. Công nghiệp điện**  - Nhiệt điện than  - Nhiệt điện khí  - Thủy điện .  **3. Một số ngành công nghiệp nặng khác**  **(Giảm tải )**  **4. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm**  - Chế biến sản phẩm trồng trọt , chăn nuôi, thủy sản . Tập trung chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, Hà Nội ………  **5. Công nghiệp dệt may**  - Là mặt hàng xuất khẩu quan trọng của nước ta .  - Tập trung ở TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định…  **III. Các trung tâm công nghiệp lớn**  - Trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước là TP Hồ Chí Minh, Hà Nội  - CN đang phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa đất nước. |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

- Tại sao nói cơ cấu công nghiệp Việt Nam khá đa dạng ?

Chọn câu trả lời đúng nhất :

- Ngành công nghiệp nào sau đây dựa vào nguồn lao động dồi dào và có tay nghề cao ?

a. Công nghiệp khai thác nhiên liệu

b. Công nghiệp điện

c. Công nghiệp hóa chất

d. Công nghiệp dệt may **. ( d )**

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

- Chuẩn bị bài 13 Vai trò- đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ .

+ Vai trò ngành dịch vụ .

+ Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng như thế nào ?

+ Đặc điểm phát triển và phân bố của ngành dịch vụ ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 7 Tiết: 14**

**Bài 13 :**

**VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Nắm được vai tṛò và cơ cấu ngành dịch vụ .

- Biết được đặc điểm phân bố của các ngành dịch vụ nói chung .

**2. Kĩ năng:**

- Xác định các trung tâm dịch vụ lớn của nước ta

- Phân tích số liệu , biểu đồ để nhận biết cơ cấu và sự phát triển của ngành dịch vụ .

**3.Thái độ**: Biết được sự phân bố của ngành dịch vụ phụ thuộc vào yếu tố dân cư

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung: Năng lực tư duy; giải quyết vấn đề;tự học; hợp tác; giao tiếp; sử dụng ngôn ngữ; tính toán

- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng sơ đồ; hình vẽ; tranh ảnh; tổng hợp tư duy theo lãnh thổ.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ kinh tế Việt Nam .

- Sơ đồ về cơ cấu các ngành dịch vụ ở nước ta

- Một số h́ình ảnh về các hoạt động dịch vụ hiện nay ở nước ta

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Kể tên các ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta .

**2. Bài mới :**

- Nền kinh tế càng phát triển, dịch vụ càng đóng vai tṛò quan trọng. Ở nước ta ngành dịch vụ có ý nghĩa như thế nào, sự phát triển và phân bố ra sao? Những vấn đề này chúng ta nghiên cứu trong bài học hôm nay .

**Hoạt động 1:** **Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế**

**\* Mục tiêu: Biết được cơ cấu DV nước ta, vai trò của Dv đối đời sống và sản xuất**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** (15phút) ( cá nhân)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1:** **Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế ( Cá nhân )( 15 phút )**  **\* Bước 1: Cá nhân trả lời câu hỏi**  - Em có hiểu biết gì về dịch vụ? Đó là ngành kinh tế như thế nào?  - Quan sát h́ình 13.1 . Cho biết cơ cấu các ngành dịch vụ nuớc ta năm 2002 gồm những hoạt động gì ?  - Quan sát h́ình ảnh các ngành dịch vụ ở nước ta .  - Quan sát biểu đồ cho biết ngành dịch vụ nào chiếm tỉ lệ cao nhất?  - Chứng minh rằng nền kinh tế càng phát triển thì hoạt động dịch vụ càng trở nên đa dạng?  - Địa phương em có những dịch vụ nào đang phát triển ?  - Dịch vụ có vai trò như thế nào trong sản xuất?  - Đối với đời sống dịch vụ có vai trò như thế nào ?  - Phân tích vai trò của ngành bưu chính- viễn thông trong sản xuất và đời sống?  **Bước 2: Gv nhận xét bổ sung chuẩn kiến thức** | **I. Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế**  **1. Cơ cấu ngành dịch vụ**  - Cơ cấu đa dạng gồm:  + Dịch vụ tiêu dùng  + Dịch vụ sản xuất  + Dịch vụ công cộng  - Dịch vụ là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt .  - Kinh tế càng phát triển dịch vụ càng đa dạng .  **2. Vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống**  - Thúc đẩy sản xuất phát triển  - Tạo ra mối liên hệ giữa các ngành , các vùng .  -Tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, tăng nguồn thu nhập cho ngân sách |

**\* Hoạt động 2: Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta ( Nhóm – bàn )( 20 phút )**

\* Mục tiêu: Biết được đặc điểm và phát triển ngành DV nước ta

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm bàn (20 phut)

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt dộng của thầy và trò | Kiến thức cơ bản |
| **+ Hoạt động 2:** **Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước**  **Bước 1: Nhóm bàn thực hiện trả lời các câu hỏi:** - Nhận xét sự phát triển ngành dịch vụ nước ta như thế nào?  - Vai trò của ngành bưu chính viễn thông trong sản xuất và đời sống .  - Quan sát bảng Tỉ trọng dịch vụ trong GDP của Việt Nam và một số nước trên thế giới kết hợp sgk hãy so sánh và nêu nhận xét về sự phát triển ngành dịch vụ nước ta .  - Vấn đề đặt ra đối với ngành dịch vụ nước ta là gì?  - Thảo luận nhóm - 3’ (4HS)  - Dựa vào h́ình 13.1 tính tỉ trọng của các nhóm dịch vụ ở nuớc ta và nêu nhận xét?  ***Bước 2: - Hs trình bày – nhận xét - Gv chuẩn kiến thức .***  - Giới thiệu việc đầu tư xây dựng khu giải trí phức hợp Happy land ở Long An  - Sự phân bố ngành dịch vụ phụ thuộc vào những yếu tố nào?  - Nêu đặc điểm phân bố ngành dịch vụ nước ta .  -Tình hình phân bố ngành dịch vụ nước ta như thế nào ?  - Những nơi nào hoạt động dịch vụ phát triển? Vì sao ?  - Những nơi nào hoạt động dịch vụ ít phát triển?Vì sao ?  - Tại sao các hoạt động dịch vụ ở nước ta phân bố không đều ?  - Trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta phân bố ở đâu?  - Kể tên trung tâm dịch vụ lớn nhất nước ta ?Xác định trên lược đồ các trung tâm đó? | **II. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta**  **1. Đặc điểm phát triển**  - Phát triển khá nhanh, thu hút 25 % lao động , chiếm 38.5 % GDP.  - Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng .  - Chủ yếu là dịch vụ tiêudùng 51 %,dịch vụ sản xuất chiếm tỉ trọng nhỏ 26.8 %  - Cần nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ .  **2. Đặc điểm phân bố**  - Ở đô thị lớn hơn nông thôn .  - Ở đồng bằng lớn hơn miền núi .  - Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta . |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

- Em hãy hoàn chỉnh sơ đồ : Cơ cấu các ngành dịch vụ nước ta . ( phụ lục )

- Sự phân bố các hoạt động dịch vụ phụ thuộc vào yếu tố nào ?

a - Tài nguyên thiên nhiên phong phú .

b - Giao thông thuận lợi .

c - Dân đông , kinh tế phát triển .( c )

d - Cả ba ý trên .

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

- Chuẩn bị bài 14 : Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

+ Ý nghĩa của giao thông vận tải đối với phát triển kinh tế .

+ Giao thông vận tải có các loại hình nào ? Ưu, nhược điểm từng loại ?

+ Vai trò hoạt động bưu chính viễn thông và các thành tựu quan trọng .

**V. Phụ lục**

***Dịch vụ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | |
| **Dịch vụ tiêu dùng**  - Thương nghiệp …  - Khách sạn ,…  - Dịch vụ cá nhân ,  và công cộng | **Dịch vụ sản xuất**  - Giao thông vận tải  - Tài chính tín dụng  - Kinh doanh tài sản, tư vấn | **Dịch vụ công cộng**  **-** KH công nghệ **…**  **-** Quản lí nhà nước , đoàn thể …. |

**- Rút kinh nghiệm :**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Tuần: 8 Tiết: 14,15**

**Bài 14.**

**GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được tình hình phát triển và đặc điểm phân bố của các mạng lưới và các đầu mối giao thông vận tải chính của nước ta , cũng như các bước tiến mới trong hoạt động giao thông vận tải.

- Nắm được các thành tựu to lớn của ngành bưu chính viễn thông và tác động của các bước tiến này đến đời sống kinh tế xã hội của đất nước.

**2 Kĩ năng:**

- Đọc và phân tích lược đồ giao thông vận tải ở nước ta xác định các tuyến đường giao thông quan trọng QL 1A , đường Hồ Chí Minh , đường sắt Thống Nhất, sân bay Hà Nội , Đà Nẵng , TP Hồ Chí Minh , cảng Hải Phòng , Đà Nẵng , Sài Gòn .

- Phân tích mối quan hệ giữa sự phân bố mạng lưới giao thông vận tải với sự phân bố các ngành kinh tế khác.

***- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / sơ đồ ,biểu đồ, bảng số liệu và bài viết để tìm hiểu về tình hình phát triển ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm .***

***- Làm chủ bản thân : Quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong nhóm.***

***- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm/ kĩ thuật các mảnh ghép.***

**3. Thái độ:**

- Giáo dục ý thức thực hiện luật an toàn giao thông.

***\* GD ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai: Mục I: Giao thông vận tải***

***\* GD sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả***

**4. Định hướng năng lực được hình thành**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản lý; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác;năng lực sử dụng CNTT; sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng thống kê số liệu; hình ảnh; tranh ảnh; hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ giao thông vận tải Việt Nam

- Một số hình ảnh về các công trình giao thông vận tải.

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Kiểm tra bài cũ**

- Nêu cơ cấu, vai trò của ngành dịch vụ trong nền kinh tế ?

- Nêu đặc điểm phát triển và phân bố của ngành dịch vụ ở nước ta?

**2.Bài mới:**

- Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế đất nước , ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng . Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ nghiên cứu về sự phát triển và phân bố hai ngành kinh tế này .

***\** Hoạt động 1: Giao thông vận tải**

**\* Mục tiêu: Biết Ý nghĩa, Giao thông vận tải ở nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (20 phut)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: Cho HS thảo luận nhóm**  - Giao thông vận tải có ý nghĩa như thế nào ?  - Tại sao khi tiến hành đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường giao thông vận tải được chú trọng đi trước một bước?  - Không thể thiếu đối với các ngành sản xuất.Là mạch máu trong cơ thể. Là ngành có vị trí quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của đất nước, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.  **\* Bước 2:** - Làm việc theo nhóm 4’ ( 4 nhóm )  - Kể tên các loại hình giao thông vận tải nước ta? Xác định các tuyến đường này trên bản đồ ?  **Bước 3:** - Hs trình bày  - Gv chuẩn xác.  - Dựa vào bảng 14.1 hãy cho biết ngành nào có vai trò quan trọng nhất ?Vì sao?  - Ngành nào có tỉ trọng tăng nhanh nhất? Tại sao ?  - Quan sát Bản đồ giao thông vận tải Việt Nam .  - Xác định và nêu vai trò của quốc lộ 1A, đường sắt Thống Nhất, cảng Sài Gòn, Hải Phòng, Đà Nẵng, sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất ?  - Hãy kể tên các tuyến đường sắt,ô tô chính?  - Nhận xét về mạng lưới đường sông ở nước ta ?  - Tìm các cảng biển lớn nhất trên bản đồ ?  - Nhân xét về đường hàng không Việt Nam ?  - Nêu vai trò của đường ống nước ta ? | **I.Giao thông vận tải**  **1.Ý nghĩa**  - Giao thông vận tải có vai trò đặc biệt trong mọi ngành kinh tế:  + Thúc đẩy sản xuất phát triển  + Thực hiện mối quan hệ trong nước và ngoài nước.  **2.Giao thông vận tải ở nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình**  + Cơ cấu :Có đủ các loại hình vận tải .  - Đường bộ chở nhiều hàng hóa và hành khách nhất , đầu tư nhiều nhất .  - Đường sắt : Luôn được cải tiến ( Thống Nhất)  - Đường sông mới khai thác mức độ còn thấp .  - Đường biển : vận tải biển quốc tế đang được đẩy mạnh.  - Đường hàng không đã và đang phát triển theo hướng hiện đại hóa  - Đường ống ngày càng phát triển .  + Phân bố :  - Tỏa rộng khắp cả nước , phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế xã hội .  + Chất lượng đang được nâng cao . |

**\* Hoạt động 2: Bưu chính viễn thông ( 15 phút )**

**\* Mục tiêu: Biết** Bưu chính viễn thông có ý nghĩa chiến lược trong quá trình công nghiệp hoá , giúp ta hội nhập thế giới .

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Nhóm (20 phut)

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động dạy và học | Kiến thức cơ bản |
| **+ Hoạt động 2:**  - Hs: thảo luận 4 nhóm 4’  + Nhóm 1.2  - Bưu chính viễn thông có vai trò như thế nào trong quá trình công nghiệp hoá?  - Bưu chính viễn thông gồm những dịch vụ cơ bản nào?  + Nhóm 3.4  - Dựa vào hình 14.3 .Nhận xét mật độ điện thoại cố định ở nước ta ? Thành tựu bưu chính viễn thông .  - Việc phát triển các dịch vụ điện thoại và Internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế- xã hội ?  - Hs trình bày - nhận xét  - Gv chuẩn xác. | **II. Bưu chính viễn thông**  - Bưu chính viễn thông có ý nghĩa chiến lược trong quá trình công nghiệp hoá , giúp ta hội nhập thế giới .  - Dịch vụ đa dạng  - Phát triển nhanh về số lượng và chất lượng , đi thẳng vào hiện đại hóa .  - Việt Nam là nước có tốc độ phát triển điện thoại đứng thứ hai trên thế giới. |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**-** Nêu vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải ở nước ta ?

- Vai trò của bưu chính viễn thông trong phát triển kinh tế ?

- Học bài làm bài tập 4 trang 55 Sgk .

- Chuẩn bị bài 15 : Thương mại và du lich

+ Tình hình phát triển và phân bố thương mại ở nước ta .

+ Tiềm năng du lịch nước ta .

+ Tình hình phát triển du lịch .

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 9 Tiết: 17:**

**BÀI 15**

**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được các đặc điểm phát triển và phân bố của ngành thương mại và du lịch nước ta

- Nắm được Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là các trung tâm thương mại du lịch lớn nhất cả nước.

- Nắm được nước ta có tiềm năng du lịch khá phong phú và ngành du lịch đang trở thành ngành kinh tế quan trọng.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc và phân tích các biểu đồ

- Phân tích bảng số liệu

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn các giá trị thiên nhiên , lịch sử văn hoá … của địa phương.

***\* Tích hợp bảo vệ môi trường: Mục II: Du lịch***

**4. Định hướng năng lực được hình thành**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản lý; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác;năng lực sử dụng CNTT; sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng thống kê số liệu; hình ảnh; tranh ảnh; hình vẽ

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Hình ảnh thương mại và du lịch .

- Các biểu đồ hình 15.1và 15.2.

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ**

- Việc phát triển các dịch vụ điện thoại và internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế xã hội nước ta ?

**2. Bài mới** :

- Thương mại và du lịch là hai ngành kinh tế không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất nhưng có vai trò thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế nước ta . Sự phát triển của thuơng mại và du lịch như thế nào chúng ta tìm hiểu bài 15 :….

\* Hoạt động 1: **Thương mại**

**\* Mục tiêu:** - Nắm được các đặc điểm phát triển và phân bố của ngành thương mại gồm nội thương và ngoại thương

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân (20 phut)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **\* Bước 1: HS quan sát trả lời câu hỏi**  - Cơ cấu thương mại :  - Em hiểu như thế nào về nội thương?  - Quan sát bảng 15.1  - Cho biết hoạt động nội thương tập trung nhiều nhất ở những vùng nào của nước ta ?  - Tại sao nội thương phát triển ở Đông Nam Bộ , kém phát triển ở Tây Nguyên  - Nhận xét nội thương ở nước ta ?  - Em hiểu như thế nào về ngoại thương?  - Nêu vai trò của ngoại thương?  - Tại sao trong quá trình đổi mới ngoại thương được chú trọng đẩy mạnh?  - Quan sát hình 15.6  - Hãy nhận xét biểu đồ và kể tên các mặt hàng xuất ,nhập khẩu chủ lực của nước ta mà em biết?  - Tình hình xuất, nhập khẩu trước kia và hiện nay ở nước ta?  - Tại sao trong qúa trình đổi mới, ngoại thương được chú trọng đẩy mạnh?  - Hình ảnh minh họa  - Hiện nay ta buôn bán nhiều nhất với những nước nào?  - Vì sao nước ta buôn bán nhiều nhất với thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương?  **Bước 2: Gv nhận xét, chuẩn kiến thức**  **+ Hoạt động 2 :** **Du lịch(Cá nhân )( 15 phút )**  - Em có nhận xét gì về ngành kinh tế du lịch nước ta ?  - Kể tên các tài nguyên du lịch tự nhiên ở nước ta ? –  - Kể tên các tài nguyên du lịch nhân văn ở nước ta ?  - Địa phương em có những điểm du lịch nào?  - Kể tên các điểm du lịch nổi tiếng đã được công nhận là di sản thế giới?  - Liên hệ địa phương  - Biện pháp phát triển du lịch .  ***\* GDBVMT: Là công d6an Việt Nam em phải làm gì để quảng bá hình ảnh du lịch Việt Nam và bảo vệ TNDL đóCó ý thức trách nhiệm với cộng đồng trong vấn dề bảo vệ tài nguyên du lịch*** | **I. Thương mại :**  **1. Nội thương** :  - Phát triển mạnh , không đều giữa các vùng  - Hàng hóa dồi dào , đa dạng , tự do lưu thông .  - Nhiều thành phần kinh tế tham gia .  - Hà Nội -Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại , dịch vụ lớn và đa dạng nhất nước ta  **2. Ngoại thương :**  - Vai trò quan trọng nhất ở nước ta  - Xuất khẩu: Hàng công nghiệp nặng, khoáng sản , nông lâm thuỷ sản, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp  - Nhập khẩu: Máy móc thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu …  - Nước ta ngày càng mở rộng buôn bán với nhiều nước khu vực chấu Á – Thái B́nh Dương .  **II. Du lịch**  + Vai trò : Ngày càng khẳng định vị thế của mình trong cơ cấu kinh tế cả nước  + Tiềm năng phong phú  - Tài nguyên du lịch tự nhiên  - Tài nguyên du lịch nhân văn  - Phát triển ngày càng nhanh .  - Thu hút đông đảo khách trong nước và quốc tế . |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

- Vì sao nước ta buôn bán nhiều nhất với thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương?

- Hà Nội -Thành phố Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại , dịch vụ lớn nhất nước ta?

- Học bài ,hoàn thành vở bài tập .

- Chuẩn bị bài 16 :Thực hành Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế .

+ Xem nội dung gợi ý sách giáo khoa

+ Chuẩn bị máy tính , dụng cụ vẽ .

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...............

**Tuần: 9 Tiết: 18:**

**Bài 16 :**

**THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

- Biết vận dụng các kiến thức đă học từ bài 6 và sự hiểu biết của mình phân tích được sự thay đổi cơ cấu kinh tế qua biểu đồ miền .

**2. Kĩ năng:**

- Nhận xét biểu đồ

- Vẽ biểu đồ miền

**3. Thái độ :**

- Cẩn thận tính toán , tỉ mỉ khi vẽ biểu đồ .

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bảng số liệu

- Biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ**

- Vì sao nước ta buôn bán nhiều nhất với thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương?

- Hà Nội -Thành phố Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại , dịch vụ lớn nhất nước ta?

**2. Bài mới :**

- Nền kinh tế nước ta đã và đang chuyển biến tích cực . Nhất là trong thời kì đổi mới , hội nhập với thế giới , kinh tế nước ta càng thay đổi nhanh về giá trị sản lượng và cơ cấu . Làm thế nào để thể hiện tốt nhất sự thay đổi cơ cấu nền kinh tế nước ta ? Bài thực hành hôm nay giúp chúng ta biết điều đó .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1** :**Hướng dẫn cách vẽ biểu đồ miền ( 10 phút )**  - Khi nào vẽ biểu đồ miền ?  - Ưu thế của biểu đồ miền ?  - Gv hướng dẫn cách vẽ .  **+ Hoạt động 2 :Vẽ biểu đồ ( 25 phút )**  - Vẽ biểu đồ miền. 4 nhóm và nhận xét  - Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu GDP trong thời kì 1991 – 2002 với các câu hỏi sau :  + Như thế nào?(hiện trạng, xu hướng biến đổi của hiện tượng, quá tŕnh )  + Tại sao?( nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi trên)  + Điều ấy có ý nghĩa gì?  - Xem lại bài 6 .  - Hs : Trình bày  - Gv :Chuẩn xác chấm điểm cho các nhóm ( 5 phút ) | **1.Cách vẽ biểu đồ miền :**  +Khi nào vẽ biểu đồ miền ?  - Đề bài yêu cầu .  - Thể hiện sự thay đổi cơ cấu của đối tượng trong nhiều năm .  - Sử dụng khi chuỗi số liệu nhiều năm từ 4 năm trở lên .  + Cách vẽ :  - Vẽ khung hình chữ nhật .  - Trục đứng ( tung ) thể hiện % chia từ 0 đến 100 % .  - Trục ngang ( hoành ) thể hiện các năm , khoảng cách năm chia đúng theo tỉ lệ .  - Vẽ lần lượt vẽ đối tượng thứ nhất ( miền 1 ) từ dưới lên , kế đến vẽ đối tượng thứ 3 ( miền 3 ) từ trên xuống , đối tượng thứ hai ( miền 2 ) nằm giữa miền 1 và miền 3 .  - Cần thể hiện kí hiệu phân biệt các đại lượng trên biểu đồ , lập bảng chú giải , ghi tên biểu đồ .  **2. Vẽ biểu đồ :**  - Vẽ  ( phụ lục )  - Nhận xét :  + Tỉ trọng nông ,lâm ,ngư nghiệp liên tục giảm .  + Tỉ trọng công nghiệp – xây dựng tăng nhanh .  + Chứng tỏ quá trình công nghiệp hóa , hiện đại hóa đang phát triển nhanh , nước ta đang chuyển từ nước nông nghiệp sang công nghiệp .  + Nước ta đã ḥội nhập với khu vực và thế giới . |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

- Gv nhận xét sự chuẩn bị của Hs , thái độ học tập , chấm điểm , rút kinh nghiệm .

**-** Hoàn chỉnh bài thực hành .

- Ôn lại bài 1 đến bài 16 theo 16 câu hỏi ( bài ôn tập )

- Chia 4 nhóm mỗi nhóm chuẩn bị 4 câu trình bày

**V. Phụ luc :**

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 10 Tiết: 19**

**ÔN TẬP**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức** :

Hệ thống lại kiến thức về

- Dân số, gia tăng dân số , tình hình phân bố dân cư , nguồn lao động và việc sử dụng lao động .

- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp , công nghiệp nước ta .

- Tình hình , xu hướng phát triển và phân bố một số ngành kinh tế ở nước ta .

**2. Kĩ năng :**

- Đọc và phân tích biểu đồ, lược đồ , phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và phát triển kinh tế .

**3. Thái độ :**

- Có ý thức tự học .

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam

- Bản đồ kinh tế Việt Nam

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh

**2. Bài mới :**

Từ bài 1 đến bài 16 , chúng ta được nghiên cứu các nội dung quan trọng về dân cư , đặc điểm chung của nền kinh tế và các ngành kinh tế . Tiết học này chúng ta sẽ hệ thống lại các kiến thức quan trọng đó .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+Hoạt động 1 : Lý thuyết ( 20 phút )**  Gv đưa ra hệ thống câu hỏi  1 Những nét văn hóa riêng của các dân tộc thể hiện ở những mặt nào ?  2. Dân số đông và tăng nhanh gây ra hậu quả gì ?Lợi ích của việc giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên ?  3. Tình hình phân bố dân cư nước ta .  4. Nguồn lao động nước ta có những mặt mạnh và hạn chế gì ?  5. Tại sao nói việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta ?  6. Để giải quyết việc làm cần phải có giải pháp gì ?  7. Hãy nêu một số thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế ở nước ta .  8. Sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng gì đến phát triển và phân bố nông nghiệp ?  9. Việc đầu tư trồng rừng đem lại lợi ích gì? Tại sao chúng ta vừa khai thác , vừa bảo vệ rừng ?  10. Kể tên các ngành công nghiệp trọng điểm . Chứng minh rằng nhờ có nguồn tài nguyên thiên đa dạng nên cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng .  11. Vai trò của bưu chính viễn thông trong sản xuất và đời sống .  12 . Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại , dịch vụ lớn nhất cả nước ?  **+ Hoạt động 2**: Phần thực hành( 15 phút )  1.Phân tích bảng số liệu về dân số nước ta phân theo thành thị và nông thôn …..  2. Vẽ biểu đồ thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng ….( trang 38 sgk )  3. Vẽ biểu đồ sự thay đổi cơ cấu GDP …( trang 60 sgk )  4. Vẽ sơ đồ ngành dịch vụ ( trang 50 sgk )  - Hs trình bày – bổ sung  - Gv chuẩn kiến thức . | **A . Lý thuyết :**  1. Nét văn hóa của mỗi dân tộc thể hiện trong ngôn ngữ , trang phục , phong tục tập quán ,….  2. Dân số tăng nhanh gây sức ép tới kinh tế , tài nguyên , môi trường , chất lượng cuộc sống ….Giảm tỉ lệ gia tăng dân số giải quyết được nạn thất nghiệp , đảm bảo nâng cao mức sống người dân ,…  3. Dân cư phân bố không đều đông ở đồng bằng , ven biển , đô thị , miền núi thưa dân ….  4. Mặt manh : nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh  Giàu kinh nghiệm sản xuất nông , lâm , ngư nghiệp ,có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật ..  Hạn chế : Thể lực , trình độ chuyên môn .  5. Nguồn lao động dồi dào trong điều kiện kinh tế chưa phát triển .Tạo sức ép giải quyết việc làm , thiếu việc làm ở nông thôn , tỉ lệ thất nghiệp thành thị còn cao 6 % .  6. Phân bố lại dân cư , lao động .Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế . Đa dạng hóa loại h́nh đào tạo , dạy nghề , xuất khẩu lao động .  7.Thành tựu: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối vững chắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Sản xuất hàng hóa hướng ra xuất khẩu .Hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu Khó khăn : Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội Vấn đề việc làm còn nhiều bức xúc , gay gắt . Môi trường bị ô nhiễm .  8. Làm tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản . Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp , thúc đẩy sự phát triển các vùng chuyên canh .  9. Bảo vệ môi trường sinh thái . Phòng chống thiên tai . Bảo vệ đất , chống xói mòn . Tạo việc làm , nâng cao thu nhập người dân ...  Giải thích : Rừng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu . Rừng là tài nguyên quý giá , việc khai thác phải hợp lí . Bảo vệ rừng phải đi đôi với tái tạo rừng .  10. Công nghiệp khai thác nhiên liệu , công nghiệp điện , một số ngành công nghiệp nặng , chế biến lương thực , thực phẩm , dệt may , ….  Chứng minh : Hình 11.1 trang 39  11. Phục vụ thông tin chính xác , đầy đủ , kịp thời , đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xă hội .  12. Kinh tế phát triển.  Dân số tập trung cao.  Sức mua lớn .  Có các chợ lớn , siêu thị , trung tâm thương mại .  **B .Thực hành** |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Dân số đông và tăng nhanh gây ra hậu quả gì ?Lợi ích của việc giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên ?

- Tình hình phân bố dân cư nước ta .

- Kể tên các ngành công nghiệp trọng điểm . Chứng minh rằng nhờ có nguồn tài nguyên thiên đa dạng nên cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng .

**- Dặn dò :**

- Gv nhận xét ,chấm điểm kết quả làm việc các nhóm .

- Ôn bài kiểm tra viết một tiết

- Chuẩn bị giấy kiểm tra

**- Rút kinh nghiệm :**

**Tuần : 10 :Tiết 20**

**KIỂM TRA VIẾT**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

Qua bài kiểm tra đánh giá được trình độ nhận thức của học sinh về :

- Biết hậu quả việc tăng nhanh dân số và lợi ích của việc giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên . Trình bày được giải pháp giải quyết việc làm ở nước ta.

- Biết sự Đổi mới kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam. Chứng minh được cơ cấu công nghiệp nước ta đa dạng .Hiểu được lợi ích của việc trồng rừng và nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng .

- Phân tích được mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển công nghiệp .

**2. Kĩ năng :**

- Rèn luyện kĩ năng độc lập làm bài ,học bài ,tư duy giải quyết vấn đề đã học .

- Tập cho Hs tính cẩn thận, tự giác, trung thực trong khi kiểm tra.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục cho các em ý thức tư duy địa lí để làm bài trên lớp một cách tự lập, có sáng tạo.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Ra đề - Ma trận - Đáp án+ thang điểm.

**2. Học sinh :**

- Đồ dùng học tập.

- Giấy kiểm tra.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Gv kiểm tra sĩ số Hs.

- Hs thu gom sách, vở, các tài liệu liên quan bộ môn về đầu bàn

**2. Bài mới :**

- Gv phát đề.

- Nhắc nhở Hs trong quá trình kiểm tra.

**\*. Ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Chủ đề | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng cộng** |
| Địa lí dân cư | - Biết hậu quả việc tăng nhanh dân số và lợi ích của việc giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên .  Câu 1 - TL ( 1.0 điểm ) | -Trình bày được giải pháp giải quyết việc làm ở nước ta.  Câu 2 - TL ( 2.0 điểm ) |  | 2 câu  3 điểm |
| Địa lí kinh tế | - Biết được thế mạnh của ngành công nghiệp trọng điểm .  Câu 1 - TN ( 1.0 điểm )  Câu 2 - TN ( 1.0 điểm ) | - Chứng minh được cơ cấu công nghiệp nước ta đa dạng .  Câu 3 - TL ( 1.0 điểm )  - Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng sự phát triển công nghiệp .  Câu 3 - TN ( 1.0 điểm ) | - Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu ngành trồng trọt.  Câu 4 - TL ( 3.0 điểm ) | 5 câu  7 điểm |
| Tổng số câu  Tỉ lệ %  Tổng số điểm | 3 câu  30%  3điểm | 3 câu  40%  4.0điểm | 1 câu  30%  3.0điểm | 7 câu  100%  10điểm |

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT

|  |  |
| --- | --- |
| ***CÂU 1*** | ***Tại sao trong những năm gần đây tỉ lệ tăng tự nhiên của nước ta giảm dần*** |
| ***A)*** | ***Tỷ lệ tử vong cao*** |
| ***B)*** | ***Do tập quán thích sinh con trai*** |
| ***C)*** | ***Do không còn chiến tranh*** |
| ***D)*** | ***Trình độ dân trí ngày càng cao*** |
| ***Đáp án*** | d |
| ***Câu 2*** | ***Vùng nào sau đây có tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao hơn mức trung bình của cả nước?*** |
| ***A)*** | ***Đồng Bằng Sông Hồng*** |
| ***B)*** | ***Đông Nam Bộ*** |
| ***C)*** | ***Tây Nguyên*** |
| ***D)*** | ***Đồng Bằng Sông Cửu Long*** |
| ***Đáp án*** | c |
| ***Câu 3*** | ***Ý nào không thuộc mặt mạnh của nguồn lao động nước ta?*** |
| ***A)*** | ***Lực lượng lao động dồi dào*** |
| ***B)*** | ***Tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo*** |
| ***C)*** | ***Có khả năng tiếp thu tốt KHKT*** |
| ***D)*** | ***Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông-lâm ngư nghiệp*** |
| ***Đáp án*** | b |
| ***Câu 4*** | ***Sự chuyển dịch về cơ cấu ngành trong nền kinh tế nước ta có sự chuyển dịch như thế nào?*** |
| ***A)*** | ***Tỉ trong Nông-Lâm-Ngư Nghiệp giảm, công nghiệp-xây dựng –dịch vụ tăng nhưng nhiều biến động*** |
| ***B)*** | ***Tỉ trong Nông-Lâm-Ngư Nghiệp tăng, công nghiệp-xây dựng giảm –dịch vụ tăng nhưng nhiều biến động*** |
| ***C)*** | ***Tỉ trong Nông-Lâm-Ngư Nghiệp giảm, công nghiệp-xây dựng giảm –dịch vụ tăng nhưng nhiều biến động*** |
| ***D)*** | ***Tỉ trong Nông-Lâm-Ngư Nghiệp, công nghiệp-xây dựng tăng –dịch vụ tăng nhưng nhiều biến động*** |
| ***Đáp án*** | a |
| ***Câu 5*** | ***Hiện nay trên đât nước ta khu vực kinh tế nào chiếm nhiều lao động nhất*** |
| ***A)*** | ***Công nghiệp, xây dựng*** |
| ***B)*** | ***Nông, Lâm , ngư nghiệp*** |
| ***C)*** | ***Dịch vụ*** |
| ***D)*** | ***Dịch vụ và công nghiệp*** |
| ***Đáp án*** | b |
| ***Câu 6*** | ***Năm 1999 Viêt Nam có tỉ suất sinh là 19,9%, tỉ suất tử là 5,6%. Hỏi gia tăng tự nhiên của dân số năm 1999 là bao nhiêu%?*** |
| ***A)*** | 11,3% |
| ***B)*** | 24,524,5% |
| ***C)*** | 14.3% |
| ***D)*** | 2,45% |
| ***Đáp án*** | c |
| ***Câu 7*** | ***Tài nguyên có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp?*** |
| ***A)*** | Sinh Vật |
| ***B)*** | Khí hậu |
| ***C)*** | Nước |
| ***D)*** | Đất |
| ***Đáp án*** | d |
| ***Câu 8*** | ***Vùng nào sau đây của nước ta có nhiều dân tộc ít người sinh sống nhất?*** |
| ***A)*** | ***Bắc Trung Bộ*** |
| ***B)*** | ***Tây Nguyên*** |
| ***C)*** | ***Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ*** |
| ***D)*** | ***Duyên Hải Nam Trung Bộ*** |
| ***Đáp án*** | c |
| ***Câu 9*** | ***Để nâng cao sức cạnh tranh hàng xuất khẩu nông sản của nước ta giải pháp thiết thực nhất là:*** |
| ***A)*** | ***Mở rông diện tích các vùng chuyên canh*** |
| ***B)*** | ***Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp*** |
| ***C)*** | ***Đổi mới cơ cấu giống cây trồng vật nuôi*** |
| ***D)*** | ***Nâng cao trình độ KT-CN SX CB*** |
| ***Đáp án*** | d |
| ***Câu 10*** | ***Tỉ lệ nhóm tuổi trên lao động của nước ta chiếm tỉ lệ thấp là do:*** |
| ***A)*** | ***Ảnh hưởng của chiến tranh*** |
| ***B)*** | ***Quy mô dân số không lớn*** |
| ***C)*** | ***Chất lượng cuộc sông thấp*** |
| ***D)*** | ***Tuổi dưới lao động chiếm tỉ lệ cao*** |
| ***Đáp án*** | c |
| ***Câu 11*** | ***Sản xuất lúa ở nước ta đảm bảo đủ ăn và còn để xuất khẩu, nguyên nhân quan trọng nhất là:*** |
| ***A)*** | ***Tính cần cù lao động của nhân dân*** |
| ***B)*** | ***Đường lối đổi mới trong NN của nhà nước*** |
| ***C)*** | ***Thời tiết thuận lợi nhiều năm*** |
| ***D)*** | ***Diện tích trồng lúa tăng lên*** |
| ***Đáp án*** | b |
| ***Câu 12*** | ***Chè là công nghiệp lâu năm phân bố chủ yếu ở vùng:*** |
| ***A)*** | ***Trung Du Miền Núi Bắc Bộ*** |
| ***B)*** | ***Tây Nguyên*** |
| ***C)*** | ***Bắc Trung Bộ*** |
| ***D)*** | ***Duyên Hải Nam Trung Bộ*** |
| ***Đáp án*** | a |

TỰ LUẬN: (7 điểm)

***Câu 1: Cho bảng số liệu :***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***1990*** | ***2002*** |
| ***Các nhóm cây*** |
| ***Tổng số***  ***Cây lương thực***  ***Cây công nghiệp***  ***Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác*** | ***9040***  ***6474,6***  ***1199,3***  ***1366,1*** | ***12831,4***  ***8320,3***  ***2337,3***  ***2173,8*** |

***a. Hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây. Biểu đồ năm 1990 có bán kính là 20mm, biểu đồ năm 2002 có bán kính là 24mm (2đ)***

***b. Từ bảng số liệu và biểu đồ vừa vẽ, hãy nhận xét về sự thay đổi về quy mô và diện tích và tỉ trọng diện tích gieo trồng gieo trồng của các nhóm cây(1 đ)***

***Câu 2: Trình bày vai trò của ngành dịch vụ trong sản xuất và đời sống? Lấy một vài dẫn chứng thể hiện một trong những vai trò đó? (2,5đ)***

***Câu 3: Vẽ sơ đồ về các loại hình giao thông vận tải nước ta? (1,5đ)***

Đáp án

Tự luận:

II. Tự luận :

Câu 1: Vẽ biểu đồ tròn đúng đẹp ( 1đ)

* + có kí hiệu, tên biểu đồ , trị số kí hiệu ( 1đ)
  + Nhận xét (1đ)

Câu 2: Nêu được các vai trò (1,5đ) dẫn chứng (1đ)

Câu 3: Nêu mỗi loại hình đúng 0,25đ

**Tuần : 11Tiết :21**

**TRẢ VÀ SỬA BÀI KIỂM TRA**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hs Nhận biết đươc nội dung yêu cầu của đề cho với những dang như thế nào.

- Trình bày chính xác từng nội dung.

- Biết liên hệ thực tế.

**2. Kĩ năng:**

- Xác định yêu câu của từng nội dung.

- Phân tích biểu đồ, nhận xét bảng số, vẽ và đặt tên cho biểu đồ.

**3. Thái độ**:

- Ý thức được việc tự học và ren kĩ năng cho bản thân.

**II. Chuẩn bị giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- chuẩn bị nôi dung cần thiết để chỉ ra những thiếu sót của hs, giup cac em thấy đươc những sai sót khi làm bài và cách trình bày

**2. Học sinh :**

- Xem bài của mình và đưa ra những điều mình chưa đạt được.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**Tuần : 11:Tiết : 22**

**SỰ PHÂN HOÁ LĂNH THỔ**

**Bài 17 : VÙNG NÚI VÀ TRUNG DU BẮC BỘ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .

- Trình bày được đặc điểm dân cư xã hội và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

**2. Kĩ năng:**

- Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí , giới hạn của vùng.,

- Phân tích bản đồ tự nhiên của vùng để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên, phân bố một số khoáng sản của vùng.

- Phân tích bảng số liệu để hiểu và trình bày đặc điểm dân cư xã hội của vùng .

**3. Thái độ**:

- Ý thức được việc phát triển kinh tế , nâng cao đời sống các dân tộc trong vùng phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên .

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường: Mục II:***

**II. Chuẩn bị giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Bản đồ tự nhiên hoặc bản đồ hành chính Việt Nam

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Kiểm tra bài cũ :**

- Trả bài kiểm tra .

**2. Giới thiệu bài :**

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có lãnh thổ rộng lớn nằm ở phía Bắc nước ta . Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu đặc điểm vị trí địa lí , những thế mạnh và khó khăn của điều kiện tự nhiên , tài nguyên thiên nhiên , đặc điểm dân cư xã hội vùng kinh tế này .

**3. Bài mới**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ tự nhiên của vùng

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân , nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1 : .** Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ  ( cá nhân )( 10 phút )  - Nêu qui mô diện tích , dân số của vùng .  - Quan sát bản đồ tự nhiện vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  - Xác định vị trí giới hạn của vùng,nhận xét chung về lănh thổ của vùng.  - Vị trí này có ý nghĩa quan trọng như thế nào ?  **+ Hoạt động 2 :** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ( 4 nhóm ) ( 15 phút )  - Quan sát bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  - Độ cao địa hình và hướng núi có ảnh hưởng gì đến sự phân hóa tự nhiên của vùng .  - Khu vực trung du Bắc Bộ có đặc trưng gì ?Khả năng phát triển kinh tế ở đây ra sao ?  - Thảo luận 4 nhóm – 3 phút  + Nhóm 1.2 : Tự nhiên của vùng đã tạo thuận lợi gì cho phát triển kinh tế ?  + Nhóm 3.4 :Tự nhiên của vùng có những trở ngại gì cho phát triển kinh tế ?  - Hs trình bày – nhận xét  - Gv chuẩn kiến thức .  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường )**  **+ Hoạt động 3 :** Đặc điểm dân cư xã hội ( 10 phút )  - Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có các dân tộc nào sinh sống ?  - Trình bày đặc điểm dân cư xã hội của vùng .  - Những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  - Dựa vào bảng 17.2 Nhận xét về sự chênh lệch trình độ phát triển dân cư xã hội của hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc .  - Gv chuẩn kiến thức  - Vì sao việc phát triển kinh tế , nâng cao đời sống các dân tộc ít người phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ? | **I.Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**  - Diện tích :100.965 km 2  - Dân số : 11.5 triệu người ( 2002 )  - Vị trí ở phía bắc đất nước.  + Bắc : giáp Trung Quốc  + Tây : giáp Thượng Lào  + Đông Nam : giáp Vịnh Bắc Bộ  + Nam : Đb sông Hồng và Bắc T Bộ  - Chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ cả nước , có đường bờ biển dài .  - Dễ giao lưu với nước ngoài và trong nước , lãnh thổ giàu tiềm năng .  **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :**  - Tự nhiên phân hóa hai vùng Đông Bắc và Tây bắc .  - Địa hình cao , cắt xẻ mạnh , khí hậu có mùa đông lạnh, nhiều loại khoáng sản , trữ lượng thủy điện dồi dào .  -Thuận lợi :Tài nguyên phong phú tạo điều kiện phát triển kinh tế đa ngành .  - Khó khăn : Địa hình chia cắt phức tạp,  thời tiết diễn biến thất thường,khoáng sản trữ lượng nhỏ và điều kiện khai thác phức tạp, xói mòn đất , sạt lở đất , lũ quét ….  **III. Đặc điểm dân cư xã hội :**  + Đặc điểm :  - Đây là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người .( Thái ,Mường , Tày , Nùng , Dao , Mông …)  - Người Việt ( Kinh )cư trú ở hầu hết các địa phương .  - Trình độ dân cư,xã hội có sự chênh lệch giữa Đông Bắc và Tây Bắc .  - Đời sống đồng bào các dân tộc bước đầu được cải thiện nhờ công cuộc Đổi mới .  + Thuận lợi :  - Đồng bào dân tộc có kinh nghiệm sản xuất ( canh tác trên đất dốc,trồng cây công nghiệp , dược liệu , rau quả cận nhiệt và ôn đới … )  - Đa dạng về văn hóa …  + Khó khăn :  - Trình độ văn hóa , kĩ thuật của người lao động còn hạn chế .  - Đời sống người dân còn nhiều khó khăn . |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết**

- Hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- Vì sao việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các dân tộc phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên ?

**Hướng dẫn học ờ nhà**

- Học bài và hoàn thành vở bài tập .

- Chuẩn bị bài 18 : Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ( tiếp theo ).

+ Tình hình phát triển công nghiệp .

+ Tình hình phát triển nông nghiệp .

+ Sự phân bố một số ngành kinh tế .

+ Mối quan hệ tự nhiên – kinh tế .

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 12 Tiết : 23**

**Bài 18 : VÙNG NÚI TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ( tiếp theo )**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được thế mạnh kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, thể hiện ở một số ngành công nghiệp ,nông nghiệp , lâm nghiệp , sự phân bố của các ngành đó .

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế và các ngành kinh tế của từng trung tâm .

**2. Kĩ năng:**

- Nêu được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế .

- Phân tích bản đồ kinh tế trình bày được sự phân bố của các ngành kinh tế công nghiệp , nông nghiệp của vùng .

- Phân tích bảng số liệu để trình bày tình hình phát triển kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ .

**3. Thái độ**

- Giáo dục ḷòng yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường .

***\* Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Tình hình phát triển kinh tế***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Bản đồ kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Một số tranh ảnh

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ**

- Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**2. Giới thiệu bài:**

- Các yếu tố tự nhiên , dân cư xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đa dạng . Trên cơ sở đó vùng đã phát triển kinh tế như thế nào ?Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay .

**3.Bài Mới**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản kinh tế của vùng

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **+ Hoạt động1:** Tình hình phát triển kinh tế ( cặp )( 15 phút )  - Quan sát Bản đồ kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ( **Dùng bản đồ tư duy – phụ lục)**  - Vùng có tiềm năng phát triển ngành công nghiệp nào ?  - Ngành công nghiệp nào phát triển nhất ?  - Xác định nơi phân bố các ngành công nghiệp đó .  - Hs trình bày - Gv chuẩn xác  -Vì sao khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc còn phát triển thuỷ điện thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc?  - Xác định vị trí các nhà máy thủy điện , nhiệt điện  - Xác định vị trí các các trung tâm công nghiệp luyện kim, cơ khí, hoá chất?  - Việc xây dựng thuỷ điện Hoà Bình có ý nghĩa gì ?  - Minh họa hình ảnh về thủy điện Hòa Bình?  **+ Hoạt động 2** : Ngành nông nghiệp ( cặp )( 10 phút )  - Kể tên các loại cây trồng chủ yếu của vùng ?  - Cây lương thực : Lúa, ngô  - Cây công nghiệp: Chè , hồi  - Cây ăn quả : Vải thiều , mận ,..  - Nhận xét về cơ cấu cây trồng  - Xác định nơi phân bố cây : chè, hồi.  - Vì sao chè chiếm tỉ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước ?  - Chăn nuôi: Đàn trâu (57,3%), lợn ( 22 % ) cả nước  - Nghề chăn nuôi thủy sản ngọt , lợ , Vì sao ?  - Tình hình ngành chăn nuôi như thế nào ?  - Trồng rừng phát triển như thế nào ?  - Việc phát triển nghề rừng theo hướng nông - lâm kết hợp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa như thế nào ?  - Nông nghiệp của vùng gặp khó khăn trở ngại gì ?  **+ Hoạt động 3 :** Dịch vụ ( cặp )( 5 phút )  - Xác định những tuyến đường chủ yếu của vùng . Nhận xét  - Hệ thống dịch vụ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như thế nào ?  **+ Hoạt động 4** : Các trung tâm kinh tế ( cá nhân )( 5 phút )  - Tìm trên lược đồ hình 18.1, các tuyến đường sắt, đường ô tô xuất phát từ Thủ đô Hà Nội đi đến các thị xã của các tỉnh biên giới Việt Trung và Việt Lào.  - Nêu tên một số hàng hóa truyền thống của Trung du và miền núi Bắc Bộ trao đổi với đồng bằng sông Hồng.  - Tìm trên lược đồ hình 18.1, các cửa khẩu quan trọng: Móng Cái, Hữu Nghị, Lào Cai.  - Kể tên một số điểm du lịch  - Xác định vị trí địa lý của các trung tâm kinh tế. Nêu các ngành sản xuất đặc trưng của mỗi trung tâm.. | **IV. Tình hình phát triển kinh tế**  **1. Công nghiệp**  - Thế mạnh chủ yếu là khai thác và chế biến khoáng sản , thủy điện .  - Các ngành phát triển :  + Khai thác khoáng sản : than , sắt ….  + Năng lượng : Nhiệt điện ( Uông Bí 150 MW ) , thủy điện ( Hòa Bình 1920MW), (Sơn La 2400 MW )…  - Các ngành khác : luyện kim( Thái Nguyên ) , cơ khí( Hạ Long ) , hóa chất( Việt Trì ) , công nghiệp nhẹ , chế biến lương thực thực phẩm .  **2. Nông nghiệp**  - Sản phẩm đa dạng, qui mô tập trung.  - Một số sản phẩm có giá trị : chè , hồi ..  - Là vùng nuôi nhiều trâu , lợn .  -Trồng rừng theo hướng nông lâm kết hợp .  **3. Dịch vụ :**  - Dịch vụ thương mại , giao thông , du lịch có nhiều điều kiện phát triển .  - Thế mạnh là du lịch.  **V. Các trung tâm kinh tế:**  - Thái Nguyên ( gang thép )  - Việt Trì ( hóa chất )  - Hạ Long ( đóng tàu ) |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết :**

- Công nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ngành tiêu biểu nào? Ngành nào phát triển mạnh hơn ?

- Việc phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ư nghĩa như thế nào ?

**- Hướng dẫn học ở nhà :**

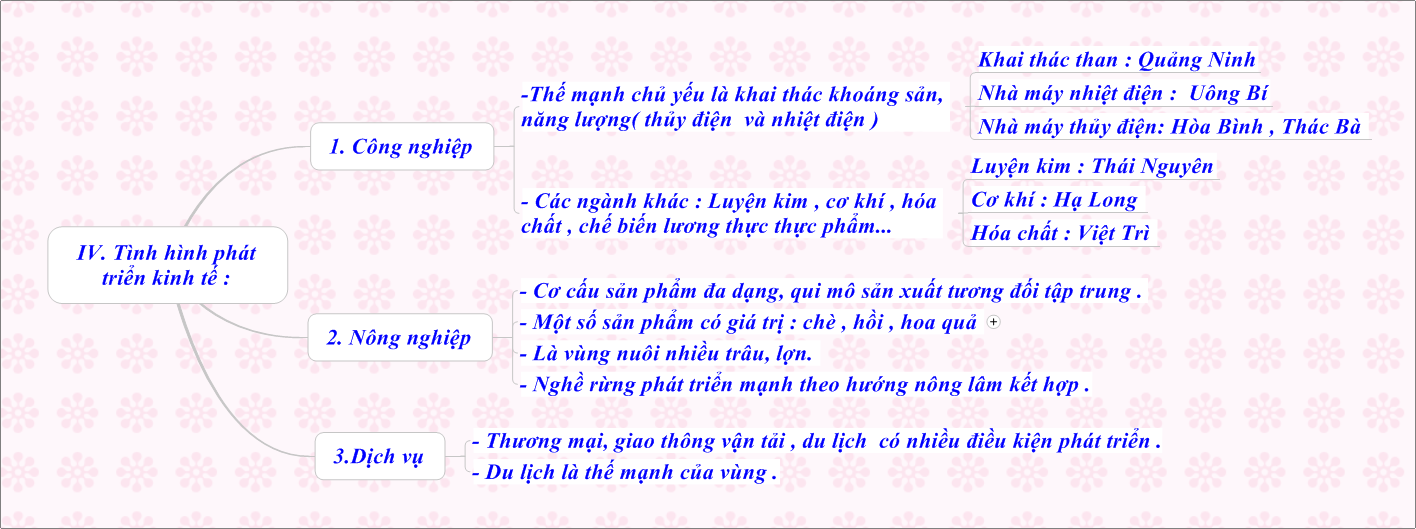
- Học bài và làm bài tập 3 trang 69 sgk .

- Chuẩn bị bài 19: Thực hành : Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ .

+Trả lời câu hỏi gợi ý trong bài thực hành .

+ Chuẩn bị com pa , bút ch́ì, thước .

**-Phụ lục**



**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần :12**

**Tiết :24** **BÀI 19. THỰC HÀNH**

**ĐỌC BẢN ĐỒ, PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi Bắc Bộ

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng đọc bản đồ .

***+ Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ .***

***- Giao tiếp: Trình bày suy nghĩ , ý tưởng , lắng nghe , phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác tích cực khi làm việc theo nhóm .***

***- Làm chủ bản thân : Quản lí thời gian , đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong nhóm .***

***+ Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng:***

***- Động não , thảo luận nhóm , thực hành .***

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Bản đồ hành chính Việt Nam .

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

- Máy tính , dụng cụ vẽ

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ**

+ Công nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ngành tiêu biểu nào? Ngành nào phát triển mạnh hơn ? Ý nghĩa của hồ thủy điện Ḥòa Bình ?

+ Việc phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa như thế nào ? Địa điểm du lịch nào được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới ?

**2. Giới thiệu bài:**

- Chúng ta biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi có nguồn tài nguyên phong phú . Bài thực hành hôm nay chúng ta sẽ đọc bản đồ , phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ .

***3.*Bài mới**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1** : Bài tập 1( nhóm )( 15 phút )  - Đọc yêu cầu bài tập 1  - Thảo luận : 5 phút  - Quan sát bản đồ tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Xác định vị trí các mỏ than ,sắt apatit, đồng , chì, kẽm .  - Ghi vào vở nơi phân bố các khoáng sản nêu trên .  **+ Hoạt động 2:** Bài tập 2 ( nhóm)( 20 phút )  - Thảo luận : 4 nhóm – 5 phút  - Những ngành công nghiệp khai thác nào có điều kiện phát triển mạnh ? Vì sao ?  - Khoáng sản nào có trữ lượng khá , điều kiện khai thác thuận lợi ?  - Loại khoáng sản nào có vai trò quan trọng đối với yêu cầu phát triển nền kinh tế nước ta ?  - Loại khoáng sản nào cần nhiều cho xuất khẩu ?  - Chứng minh rằng công nghiệp luyện kim đen ở Thái Nguyên sử dụng nguyên liệu tại chỗ .  - Xác định vị trí mỏ than ở Quảng Ninh , nhiệt điện Uông Bí , cảng than cửa Ông  - Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ than . | **Bài tập 1 :**  - Than : Quảng Ninh, Thái Nguyên  - Sắt :Thái Nguyên, Yên Bái.  - Bô xít : Cao Bằng.  - Mangan : Cao Bằng  - Apatit : Lào Cai.  - Đồng : Lào Cai, Sơn La .  - Chì , Kẽm : Tuyên Quang .  **Bài tập 2 :**  - Than làm nhiên liệu cho công nghiệp điện , sản xuất vật liệu xây dựng , chất đốt ….  - Sắt nguyên liệu cho công nghiệp luyện kim  - Apatit nguyên liệu làm phân bón .  - Kim loại màu ( đồng , chì , kẽm ) : nhu cầu xuất khẩu .  - Công nghiệp luyện kim đen ở Thái Nguyên sử dụng nguyên liệu tại chỗ : Sắt ở Trại Cau , Linh Nham . Than ở Khánh Hòa , Phấn Mễ…  - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ than .  *Khai*  *thác*  *than*  *Đáp ứng thị trường trong nước*  *- Nhiên liệu cho nhiệt điện : Phả Lại.*  *- Chất đốt cho nhân dân .*  *Đáp ứng nhu cầu xuất khẩu : Trung Quốc ,Nhật Bản , EU …* |

**IV. Tồng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tồng kết :**

- Nhận xét tinh thần làm việc , kết quả làm việc .

- Những thuận lợi và khó khăn trong viêc khai thác khoáng sản của Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

**Hướng dẫn học ở nhà:**

.- Hoàn thành hai bài tập vào vở

- Chuẩn bị bài 20 : Vùng Đồng bằng Sông Hồng .

+ Vị trí giới hạn của vùng ?Ý nghĩa của vị trí ?

+ Đặc điểm địa hình ,khí hậu ,sông ng̣òi ,khoáng sản của vùng .

+ Những thuận lợi và khó khăn của vùng .

+ Phương hướng giải quyết các khó khăn .

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần :13 Tiết :25**

**Bài 20**

**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa của chúng đối với phát triển kinh tế .

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội .

- Biết một số loại tài nguyên của vùng quan trọng nhất là đất , việc sử dụng đất tiết kiệm , hợp lí và bảo vệ đất khỏi bị ô nhiễm là một trong những vấn đề trọng tâm của vùng Đồng bằng sông Hồng .

- Trình bày đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội. Biết ảnh hưởng của mức độ tập trung dân cư đông đúc tới môi trường .

**2. Kĩ năng:**

- Đọc và phân tích bản đồ , biểu đồ , bảng số liệu .

- Sử dụng bản đồ phân tích tiềm năng tự nhiên của vùng .

***+ Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ , biểu đồ , bảng số liệu và bài viết về vị trí giới hạn , đặc điểm tự nhiên , dân cư , xã hội của Đồng bằng sông Hồng .***

***- Phân tích, đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lí, những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư đối với việc phát triển kinh tế xã hội của Đồng bằng sông Hồng .***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ , ý tưởng , lắng nghe phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác tích cực khi làm việc theo nhóm .***

***- Làm chủ bản thân : Quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong nhóm.***

***+ Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Động não : Thảo luận nhóm, kĩ thuật bản đồ tư duy .***

**3.Thái đô:**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường .

***\* Giáo dục sữ dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng:***

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường: Mục II: Điều kiện tự hiên và tài nguyên thiên nhiên***

***Mục III: Đặc điểm dân cư xã hội***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh : :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng

- Một số tranh ảnh vùng Đồng bằng sông Hồng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Kiểm tra bài :**

- Kiểm tra vở thực hành

**2. Giới Thiệu bài ( Phần mở đầu SGK)**

**3. Bài mới:** :

\* Hoạt động 1: **Vị trí địa lí và giới hạn lănh thổ:**

**\* Mục tiêu:** - Nắm được **Vị trí địa lí và giới hạn lănh thổ:**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn (

**+ Khám phá** : Em hãy nêu những hiểu biết của bản thân về vùng Đồng bằng sông Hồng .

- Hs trả lời.Gv kết nối

**+ Kết nối:** Trong phân công lao động giữa các vùng lănh thổ trên cả nước, vùng đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bài học hôm nay giúp chúng ta hiểu được cơ sở tạo nên sự phát triển và vai trò đặc biệt của vùng đồng bằng sông Hồng .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động1**:**Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ(** cá nhân )  ( 10 phút )  - Nêu qui mô về diện tích và dân số của vùng.  - Quan sát hình 20.1 :  - Xác định phạm vi lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Hồng, đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ.  - Vùng bao gồm những tỉnh – thành phố nào ?  - Giới hạn lãnh thổ vùng bao gồm những bộ phận nào?  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của vùng.  (Thuận lợi cho lưu thông, trao đổi với các vùng khác và thế giới )  **+ Hoạt động 2** : **Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  ( nhóm )( 15 phút )  - Dựa vào hình 20.1  - Thảo luận cặp - theo 4 nhóm – 3 phút .  Nhóm 1: Nêu ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư của vùng.  Nhóm 2: Hãy nêu các đặc điểm tự nhiên của đồng bằng sông Hồng.  Nhóm 3: Điều kiện tự nhiên của đồng bằng có những thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển kinh tế -xã hội?  Nhóm 4 : Kể tên và nêu sự phân bố các loại đất ở Đồng bằng sông Hồng .  - Hs trình bày – nhận xét – Gv chuẩn xác  - Gv: Tài nguyên đất quan trọng nhất của vùng , tài nguyên đất có giới hạn trong khi dân số ngày càng tăng do đó đất thổ cư và đất chuyên dùng tăng nên phải tiết kiệm và sử dụng đất hợp lí .  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường )**  ***\* Giáo dục sữ dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng***  - Gv xác định các tài nguyên khác …….  **+ Hoạt động 3 :** **Đặc điểm dân cư và xã hội** ( cặp ) ( 10 phút )  - Nêu đặc điểm dân cư và xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng  - Dựa vào hình 20.2  - So sánh mật độ dân số của vùng so với mức trung bình cả nước, của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ , Tây Nguyên .  ( cao gấp 4.9 lần mức trung bình cả nước, gấp 10.3 lần so Trung du và miền núi Bắc Bộ, gấp 14.6 lần so với Tây Nguyên )  - Mật độ dân số cao ở đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển kinh tế – xã hội ?  - Quan sát bảng 20-1 nhận xét tình hình dân cư - xã hội của vùng đồng bằng sông Hồng so với cả nước?  - Quan sát hình 20.3 cho biết kết cấu hạ tầng vùng Đồng bằng sông Hồng( hoàn thiện nhất cả nước.Tầm quan trọng của đê điều )  - Gv chốt kiến thức .  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường )**  - Thực hiện tốt chính sách dân số của Đảng và Nhà nước. | **I. Vị trí địa lí và giới hạn lănh thổ:**  **- Vùng ĐBSH bao gồm đồng bằng châu thổ sông hồng, dải đất rìa của Trung du va vịnh Bắc Bộ**  **- Vị trí**:Giáp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ , vùng Bắc Trung Bộ , Vịnh Bắc Bộ .  **-** Đồng bằng châu thổlớn thứ hai cả nước .  **- Ý nghĩa**: Thuận lợi cho lưu thông , trao đổi với các vùng khác và thế giới .giáp TD và MNBB là vùng giàu tài nguyên khoáng sản. Nhờ có thủ đô Hà Nội nên vùng giữ vị trí trung tâm kinh tế khoa học kỹ thuật công nghệ  **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :**  **+ Đặc điểm :**  - Châu thổ sông Hồng bồi đắp .  - Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh .  - Nguồn nước dồi dào .  - Chủ yếu đất phù sa.  - Vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng .  **+ Thuận lợi :**  - Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu , thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước .  - Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh .  - Một số khoáng sản có giá trị đáng kể : đá vôi, than nâu , khí tự nhiên .  - Vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng , đánh bắt thủy sản , du lịch .  **+ Khó khăn** : Thiên tai ( bão , lũ lụt , thời tiết thất thường ) ít tài nguyên khoáng sản .  **III. Đặc điểm dân cư và xã hội**  **+ Đặc điểm :**  - Dân số đông, mật độ dân số cao nhất nước(1179 người/km2)(2002).  - Nhiều lao động có kĩ thuật .  **+ Thuận lợi :**  - Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn .  - Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất , có chuyên môn kĩ thuật .  - Kết cấu hạ tầng nông hoàn thiện nhất cả nước .  - Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời ( Hà Nội và Hải Phòng )  **+ Khó khăn :**  - Dân số đông.  - Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. |

**IV.Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

- Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội ?

- Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng ?

**Hướng dẫn học ở nhà**

- Chuẩn bị bài 21:Vùng Đồng bằng sông Hồng( tiếp theo )

+ Quan sát hình 21.2

+ Nhận xét tiềm năng phát triển công nghiệp của vùng .

+ Nông nghiệp của vùng phát triển như thế nào ?

+ Dịch vụ phát triển ra sao?

+ Vùng có những trung tâm kinh tế nào ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần :13**

**Tiết :26**

**Bài 21**

**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ( tiếp theo )**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày tình hình phát triển kinh tế : công nghiệp , nông nghiệp , dịch vụ .

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn .

- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ .

**2. Kĩ năng:**

- Xác định trên lược đồ vị trí giới hạn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ .

- Phân tích lược đồ , biểu đồ để thấy được sự phát triển kinh tế vùng .

***+ Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ , biểu đồ , bảng số liệu và bài viết về vị trí giới hạn , đặc điểm tự nhiên , dân cư , xã hội của Đồng bằng sông Hồng .***

***- Phân tích, đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lí, những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư đối với việc phát triển kinh tế xã hội của Đồng bằng sông Hồng .***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ , ý tưởng , lắng nghe phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác tích cực khi làm việc theo nhóm .***

***- Làm chủ bản thân : Quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong nhóm.***

***+ Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Động não : Thảo luận nhóm, kĩ thuật bản đồ tư duy .***

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, ḷng tự hào dân tộc .

***\* Giáo dục sữ dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng:***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng

- Một số tranh ảnh vùng Đồng bằng sông Hồng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ**

+ Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội ?

- Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là :

a. Thủy sản b. Khoáng sản

c. Đất phù sa **( c )** d. Nguồn nước khoáng

**2. Giới thiệu bài** :

- Nhờ điều kiện tự nhiên – xă hội thuận lợi vùng đồng bằng sông Hồng có nền kinh tế phát triển , có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước. Trong tiết học này chúng ta nghiên cứu t́nh h́nh phát triển kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng .

**3. Bài mới**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1** : Công nghiệp ( cá nhân / cặp )( 12 phút )  - Gv giới thiệu: Đồng bằng sông Hồng có ngành công nghiệp hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.  - Quan sát hình 21.1 Hăy nhận xét sự chuyển biến về tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng ở vùng đồng bằng sông Hồng?  - Tỉ trọng công nghiệp tăng thể hiện điều gì ?  - Giá trị sản xuất công nghiệp thay đổi như thế nào ?Phần lớn giá trị công nghiệp tập trung ở đâu?  - Đồng bằng sông Hồng có những ngành công nghiệp trọng điểm nào? Phân bố ở đâu?  - Xem ảnh các sản phẩm công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng.  - Kể tên các sản phẩm quan trọng của vùng.  ***\* Giáo dục sữ dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng:***  **+ Hoạt động 2** **:Nông nghiệp**( cá nhân / cặp )( 10 phút )  - Gv : Nét nổi bật trong nền nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Hồng là trình độ thâm canh cao, cơ sở hạ tầng hoàn thiện.Thâm canh là con đường phát triển nông nghiệp đúng đắn nhất của đồng bằng sông Hồng để khắc phục tình trạng quỹ đất eo hẹp và dân số đông của vùng.  - Sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm gì?  ( diện tích, năng suất, sản lượng).  - Dựa vào bảng 21.1, hãy so sánh năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước .  - Vì sao vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước?  - Vì sao vùng trồng được cây ưa lạnh?  - Nêu lợi ích của việc đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính ở Đồng bằng sông Hồng?  - Sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng có tầm quan trọng như thế nào ?  - Gv liên hệ thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên đối với nông nghiệp .  - Ngoài trồng trọt, vùng còn phát triển mạnh nghề gì? Vì sao?  **+ Hoạt động 3 : Dịch vụ** ( cá nhân )( 5 phút )  - Hs đọc sách giáo khoa .  - Vùng có những ngành dịch vụ nào phát triển?  ( Giao thông vận tải , bưu chính viễn thông, du lịch )  - Dựa trên hình 21.2 và sự hiểu biết, hăy xác định vị trí địa lý và nêu ý nghĩa kinh tế – xã hội của cảng Hải Phòng và sân bay quốc tế Nội Bài.  - Kể tên các địa điểm du lịch nổi tiếng của vùng .  - Dựa vào lược đồ (hình 21.2) nêu các ngành kinh tế của các trung tâm kinh tế Hà Nội, Hải Phòng  **+ Hoạt động 4** :**Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ** (Cá nhân )( 8 phút )  - Hai trung tâm kinh tế lớn nhất ? ( Hà Nội, Hải Phòng )  - Tam giác kinh tế ?( Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long .)  - Nêu tên và xác định vị trí của các tỉnh thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ ?  ( Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc ).(7tỉnh thành phố-Hà Tây đã sáp nhập Hà Nội )  - Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?  ( Tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa , hiện đại hóa , sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên,nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ) . | **IV. Tình hình phát triển kinh tế**  **1. Công nghiệp**  - Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.  - Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh .  - Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội , Hải Phòng .  - Ngành công nghiệp trọng điểm : chế biến lương thực thực phẩm,sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí.  - Sản phẩm công nghiệp quan trọng :máy công cụ , động cơ điện , phương tiện giao thông , thiết bị điện tử , hàng tiêu dùng : vải , sứ dân dụng, quần áo…  **2. Nông nghiệp:**  + Trồng trọt:  - Đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực .  - Đứng đầu cả nước về năng suất lúa ( 56.4 tạ, ha)  - Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao .  + Chăn nuôi:  - Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước .  - Nuôi ḅ( ḅ sữa), gia cầm và nuôi trồng thủy sản đang được phát triển  **3. Dịch vụ**  - Giao thông vận tải , bưu chính viễn thông , du lịch phát triển  - Có nhiều địa danh du lịch nổi tiếng : Chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Côn Sơn, Cúc Phương, Đồ Sơn, Cát Bà .  - Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải, du lịch lớn ở phía bắc.  **V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**  - Trung tâm kinh tế lớn: Hà Nội, Hải Pḥng .  - Tam giác kinh tế:Hà Nội, Hải Pḥng, Hạ Long .  - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa , hiện đại hóa , sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên , nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ . |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết :**

- Trình bày đặc điểm công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng thời kì 1995-2002.

- Chứng minh rằng Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Học bài trả lời câu hỏi sgk.

- Chuẩn bị bài 22 :Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ ….

- Trả lời những câu hỏi gợi ý trong bài dựa vào nội dung bài 21 .

- Chuẩn bị bút chì ,thước kẻ ….

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 14**

**Tiết : 27**

**Bài 22 :**

**THỰC HÀNH VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ B̀NH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Biết xử lí bảng số liệu và vẽ được biểu đồ đường .

- Phân tích được mối quan hệ giữa dân số , sản lượng lương thực và bình quân theo đầu người .

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng vẽ biểu đồ trên cơ sở xử lí bảng số liệu .

**3. Thái độ**

- Có những nhận thức nhất định về các giải pháp phát triển bền vững ở vùng đồng bằng sông Hồng .

**II. Chuẩn bị giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1.Kiểm tra bài cũ :**

- Trình bày đặc điểm công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng thời kì 1995-2002.

- Chứng minh rằng Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

**2. Bài mới :**

- Dân số và lương thực là vấn đề quan trọng hàng đầu của đồng bằng sông Hồng hiện nay . Giải quyết vấn đề cấp bách đó cần phải thâm canh tăng vụ và tăng năng suất lúa . Trong bài thực hành này chúng ta tìm hiểu kĩ vấn đề đó ….

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1** : Bài tập 1( cá nhân )( 20 phút )  - Giáo viên hướng dẫn cách vẽ  - Vẽ trục tọa độ :trục đứng thể hiện %,trục ngang thể hiện thời gian (năm)  - Ghi đại lượng ở đầu mỗi trục .Chia khoảng cách trên các trục cho đúng tỉ lệ .  - Vẽ biểu đồ 3 đường biểu diễn từng đường tương ứng với sự biến đổi dân số ,sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người .mỗi đường có kí hiệu riêng .  - Ghi tên biểu đồ  - Chú thích  - Điểm năm 1995 lấy tại điểm gốc .  - Mốc 100 % không trùng điểm gốc tọa độ  - Hs vẽ biểu đồ .  **+ Hoạt động 2:** Bài tập 2 ( nhóm )( 15 phút )  - Thảo luận 4 nhóm – 4 phút  - Quan sát bản đồ tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng  + Nhóm 1.2  - Những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Hồng .  + Nhóm 3.4  - Vai trò của vụ đông trong sản xuất lương thực thực phẩm ở đồng bằng sông Hồng  - Hs trình bày nhận xét  - Gv chuẩn kiến thức  - Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng gì đến việc đảm bảo lương thực của vùng ? | **Bài tập 1**  - Vẽ biểu đồ  %  105  110  115  120  125  130  135  **+ + + năm**  1995 1998 2000 2002  **Biểu đồ :** Sự biến đổi dân số ,sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người  **Chú thích :**  Dân số  Sản lượng lương thực    ------- Lương thực bình quân đầu người  **Bài tập 2**  + Thuận lợi :  - Đất phù sa màu mỡ .  - Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.  - Nguồn nước dồi dào  - Trình độ cơ giới hóa cao  - Cơ sở hạ tầng hoàn thiện .  + Khó khăn :  - Qui mô dân số cao .  - Thời tiết biến động thất thường  + Vai trò vụ đông :  - Cung cấp lương thực .  - Chủ động lương thực  + Giảm tỉ lệ gia tăng dân sớ có ý nghĩa :  - Bình quân lương thực đầu người ngày càng tăng  - Vấn đề lương thực ổn định .  - Xuất khẩu lương thực |

**IV . Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tồng kết :**

- Vì sao thâm canh tăng vụ ,tăng năng suất là biện pháp quan trọng ở đồng bằng sông Hồng ?

- Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng gì đến việc đảm bảo lương thực của vùng ?

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Hoàn thành bài tập vào vở

- Chuẩn bị bài 23 : Vùng Bắc Trung Bộ

+ Xác định vị trí địa lí ?Ý nghĩa của vị trí

+ Đặc điểm tự nhiên ?

+ Đặc điểm dân cư , kinh tế – xã hội .

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần :14**

**Tiết : 28**

**Bài 23 : VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được đặc điểm vị trí địa lí , hình dạng lãnh thổ, những điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên , đặc điểm dân cư , xã hội của vùng.

- Biết được những khó khăn do thiên tai, hậu quả chiến tranh để lại cần khắc phục và triển vọng phát triển kinh tế trong thời ḱ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc và phân tích lược đồ , bản đồ , bảng số liệu .

- Xác định được ranh giới của vùng, vị trí một số tài nguyên quan trọng, phân tích và giải thích được một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội .

***+ Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin ,lược đồ,bản đồ ,biểu đồ,bảng số liệu,bảng thống kê và bài viết về vị trí địa lí , giới hạn , đặc điểm tự nhiên và dân cư,xã hội của vùng Bắc Trung Bộ.***

***- Phân tích đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lí , những thuận lợi ,khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên , dân cư đối với việc phát triển kinh tế xã hội của vùng Bắc Trung Bộ .***

***- Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ di sản di sản văn hóa thế giới , ứng phó với thiên tai.***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ ,ý tưởng,lắng nghe,phảm hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm cặp .***

***- Tự nhận thức : Tự nhận thức thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân, đặt và trả lời câu hỏi .***

***+ Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Bản đồ tư duy , học sinh làm việc cá nhân ,thảo luận nhóm , suy nghĩ – cặp đôi – chia sẻ - hồi đáp.***

**3. Thái độ**:

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, ḷng tự hào dân tộc

***\* Giáo dục sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ

- Một số tranh ảnh vùng Bắc Trung Bộ

**2. Học sinh** :

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1. Kiểm tra bài cũ** - Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng ǵ đến việc đảm bảo lương thực của vùng

Đồng bằng sông Hồng có những điều kiện nào thuận lợi cho việc sản xuất lúa ?

1. **Giới thiệu bài :**
2. **Bài mới**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

1. - Phương pháp sử dụng bản đồ.
2. - Phương pháp vấn đáp.
3. - Phương pháp cá nhân
4. - Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế
5. - Kỹ thuật đặt câu hỏi.
6. - Kỹ thuật học tập hợp tác ...
7. **Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

**Khám phá**

- Vì sao kinh tế vùng Bắc trung Bộ chậm phát triển hơn các vùng khác trong cả nước ?

- Gv gợi cho học sinh nhớ lại kiến thức tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có khó khăn gì ?

- Học sinh trình bày

**Kết nối :**

- Gv gắn kết những hiểu biết của học sinh về đặc điểm tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ đó là nội dung của bài học hôm nay .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động1**: Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ (Cá nhân )  ( 10 phút )  - Quan sát bản đồ tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ  - Xác định ranh giới vùng Bắc Trung Bộ .  - Nhận xét chung về lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ .  - Đọc tên các tỉnh ở vùng , về diện tích và dân số  - Hoạt động cặp  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng .  **+ Hoạt động 2**: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (Nhóm )( 15 phút )  - Quan sát bản đồ tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ  - Thảo luận 4 nhóm – 4 phút  - Nhóm 1.2: Cho biết dải núi Trường Sơn Bắc ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu Bắc Trung Bộ?  -Nhóm 3.4: Nhận xét về tiềm năng tài nguyên rừng và khoáng sản giữa phía bắc và phía nam dãy Hoành Sơn  - Hs: Trình bày – nhận xét  - Gv:Chuẩn xác .  - Bằng kiến thức đã học, hãy nêu các loại thiên tai thường xảy ra ở Bắc Trung Bộ?  - Khó khăn: Bão, lũ lụt, lũ quét, hạn hán, gió Lào, cát lấn…  - Giáo dục ý thức bảo vệ di sản văn hóa thế giới ( Cố đô Huế )  - Những thuận lợi về mặt tự nhiên của vùng ?  ***\* Giáo dục sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng***  **+ Hoạt động 3:** Đặc điểm dân cư và xã hội (Cá nhân )  ( 10 phút )  - Dựa vào số liệu hình 23.2, và vốn hiểu biết hãy :  -Nêu sự khác biệt về dân cư và hoạt động kinh tế giữa phía đông và phía tây của vùng  -So sánh với đặc điểm dân cư Trung Du và miền núi Bắc Bộ  -Tại sao lại có sự khác biệt trên?  - Nhân xét về các chỉ tiêu của vùng so với cả nước ?  - Nêu một số biên pháp khắc phục khó khăn của vùng  - Nêu những hiểu biết của em về dự án phát triển của vùng. | **I. Vị trí địa lí và giới hạn lănh thổ**  - Vùng Bắc Trung Bộ là dải đất hẹp ngang, kéo dài từ dăy Tam Điệp ở phía bắc tới dãy Bạch Mã ở phía nam.  -Ý nghĩa vị trí địa lí của vùng: Là cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam, cửa ngõ của các nước láng giềng ra biển Đông và ngược lại,cửa ngơ hành lang Đông – Tây của tiểu vùng sông Mê Công .  **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  **1. Điều kiện tự nhiê**n  - Địa h́nh: Hầu hết các tỉnh của vùng từ tây sang đông đều có núi, g̣ đồi, đồng bằng , biển và hải đảo  -Khí hậu có sự phân hoá đông tây dải Trường Sơn Bắc , bắc và nam dải Hoành Sơn, ảnh hưởng gió phơn Tây Nam .  - Nhiều thiên tai .  - Cần trồng và bảo vệ rừng .  **2. Tài nguyên thiên nhiên**:  -Tài nguyên khoáng sản , rừng, biển, du lịch khá phong phú.  **III. Đặc điểm dân cư và xã hội**  - Địa bàn cư trú của 25 dân tộc .  - Dân cư dân tộc và hoạt động kinh tế có sự khác biệt giữa phía đông và phía tây của vùng  - Thuận lợi : Lao động dồi dào , có truyền thống cần cù , giàu nghị lực và kinh nghiệm đấu tranh với thiên nhiên .  -Khó khăn : Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, mức sống chưa cao, cơ sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế . |

**IV. Tổng kết . hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tồng kết :**

- Điều kiện tự nhiên của Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội ?

- Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có những đặc điểm gì?

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Học bài ,trả lời các câu hỏi sgk ,vở BT .

- Chuẩn bị bài 24 : Vùng Bắc Trung Bộ (tt)

+ Hoạt động kinh tế của vùng phát triển như thế nào ?Cơ sở phát triển ?

+ Vùng có những trung tâm kinh tế nào ?Tình hình phát triển?

**- Rút kinh nghiệm :**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần :15**

**Tiết: 29**

**Bài 24 VÙNG BẮC TRUNG BỘ ( Tiếp theo )**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được so với các vùng kinh tế trong nước, vùng Bắc Trung Bộ tuy còn nhiều khó khăn nhưng đang đứng trước triển vọng lớn.

- Nắm vững phương pháp nghiên cứu sự tương phản lãnh thổ trong nghiên cứu một số vấn đề kinh tế ở Bắc Trung Bộ

- Biết một số loại tài nguyên của vùng , quan trọng là rừng , chương trình trồng rừng , xây dựng hồ chứa nước đă góp phần làm giảm nhẹ thiên tai và bảo vệ môi trường .

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc, phân tích biểu đồ, lược đồ

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên rừng góp phần giảm nhẹ thiên tai .

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường: Mục IV/1: Nông nghiệp***

***\* Giáo dục sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ**

- Xác định vị trí giới hạn vùng Bắc Trung Bộ và nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng .

Hoạt động kinh tế chủ yếu của các dân tộc miền núi ở Bắc Trung Bộ là gì ?

**2. Giới thiệu:**

- Điều kiện tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ còn gặp nhiều khó khăn , song cũng có những lợi thế nhất định . Vùng đã phát huy những lợi thế này để phát triển kinh tế như thế nào . Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay .

**3. bài mới**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

1. - Phương pháp sử dụng bản đồ.
2. - Phương pháp vấn đáp.
3. - Phương pháp cá nhân
4. - Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế
5. - Kỹ thuật đặt câu hỏi.
6. - Kỹ thuật học tập hợp tác ...
7. **Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **+ Hoạt động 1:** Nông nghiệp ( nhóm 4 Hs)( 15 phút )  - Nhận xét mức độ đảm bảo lương thực ở BTB ?  - Nêu một số khó khăn nói chung trong sản xuất nông nghiệp của vùng?  - So sánh với vùng đồng bằng sông Hồng?  - Nhận xét về cây công nghiệp ở Bắc Trung Bộ.  - Vì sao nghề rừng, chăn nuôi gia súc lớn , nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản là thế mạnh kinh tế của vùng.  - Quan sát Bản đồ kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ  - Hãy xác định các vùng nông lâm kết hợp? Nêu ý nghĩa của việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ.  ⭢Ý nghĩa của việc trồng rừng là hạn chế nạn cát lấn, cát bay, hạn chế tác hại của gió phơn tây nam và bão lũ nhằm bảo vệ môi trường sinh thái  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  **+ Hoạt động 2 :** Công nghiệp ( nhóm 4 Hs )( 10 phút )  - Dựa vào hình 24.2 nhận xét tình hình phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ?  - Ngành công nghiệp nào quan trọng? Vì sao?  - Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng là 2 ngành có thế mạnh ở Bắc Trung Bộ  -Xác định các cơ sở khai thác khoáng sản: thiếc, crôm, titan, đá vôi sản xuất vật liệu xây dựng  **+ Hoạt động 3 :** Dịch vụ ( cá nhân )( 5 phút )  - Nhận xét về ngành dịch vụ ở Bắc Trung Bộ?  - Quan sát trên lược đồ (hình 24.3) hãy tìm vị trí các quốc lộ 7, 8, 9 và nêu tầm quan trọng của các tuyến đường này?.  - Hãy kể một số điểm du lịch nổi tiếng ở Bắc Trung Bộ?Tại sao du lịch là thế mạnh của vùng?  - Bắc Trung Bộ có thế mạnh về dịch vụ sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá-lịch sử  **+Hoạt động4** : Các trung tâm kinh tế (Cá nhân )  ( 5 phút )  - Kể tên và xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế của vùng?  - Xác định vị trí Thanh Hoá, Vinh, Huế.  - Xác định những ngành kinh tế chủ yếu của các thành phố này.  - Chức năng của từng trung tâm . | **IV. Tình hình phát triển kinh tế**  **1. Nông nghiệp**  - Vùng Bắc Trung Bộ gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp  - Lúa : Đồng bằng Thanh Hóa , Nghệ An , Hà Tĩnh .  - Trồng rừng , cây công nghiệp,chăn nuôi gia súc : đồi phía tây  - Nuôi trồng đánh bắt thủy sản : ven biển phía đông .  - Thành tựu: Nhờ việc đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất mà dải đồng bằng ven biển trở thành nơi sản xuất lúa chủ yếu.  - Cây công nghiệp hàng năm được trồng với diện tích khá lớn.    **2.Công nghiệp**  - Giá trị sản xuất công nghiệp ở Bắc Trung Bộ tăng liên tục.  - Công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng phát triển  - Công nghiệp chế biến gỗ, cơ khí nông cụ, dệt kim, may mặc, chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ phát triển ở nhiều địa phương.  **3. Dịch vụ**  -Hệ thống giao thông vận tải có ư nghĩa kinh tế và quốc phòng đối với toàn vùng và cả nước  -Có nhiều thế mạnh để phát triển du lịch  **V. Các trung tâm kinh tế**  - Thanh Hoá, Vinh, Huế là trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ. |

**IV.Tổng kết- hướng dẫn học sinh tự học ở nhà**

**Tổng kết :**

Những thành tựu và khó khăn trong phát triển kinh tế nông nghiệp ,công nghiệp ở BTB

- Kể tên và xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế của vùng?

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Học bài trả lời câu hỏi sgk ,vở BT

- Chuẩn bị bài 25 Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Vị trí ý nghĩa của vị trí

- Điều kiện tự nhiên ?

- Dân cư xă hội có đặc điểm gì ?

- So sánh với các vùng đã học ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 15**

**Tiết : 30**

**Bài 25 VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là nhịp cầu nối giữa Bắc Trung Bộ với Đông Nam Bộ, giữa sườn Tây Nguyên với Biển Đông nơi có quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa thuộc chủ quyền của đất nước.

- Thấy được vùng có thế mạnh về du lịch và kinh tế biển vì vậy phát triển kinh tế biển chú ý bảo vệ môi trường , sa mạc đang có nguy cơ mở rộng nên cần bảo vệ và phát triển rừng .

**2. Kĩ năng:**

- Nắm vững phương pháp so sánh sự tương phản lãnh thổ trong nghiên cứu vùng

- Phân tích tiềm năng tự nhiên của vùng qua bản đồ .

**3. Thái độ :**

- Ý thức được vấn đề cần có biện pháp bảo vệ môi trường biển khỏi bị ô nhiễm , bảo vệ và phát triển để ngăn chặn hiện tượng sa mạc hóa .

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường: Mục II: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Một số tranh ảnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Nêu những thành tựu và khó khăn trong phát triển kinh tế công nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

- Thế mạnh phát triển công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ là ngành gì ?

**2. Giới thiệu bài** :

- Vị trí ,đặc điểm tự nhiên ,dân cư xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ như thế nào ? Đó là những nội dung chính của bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu

**3.Bài mới:**

**Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động1:** Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ( cá nhân )  ( 10 phút )  - Dựa vào Bản đồ tự nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ  - Nhận xét chung về vị trí lãnh thổ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ .  - Đọc tên các tỉnh ở vùng , về diện tích và dân số  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng  - Hãy xác định vị trí, giới hạn lãnh thổ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa. Các đảo Phú Quý, Lý Sơn.  **+Hoạt động 2:** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ( Nhóm ) ( 15 phút )  - Hãy nhận xét về điều kiện tự nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?  - Xác định vị trí địa lý các vịnh Dung Quất, Văn Phong, Cam Ranh, các bãi tắm nổi tiếng.  - Thảo luận 4 nhóm - 4’  + Nhóm 1.2 : Cho biết trong phát triển kinh tế xă hội vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có những điều kiện thuận lợi gì?  + Nhóm 3.4 : Cho biết trong phát triển kinh tế xã hội vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có những điều kiện khó khăn gì?  - HsTrình bày - Gv :Chuẩn xác  - Hãy nhận xét về tiềm năng tài nguyên rừng và khoáng sản. Kể tên các loại khoáng sản?  - Hãy nêu các loại thiên tai thường xảy ra ở Duyên hải Nam Trung Bộ?  - Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ?  - Hiện tượng hoang mạc hoá đang có xu thế mở rộng  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  **+Hoạt động 3**:Đặc điểm dân cư và xã hội cá nhân (10 phút )  - Căn cứ bảng 25.1, hãy nhận xét về sự khác biệt trong phân bố dân tộc, dân cư giữa vùng đồng bằng ven biển với vùng đồi núi phía tây.  - Dựa vào bảng 25.2 và 25.3, nhận xét về đời sống dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Dựa vào số liệu hình 23.2, hăy tính xem mật độ dân số của vùng so với cả nước.  - Tại sao du lịch là thế mạnh của vùng ? | **I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**  - Là dải đất hẹp ngang, kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận.  - Giáp :Vùng Bắc Trung Bộ , vùng Tây Nguyên,vùng Đông Nam Bộ và bộ phận biển Đông.  - Có nhiều đảo và quần đảo trong đó có quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa.  + Ý nghĩa: Là nhịp cầu nối giữa Bắc Trung Bộ với Đông Nam Bộ, giữa Tây Nguyên với Biển Đông nơi có quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa  **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  **1.Điều kiện tự nhiên**:  - Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đều có núi, g̣ò đồi ở phía tây, dải đồng bằng hẹp phía đông,bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đâm ngang sát biển, bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng, vịnh .  **2. Tài nguyên thiên nhiên:**  - Nuôi trồng thuỷ sản thu nhặt tổ chim yến  - Đất nông nghiệp thích hợp trồng lúa, ngô, khoai, sắn cây công nghiệp có giá trị như bông vải, mía đường, vùng đồi núi chăn nuôi gia súc lớn như ḅ đàn  - Khoáng sản chính là cát thạch anh, titan, vàng đá quí, đá xây dựng  - Rừng có đặc sản quí như quế, trầm hương,sâm quy…  + Thuận lợi : Tiềm năng nổi bật là kinh tế biển , khoáng sản  + Khó khăn : nhiều thiên tai .  **III. Đặc điểm dân cư và xã hội**  - Vùng g̣ò đồi phía tây : nơi cư trú các dân tộc ít người .  - Vùng duyên hải phía đông : dân tộc Kinh .  - Duyên hải Nam Trung Bộ là địa bàn có nhiều di tích văn hoá-lịch sử. Trong đó phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn được UNESCO công nhận di sản văn hoá thế giới  + Thuận lợi : Nguồn lao động dồi dào , giàu kinh nghiệm , nhiều điạ điểm du lịch hấp dẫn .  + Khó khăn : Đời sống một bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn . |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết :**

- Điều kiện tự nhiên của Duyên hải Nam Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xãhội ?

- Phân bố dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ có những đặc điểm gì?

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Học bài trả lời câu hỏi – bài tập sgk vào vở .

- Chuẩn bị bài 26: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (tt)

+ Tình hình phát triển kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ .

+ Cơ sở phát triển ?Vùng có những trung tâm kinh tế nào ?

+ Đặc điểm phát triển kinh tế ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 16**

**Tiết : 31**

**Bài 26 VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu và trình bày được tình hình phát triển nông nghiệp , công nghiệp dịch vụ của vùng

- Hiểu được Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều tiềm năng lớn về kinh tế biển.

- Nắm được vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đang tác động mạnh đến tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ .

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích giải thích một số vấn dề quan tâm trong điều kiện cụ thể của Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Đọc xử lí các số liệu và phân tích quan hệ không gian:đất liền- biển và đảo, Duyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường .

***\* Giáo dục sử dụng hiện quả và tiết kiệm năng lượng. Mục IV/ Công nghiệp***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Bản đồ tự nhiên hoặc bản đồ hành chính Việt Nam

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Xác định vị trí và nêu đặc điểm tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- Quần đảo Hoàng Sa trên biển Đông thuộc thành phố nào ?

- Nêu đặc điểm kinh tế -xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ .

**2.Giới thiệu bài :**

- Vùng có vị trí chiến lược đối với cả nước về kinh tế và quốc phòng , điều kiện tự nhiên và dân cư rất độc đáo và đa dạng . Nền kinh tế vùng phát triển ra sao chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay .

**3. Bài mới**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **+ Hoạt động 1**: Nông nghiệp ( Nhóm ) ( 15 phút )  - Dựa vào hình 26.1 và bảng 26.1  - Thảo luận 4 nhóm – 4 phút  +Nhóm 1.2: Nhận xét tình hình chăn nuôi khai thác và nuôi trồng thủy sản của vùng ?Phân bố ở đâu ?Xác định trên bản đồ các bãi tôm cá .  +Nhóm 3.4 :Nhận xét tình hình trồng cây lương thực cây công nghiệp, cây ăn quả của vùng ?  - Hs: Trình bày - Gv :Chuẩn xác  - Sản xuất nông nghiệp còn gặp những khó khăn gì?  - Vì sao nghề chăn nuôi bò, khai thác và nuôi trồng đánh bắt thủy sản là thế mạnh của vùng?  - Quan sát hình 26.1, hãy xác định các ngư trường ven bờ và trên Biển Đông.  - Vì sao vùng biển Nam Trung Bộ nổi tiếng về nghề làm muối và đánh bắt thủy sản biển?  **+ Hoạt động 2** : Công nghiệp ( cá nhân )( 10 phút )  - Dựa vào số liệu trong bảng 26.2, hãy nhận xét tình hình phát triển công nghiệp của vùng so với cả nước?  - Nhận xét sự tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ so với cả nước?  - Quan sát bảng 26.3.  - Cơ cấu công nghiệp vùng gồm những ngành nào ?  ***\* Giáo dục sử dụng hiện quả và tiết kiệm năng lượng***  **+ Hoạt động 3 :** Dịch vụ(cá nhân ) ( 5 phút )  - Quan sát hình 26.1, hăy kể tên các hải cảng. Giải thích tầm quan trọng của các cảng ?  - Hoạt động dịch vụ ở vùng này như thế nào?  - Xác định các địa điểm du lịch nổi tiếng của vùng .  **+ Hoạt động 4**: Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm .( cặp )( 5 phút )  - Xác định vị trí địa lý của các thành phố Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.  - Thảo luận cặp : Tầm quan trọng của 3 thành phố nêu trên đối với Tây Nguyên .  - Vì sao các thành phố này được coi là cửa ngõ của Tây Nguyên?  - Kể tên các vùng trọng điểm kinh tế miền Trung?  - Nêu tầm quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm này? | **IV. T́ình hình phát triển kinh tế**  **1. Nông nghiệp**  - Chăn nuôi gia súc lớn chủ yếu là chăn nuôi bò đàn  - Thuỷ sản chiếm 27,4% giá trị thuỷ sản cả nước.(2002)  🠦 Là thế mạnh của vùng .  + Khó khăn : Quỹ đất nông nghiệp hạn chế , sản lượng lương thực bình quân đầu người thấp hơn trung bình cả nước .  - Nghề làm muối, chế biến thuỷ sản khá phát triển nổi tiếng là muối Cà Ná, Sa Huỳnh, nước mắm Nha Trang, Phan Thiết.  **2. Công nghiệp**  -Sản xuất công nghiệp còn chiếm tỉ trọng nhỏ , cơ cấu đa dạng .  -Tốc độ tăng trưởng khá cao .  -Công nghiệp cơ khí và chế biến thực phẩm khá phát triển .  **3. Dịch vụ**  - Dịch vụ giao thông vận tải khá phát triển .  - Du lịch là thế mạnh của vùng  **V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm**  - Các trung tâm kinh : Đà Nẵng , Qui Nhơn , Nha Trang .  - Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã tác động mạnh tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.Thúc đẩy mối quan hệ kinh tế liên vùng . |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà**  :

**Tổng kết :**

- Duyên hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng biển như thế nào?

- Kể tên các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- Nêu tầm quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung .

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Học bài trả lời câu hỏi sgk .

- Chuẩn bị bài 27 :Thực hành : Kinh tế biển của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ .

- Trả lời những câu hỏi gợi ý trong bài dựa vào bài 24 và bài 26

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 16**

**Tiết : 32**

**Bài 27**

**THỰC HÀNH KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được cơ cấu kinh tế biển ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ gồm :

+ Hoạt động kinh tế của các cảng biển với các dịch vụ xuất nhập khẩu .

+ Đánh bắt , nuôi trồng thủy sản , làm muối .

+ Du lịch , tham quan , nghỉ mát ven biển .

**2. Kĩ năng:**

- Đọc bản đồ , phân tích bảng số liệu thống kê kinh tế .

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên.

- Có cái nhìn tổng hợp về vùng duyên hải miền Trung .

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế Việt Nam

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

- Thước vẽ .

**III. tổ chức hoạt động dạy và học**

**1.Kiểm tra bài cũ :**

**- Kiểm tra 15 phút**

**2.Giới thiệu bài :**

- Kinh tế biển là một thế mạnh của hai vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ . Bài thực hành hôm nay sẽ giúp chúng ta củng cố hơn nữa những kiến thức về ngành kinh tế biển của hai vùng kinh tế này .

**3. Bài mới**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động1 :** Bài tập 1 ( nhóm ) ( 10 phút )  - Hs đọc yêu cầu bài tập 1  - Quan sát hình 24.3 và 26.1. Bản đồ kinh tế Việt Nam  - Thảo luận 4 nhóm – 4phút  + Nhóm 1.2 : Xác định cảng Cửa Lò, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang . Xác định các bãi tôm ,bãi cá lớn.  + Nhóm 3.4 : Xác định cơ sở sản xuất muối Sa Huỳnh , Cà Ná. Giải thích vì sao vùng lại phát triển tốt nghề làm muối ?  - Xác định những băi biển có giá trị du lịch nổi tiếng .  - Hs trình bày trên bản đồ – Gv chuẩn xác .  - Nhận xét tiềm năng kinh tế biển miền Trung .  + Điều kiện tự nhiên như thế nào ?  + Có cảng nào ? Phân bố ra sao ?  + Đánh bắt nuôi trồng thủy sản ?  + Du lịch ?  - Gv Chuẩn xác tài nguyên thiên nhiên ,nhân văn trên đất liền ,tài nguyên biển là cơ sở để Duyên hải miền trung xây dựng nền kinh tế biển nhiều triển vọng  **+ Hoạt động 2 :** Bài tập 2 ( nhóm ) ( 10 phút )  - Hs đọc yêu cầu bài tập 2  - Hướng dẫn tính tỉ lệ % về thủy sản nuôi trồng và thủy sản khai thác của từng vùng và của toàn vùng duyên hải miền trung  - Lập bảng so sánh sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.  ( **Phụ lục** )  - Hs thảo luận nhóm 4’- (4Hs )  - Dựa vào bảng số liệu và so sánh sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ .  Giải thích .  - Hs Trình bày  - Gv : Chuẩn xác    - Gv : Giáo dục Hs ý thức bảo vệ tài nguyên ,môi trường biển | **Bài tập 1 :**  + Đọc bản đồ và sơ đồ  +Nhận xét tiềm năng kinh tế biển :  - Có nhiều điều kiện thuận lợi .  - Có nhiều cảng nổi tiếng Cửa Lò, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang .  - Có các bãi tôm , bãi cá lớn .  - Có những băi biển có giá trị du lịch nổi tiếng Sầm Sơn . Cửa Lò , Thuận An , Nha Trang …  **Bài tập 2**  - Sản lượng nuôi trồng thủy sản Bắc Trung Bộ nhiều hơn Duyên hải Nam Trung Bộ . Vì Bắc Trung Bộ có nhiều đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản , nghề nuôi trồng có từ lâu đời .  - Sản lượng thủy sản khai thác Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều hơn Bắc Trung Bộ . Vì duyên hải Nam Trung Bộ có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú hơn Bắc Trung Bộ , có truyền thống làm nghề biển lâu đời , phương tiện kĩ thuật ngày càng đầy đủ hiện đại , công nghiệp chế biến phát triển tốt . |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết :**

- Chứng minh rằng kinh tế biển là thế mạnh quan trọng của vùng duyên hải miền Trung .

- Vùng duyên hải miền Trung c̣òn gặp những khó khăn nào ? Hướng giải quyết ?

- Hoàn chỉnh bài thực hành vào vở .

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Chuẩn bị bài 28 Vùng Tây Nguyên

+Vị trí địa lí ?Ý nghĩa của vị trí ?

+ Đặc điểm tự nhiên ?

+ Đặc điểm kinh tế – xã hội ?

**V . Phụ lục :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Toàn vùng dh miền Trung | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ |
| - Thủy sản nuôi trồng  - Thủy sản khai thác | 100 %  100 % | 58.4 %  23.8 % | 41.6 %  76.2 % |

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tuần : 17

Tiết : 33

**Bài 28**

**VÙNG TÂY NGUYÊN**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý ‎nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế- xã hội .

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên , tài nguyên thiên nhiên của vùng , những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế .

- Trình bày được đặc điểm dân cư xã hội , những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tếcủa vùng .

- Biết Tây Nguyên có một số lợi thế để phát triển kinh tế : địa hình cao nguyên , đất badan , rừng chiếm diện tích lớn .Cần chú ý bảo vệ môi trường tự nhiên và khai thác hợp lí tài nguyên , đặc biệt là thảm thực vật rừng là nhiệm vụ quan trọng của vùng .

**2. Kĩ năng:**

- Xác định được trên bản đồ , lược đồ vị trí giới hạn của vùng .

- Phân tích bản đồ tự nhiên và số liệu thống kê để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng .

***+ Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :***

***- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ , bản đồ , bảng số liệu thống kê và bài viết về vị trí địa lí , giới hạn , điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên , đặc điểm dân cư xã hội của vùng Tây Nguyên .Phân tích đánh giá ý nghĩa vị trí địa lí , thế mạnh và một số vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên .***

***- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ , ý tưởng , lắng nghe , phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo cặp .***

***+ Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :***

***- Động não , thuyết trình nêu vấn đề , học sinh làm việc theo cặp .***

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên và khai thác hợp lí tài nguyên.

***\* Giáo dục bảo vệ môi trường. Mục II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

**II. Chuẩn bị giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Tây Nguyên

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ;**

- Kiểm tra bài tập thực hành .

**2. Bài mới**

**Khám phá**

Tự nhiên Tây Nguyên có gì đặc biệt so các vùng khác mà em biết ? ( là vùng duy nhất không giáp biển )

**Kết nối**

- Đối với mỗi chúng ta , Tây Nguyên là một mảnh đất của những chàng Đam San , Xinh Nhã , của anh hùng Núp gan dạ và kiên cường , của nắng , của gió ngàn xanh như huyền thoại . Bài học hôm nay sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn điều đó …

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **- Hoạt động 1**:Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ (Cá nhân)( 10 phút )  - Quan sát lược đồ tự nhiên Tây Nguyên  - Vùng gồm những tỉnh nào ? Diện tích , dân số bao nhiêu ?  - Xác định vị trí , giới hạn lãnh thổ của vùng.  - Nhận xét chung về lănh thổ của vùng có ǵ đặc biệt ?  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng.  - Gv cung cấp thông tin .  **- Hoạt động 2**:Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ( cặp )( 15 phút )  - Quan sát lược đồ tự nhiên Tây Nguyên  - Hãy nêu đặc điểm tự nhiên của vùng Tây Nguyên ?  - Hãy tìm và kể tên các cao nguyên và các dòng sông bắt nguồn từ Tây nguyên (sông Xê Xan, Xrê pôc, Đồng Nai, sông Ba.)  - Nêu ý nghĩa của việc bảo vệ rừng đầu nguồn ở Tây Nguyên?  - Hs : Trình bày - Gv chuẩn xác  - Quan sát bảng 28.1. Hăy cho biết Tây Nguyên có những thuận lợi gì để phát triển kinh tế? phát triển ngành kinh tế gì?  - Quan sát lược đồ 28.1Hãy nhận xét sự phân bố các vùng đất badan, các mỏ bôxit.  - Trong xây dựng kinh tế Tây Nguyên có những khó khăn nào? Biện pháp khắc phục ?  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường )**  **- Hoạt động 3:** Đặc điểm dân cư - xã hội (cá nhân )  ( 10 phút )  - Nêu đặc điểm dân cư – xã hội ở Tây Nguyên ?  - Dựa bảng 28.2, nhận xét tình hình dân cư xă hội ở Tây Nguyên ?  - Nêu một số giải pháp nâng cao mức sống người dân.  - Đầu tư phát triển kinh tế . Ổn định chính trị xã hội .  Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo . Ngăn chặn phá rừng , bảo vệ đất , rừng. | **I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**  - Giáp : Duyên hải Nam Trung Bộ , vùng Đông Nam Bộ , Lào , Campuchia.  - Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.  - Là vùng duy nhất nước ta không giáp biển  + Ý nghĩa : Thuận lợi giao lưu các vùng trong nước và thế giới .  **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  **+Đặc điểm :**  - Có địa hình cao nguyên xếp tầng(cao nguyên Kon Tum ,cao nguyên Plây Ku, cao nguyên Đăk Lăk, cao nguyên Mơ Nông , cao nguyên Lâm Viên , cao nguyên Di Linh .)  - Là nơi bắt nguồn của nhiều dòng sông chảy về các vùng lân cận( sông Xê Xan , sông Xrê Pôk, sông Đồng Nai, sông Ba .)  - Tài nguyên thiên nhiên đa dạng .  **+ Thuận lợi :**  - Đất badan nhiều nhất cả nước (66% diện tích đất badan cả nước)  - Rừng tự nhiên còn khá nhiều.  - Khí hậu nhiệt đới cận xích đạo , phân hóa theo độ cao.  - Tiềm thủy năng điện lớn.  - Khoáng sản bô xít hơn 3 tỉ tấn  → phát triển kinh tế đa ngành  **+ Khó khăn :**  - Thiếu nước vào mùa khô .  - Tài nguyên rừng suy giảm .  **III. Đặc điểm dân cư và xă hội**  **+ Đặc điểm :**  - Là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người  - Phân bố dân cư không đều .  - Là vùng thưa dân nhất nước ta .  **+ Thuận lợi :**  - Nền văn hóa giàu bản sắc, thuận lợi cho phát triển du lịch .  **+ Khó khăn :**  - Ít dân,thiếu lao động .  - Trình độ lao động chưa cao .  - Đời sống còn nhiều khó khăn . |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết :**

- Trong xây dưng kinh tế xãhội , Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì ?

- Phân bố dân cư ở Tây Nguyên có những đặc điểm gì?

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Làm bài tập 3 trang 105 sgk.

- Chuẩn bị bài : Bài 29 :Vùng Tây Nguyên (tt)

+Tây Nguyên có những ngành kinh tế nào ?Đặc điểm phát triển của từng ngành ?

+Tây Nguyên có những trung tâm kinh tế nào ,vùng kinh tế nào ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần :17**

**Tiết: 34**

**Bài 29**

**VÙNG TÂY NGUYÊN (Tiếp theo )**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được nhờ thành tựu về công cuộc đổi mới mà Tây Nguyên phát triển khá toàn diện về kinh tế –xã hội . Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nông nghiệp, lâm nghiệp có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hoá. Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần.

- Nhận biết được vai trò trung tâm kinh tế vùng như Plây - ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích và giải thích được một số vấn đề bức xúc ở Tây Nguyên.

- Đọc biểu đồ, lược đồ để khai thác thông tin .

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, lòng tự hào dân tộc .

***\* Giáo dục sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng. Mục IV. Công nghiệp***

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Tây Nguyên

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1. Kiểm tra bài cũ**

- Điều kiện tự nhiên của Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế –xãhội ?

Nhà máy thủy điện Đrây Hlinh được xây dựng trên sông nào ?

**2. Giới thiệu bài:**

- Tây Nguyên có điều kiện phát triển kinh tế rất lớn . Trong bài học hôm nay , chúng ta sẽ nghiên cứu t́nh h́nh phát triển kinh tế của vùng này .

**3. Bài mới**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **- Hoạt động1**: Tình hình phát triển kinh tế ( Nhóm )  ( 25 phút )  - Tình hình sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên như thế nào? Những loại cây nào được trồng nhiều ở đây ?  - Dựa vào hình 29.thảo luận nhóm 4’ (4 nhóm)  + Nhóm 1.2 : Hăy nhận xét tỉ lệ diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước.  + Nhóm 3.4 : Vì sao cây cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng này?(thuận lợi về đất khí hậu thị trường )  - Hãy xác định các vùng trồng cà phê , cao su, chè, ở Tây Nguyên?  - Hs :Trình bày – nhận xét  - Gv chuẩn xác  - Dựa vào bảng 29.1, hãy nhận xét tình hình phát triển nông nghiệp ở Tây Nguyên. Tại sao sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng có giá trị cao nhất?  - Nhận xét tình hình sản xuất lâm nghiệp ở các tỉnh ở Tây Nguyên.(độ che phủ rừng ở Tây Nguyên 54,8% năm 2003, phấn đấu năm 2010 là 65% bảo vệ rừng đầu nguồn cho cả các vùng lân cận .  - Nhận xét tình hình phát triển công nghiệp ở các tỉnh Tây Nguyên .  - Tỉ trọng công nghiệp ở Tây Nguyên năm 2002 so cả nước như thế nào ?  - Xác định vị trí của nhà máy thủy điện Yaly trên sông Xêxan và nêu ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Tây Nguyên. ( cung cấp nước năng lượng là biểu tượng khởi động xây dựng cơ bản, chuẩn bị cho dự án lớn nhằm mục đích nâng cao đời sống dân cư .  ***\* Giáo dục sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng***  - Hoạt động dịch vụ ở Tây Nguyên phát triển như thế nào?  - Tiềm năng phát triển ngành dịch vụ ở Tây Nguyên  - Quan sát hình 24.4  - Dựa vào sgk và hiểu biết cho biết phương hướng phát triển của Đảng và Nhà nước trong đầu tư phát triển ở Tây Nguyên ?  **- Hoạt động 2** :Các trung tâm kinh tế .( cá nhân )  ( 10 phút )  - Dựa vào hình 29.2, hãy xác định vị trí của các thành phố:Buôn MaThuột, Plây Ku, Đà Lạt.  - Những quốc lộ nối các thành phố này với thành phố Hồ Chí Minh, các cảng biển Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Cho biết chức năng của 3 trung tâm kinh tế vùng | **IV. Tình hình phát triển kinh tế**  **1.Nông nghiệp :**  - Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn .  - Cây công nghiệp: Cà phê ( Đăk Lăk ), cao su ( Kon Tum ), chè ( Lâm Đồng ), điều đem lại hiệu qủa kinh tế cao, phát triển mạnh  - Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng nhanh .  - Tập trung chủ yếu ở Đăk Lắk , Lâm Đồng …( chiếm 76.3 % )  - Lâm nghiệp có sự chuyển hướng quan trọng: Kết hợp khai thác, trồng mới, bảo vệ rừng, gắn khai thác với chế biến .  - Độ che phủ rừng 54,8% ( 2003), cao nhất nước  **2.Công nghiệp**  - Chiếm tỉ lệ thấp chỉ đạt 0.9 % so với cả nước .  - Tốc độ phát triển nhanh nhưng c̣n chậm so với mức trung b́nh của cả nước .  - Các ngành công nghiệp phát triển : thủy điện trên sông Xê Xan , Xrê PôK , chế biến nông, lâm sản phát triển khá nhanh  **3. Dịch vụ**  - Có chuyển biến nhanh .  - Xuất khẩu nông sản đứng thứ 2 cả nước, cà phê là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Tây Nguyên , lâm sản  - Du lịch : sinh thái, văn hóa  **V. Các trung tâm kinh tế**  - Các thành phố: Buôn Ma Thuột, Plây Ku, Đà Lạt là 3 trung tâm kinh tế ở Tây Nguyên  - Buôn MaThuột là trung tâm công nghiệp,đào tạo nghiên cứu khoa học.  - Plây Ku phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trung tâm thương mại ,du lịch  - Đà Lạt trung tâm du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, sản xuất rau, hoa quả. |

**IV. Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà .**

**Tổng kết :**

- Điều kiện tự nhiên của Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội ?

- Tại sao Tây Nguyên có thế mạnh về du lịch?

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Học bài và làm bài tập cuối bài

- Chuẩn bị bài 30 :Thực hành .

+ Trả lời câu hỏi gợi ý sách giáo khoa .

**- Rút kinh nghiệm :**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần : 18**

**Tiết : 35**

ÔN TẬP TỪ TUẦN 1 ĐẾN TUẦN 17.

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức**

- Khái quát hoá và hệ thống hoá lại các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; đặc điểm dân cư, xã hội của các vùng.

- Hiểu sâu hơn sự khác biệt giữa các vùng, đánh giá trình độ phát triển kinh tế các vùng và tầm quan trọng của các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế – xã hội.

**2.Kĩ năng**

- Xác định vị trí địa lí, ranh giới của các vùng, vị trí một số tài nguyên thiên nhiên quan trọng của vùng.

- Phân tích và giải thích một số chỉ tiêu phát triển dân cư xă hội.

**3. Thái độ**

- Ý thức khai thác các tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí đạt hiệu quả nhất,

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế Việt Nam

**2. Học sinh:**

- Dụng cụ học tập, sgk .

III. Tổ chức hoạt động dạy và học :

**1. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu đặc điểm thích nghi và phân bố cây chè ở nước ta

Cây công nghiệp lâu năm nào được trồng nhiều ở Tây Nguyên ?

- Nêu đặc điểm thích nghi và phân bố cây cà phê ở nước ta

**2. Bài mới:**

- Giáo viên giới thiệu yêu cầu tiết ôn tập

**+ Hoạt động 1 : Thảo luận nhóm theo bàn – 5 phút**

- Nhóm 1 : 2 bàn 1 vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Nhóm 2 : 2 bàn 2 Vùng Đồng bằng sông Hồng

- Nhóm 3 : 2 bàn 3 Vùng Bắc Trung Bộ

- Nhóm 4 : 2 bàn 4 Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Nhóm 5 : 2 bàn 5 Vùng Tây Nguyên

**+ Hoạt động 2 :** Đại diện các nhóm trình bày – nhận xét ( 30 phút )

- Gv chốt ý

**1. Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ :**

**+ Sự khác biệt về tự nhiên và thế mạnh kinh tế của 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc**

**+ Vùng Đông Bắc :**

- Địa hình núi trung b́nh , thấp , các dăy núi cánh cung . khí hậu nhiệt đới ẩm , mùa đông lạnh kéo dài 🠦Thế mạnh kinh tế : Khai thác khoáng sản , nhiệt điện, có thế mạnh trồng rừng , cây công nghiệp, dược liệu , cây ăn quả , tiềm năng kinh tế biển: đánh bắt thủy sản , du lịch biển

**+ Vùng Tây Bắc :**

- Địa hình núi cao , hiểm trở , khí hậu nhiệt đới ẩm , mùa đông ít lạnh .

🠦Thế mạnh kinh tế : Phát triển thuỷ điện , trồng rừng , cây công nghiệp , chăn nuôi, du lịch nghỉ mát.

**+ Vì sao việc phát triển , nâng cao đời sống các dân tộc phải đi đôi việc bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ?**

- Nguồn tài nguyên của vùng dồi dào , nhưng do khai thác quá mức làm cho nguồn tài nguyên cạn kiệt ( gỗ, rừng , lâm sản, đất nông nghiệp , khoáng sản ...)

- Diện tích đất trống đồi trọc ngày một tăng , thiên tai diễn biến phức tạp gây thiệt hại lớn , sự suy giảm chất lượng môi trường sinh thái tác động xấu đến nguồn nước ngầm và các ḍng sông . Hồ nước các nhà máy thuỷ điện , nguồn nước cung cấp cho đồng bằng sông Hồng bị ảnh hưởng trực tiếp nghiêm trọng .

**+ Các ngành sản xuất thế mạnh :**

**Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng, thể hiện ở một số ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; sự phân bố của các ngành đó**

**- Công nghiệp:**

+ Thế mạnh chủ yếu là khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

- Khai thác khoáng sản : Than ( Quảng Ninh ), Đông Bắc có tài nguyên khoáng sản phong phú .

- Tây Bắc có nguồn tiềm năng thuỷ điện lớn và phát triển mạnh ( Thủy điện Ḥòa Bình , Thác Bà).

- Trung tâm luyện kim đen ( Thái Nguyên )

- Ngoài ra còn có thế mạnh về kinh tế , du lịch biển ( Quảng Ninh ).

**- Nông nghiệp:**

+ Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng (nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới), quy mô sản xuất tương đối tập trung. Một số sản phẩm có giá trị trên thị trường (chè, hồi, hoa quả…); là vùng nuôi nhiều trâu, ḅ, lợn.

+ Cây công nghiệp lâu năm : Chè ( Mộc châu , Hà Giang , Thái nguyên )

+ Cây ăn quả cận nhiệt : Mận, mơ ( Cao Bằng , Lào Cai), Hồng ( Lạng Sơn ,vải thiều ( Bắc Giang )

- Lâm nghiệp: nghề rừng phát triển mạnh theo hướng nông - lâm kết hợp.

- Chăn nuôi phát triển trên những đồng cỏ. Chăn nuôi trâu chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước( 57,3% ), lợn chiếm 22% cả nước.

**+ Ý nghĩa phát triển nghề rừng kết hợp nông - lâm ở trung du và miền núi Bắc Bộ :**

- Việc phát triển nghề rừng theo hướng nông -lâm kết hợp sẽ khai thác hợp lí hơn diện tích đất rừng . Nhờ nghề rừng phát triển mà độ che phủ tăng lên, hạn chế xói ṃn .

- Sử dụng nguồn lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân

**2. Vùng đồng bằng sông Hồng :**

**+ Điều kiện tự nhiên của đồng bằng sông Hồng đem lại những thuận lợi khó khăn gì trong việc phát triển kinh tế xã hội ?**

- Đặc điểm: châu thổ sông Hồng bồi đắp, khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh, nguồn nước dồi dào, chủ yếu là đất phù sa, có vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng.

**- Thuận lợi:**

+ Vị trí địa lí : Thuận lợi giao lưu kinh tế xã hội trực tiếp với các vùng trong nước .

+ Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.

+ Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh vụ đông .

+ Một số khoáng sản có giá trị đáng kể (đá vôi, than nâu, khí tự nhiên).

+ Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch.

**- Khó khăn:**

+ Thiên tai (bão, lũ lụt, thời tiết thất thường), ít tài nguyên khoáng sản. .

+ Do hệ thống đê chống lũ 🠦 Đồng ruộng trở thành các ô trũng ngập nước trong mùa mưa .

**+ Những thành tựu và khó khăn trong sản xuất nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng , hướng giải quyết những khó khăn đó .**

**- Thành tựu :**

- Diện tích và tổng sản lượng lương thực chỉ đứng sau đồng bằng sông Cửu Long .

- Các loại cây ưa lạnh trong vụ đông đem lại hiệu quả kinh tế cao , có giá trị xuất khẩu ( Ngô đông , khoai tây , cà rốt )

- Đàn lợn có số lượng lớn nhất cả nước ( 27,2%) , Chăn nuôi bò sữa, gia cầm đang phát triển mạnh

**- Khó khăn :**

- Diện tích canh tác đang bị thu hẹp do mở rộng đất thổ cư, đất chuyên dùng , số lao động dư thừa .

- Sự thất thường của thời tiết : lũ , bão , sương giá , sương muối ..

- Nguy cơ ô nhiễm môi trường do sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu không đúng phương pháp , không đúng liều lượng .

**- Hướng giải quyết :**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá , hiện đại hoá .

- Chuyển một phần lao động nông nghiệp sang các ngành khác hoặc đi lập nghiệp các nơi khác .

- Thâm canh tăng vụ , khai thác ưu thế các cây rau vụ đông .

- Hạn chế sử dụng phân hoá học , sử dụng phân vi sinh ,dùng thuốc trừ sâu đúng phương pháp , đúng liều lượng .

**+ Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xă hội của vùng**

- Đặc điểm: số dân đông, mật độ dân số cao nhất nước (1179 người / km2 – năm 2002); nhiều lao động có kĩ thuật.

**- Thuận lợi:**

+ Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

+ Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kĩ thuật.

+ Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.

+ Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Hà Nội và Hải Phòng).

**- Khó khăn:**

+ Sức ép dân số đông đối với phát triển kinh tế - xã hội.

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

**+ Trình bày t́nh h́nh phát triển kinh tế**

**- Công nghiệp:**

+ Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh.

+ Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng.

+ Các ngành công nghiệp trọng điểm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm , sản xuất hàng tiêu dùng , sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí ; sản phẩm công nghiệp quan trọng của vùng: máy công cụ , động cơ điện , phương tiện giao thông , thiết bị điện tử , hàng tiêu dùng ….

**- Nông nghiệp:**

+ Trồng trọt: Đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực; đứng đầu cả nước về năng xuất lúa (56,4 tạ/ha- 2002). Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Chăn nuôi: Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước. Chăn nuôi bò (đặc biệt là ḅ sữa), gia cầm và nuôi trồng thủy sản đang được phát triển.

**+ Các tỉnh thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ -** Hà Nội, Hưng Yên , Hải Dương , Hải Phòng , Quảng Ninh , Bắc Ninh , Vĩnh Phúc .

- Vai trò vùng kinh tế trọng điểm : Tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá , hiện đại hoá , sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên , nguồn lao động của cả 2 vùng Đồng bằng sông Hồng , Trung du miền - núi Bắc Bộ

**3. Vùng Bắc Trung Bộ :**

**+ Các diều kiện tự nhiên Bắc Trung Bộ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của vùng :**

- Thiên nhiên có sự phân hóa giữa phía bắc và phía nam Hoành Sơn, từ đông sang tây (từ tây sang đông tỉnh nào cũng có núi, g̣ò đồi, đồng bằng, biển).

+ Địa hình : Đồi núi 🠦 đồng bằng ven biển 🠦 biển 🠦 phát triển nhiều ngành kinh tế : nông lâm ngư nghiệp , du lịch.Tuy nhiên do địa hình phần lớn đồi núi khó khăn giao lưu kinh tế, đất dể bị xói mòn , đồng bằng ven biển nhỏ hẹp kém phì nhiêu .

+ Khí hậu : Nhiệt đới gió mùa , hiện tượng phơn Tây Nam trong mùa hạ 🠦 Phát triển các sản phẩm nhiệt đới điển hình . Tuy nhiên thiên tai thường xuyên xảy ra : bão, lũ lụt , hạn hán , phơn Tây Nam khó khăn sản xuất ...

+ Sông ng̣òi : Phần lớn ngắn và dốc 🠦 Có giá trị thuỷ lợi , thuỷ điện , nuôi trồng ,đánh bắt thuỷ sản nước ngọt . Thường xảy ra lũ đột ngột .

+ Tài nguyên :

- Đất : Từ Nghệ An 🠦 Quảng Trị có đất đỏ ba dan 🠦 Thích hợp trồng các cây ccông nghiệp lâu năm có giá trị lớn ( Chè , cao su, cà phê )

- Khoáng sản : ít , có trữ lượng lớn : Crôm , sắt , thiếc , vàng , titan... 🠦 Phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng , luyện kim .

- Thuỷ sản : Đường bờ biển dài , có nhiều băi tôm cá , nhiều đầm phá 🠦Thuận lợi đánh bắt nuôi trồng thuỷ sản .

- Rừng : còn nhiều diện tích nhất phía bắc Hoành Sơn 🠦 Cung cấp nhiều gỗ , lâm sản có giá trị .

- Du lịch : Nhiều phong cảnh đẹp , nhiều di tích văn hoá , lịch sử 🠦 Phát triển du lịch.

**+ Việc trồng , bảo vệ rừng có tầm quan trọng hàng đầu trong lâm nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ :**

- Do lãnh thổ hẹp ngang , sườn núi ở phía đông dốc nên bảo vệ rừng phòng hộ rât quan trọng để tránh lũ lụt , bảo vệ các loài thực vật , động vật quí hiếm .

- Rừng phía nam dăy Hoành Sơn bị khai thác quá mức cần bảo vệ và trồng rừng mới.

- Rừng có vai trò điều hoà khí hậu , chống gió nóng Tây Nam , giữ nguồn nước ngầm .

**+ Trình bày tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu ở Bắc Trung Bộ**

- Nông nghiệp:

+ Lúa: năng suất lúa cũng như bình quân lương thực có hạt theo đầu người thấp .Phân bố chủ yếu ở đồng bằng Thanh Hóa , Nghệ An , Hà Tĩnh.

+ Trồng rừng và cây công nghiệp: lạc vừng diện tích khá lớn , phân bố dải đất cát pha duyên hải ..

+ Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản: phân bố ở ven biển .

- Công nghiệp: công nghiệp khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng là ngành công nghiệp quan trọng hàng đầu của vùng . Công nghiệp chế biến gỗ , dệt may… quy mô vừa và nhỏ

- Dịch vụ: dịch vụ trung chuyển hàng hóa, dịch vụ du lịch phát triển .

**+ Các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Bắc Trung Bộ :**

+ Chăn nuôi gia súc lớn , trồng cây công nghiệp , trồng rừng : Do diện tích miền núi trung du khá rộng chiếm 50%diện tích của vùng , rừng còn chiếm 40% diện tích toàn vùng vì vậy chăn nuôi gia súc , trồng cây công nghiệp , trồng rừng phát triển ở miền núi , g̣ò đồi ở phía tây .

+ Nuôi trồng đánh bắt thuỷ sản : Bờ biển dài , nhiều băi tôm , cá ven biển , nhiều đầm phá thuận lợi nuôi trồng , đánh bắt thuỷ sản .

+ Du lịch : Nhiều cảnh quan đẹp ( Các bãi tắm Sầm Sơn , Cửa Lò , Thiên Cầm , Nhật Lệ …, Phong Nha - Kẽ Bàng , vườn quốc gia: Bến En , Vũ Quang , Pù Mát , Bạch Mã ..) , nhiều di tích lịch sử , văn hoá ( Cố đô Huế , Quê Bác, Thành cổ Quảng Trị , ngã ba Đồng Lộc ...)

**4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ :**

**+ So sánh địa hình 2 vùng Bắc trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ :**

+ Địa hình 2 vùng có những nét tương đồng :

- Phía tây miền núi, g̣ò đồi 🠦dải đồng bằng ven biển hẹp🠦Biển với các đảo, quần đảo .

+ Khác nhau :

- Vùng Bắc Trung Bộ : Chỉ có một nhánh núi Trường Sơn Bắc đâm ra biển 🠦 Đèo Ngang , ở tận cùng phía Nam giáp ranh 2 vùng là dãy Bạch Mă chạy ra biển làm thành đèo Hải vân . Bờ biển vùng này ít khúc khuỷu .

- Vùng duyên hải Nam Trung Bộ : Nhiều nhánh núi của Trường Sơn Nam đâm ra biển tạo ra nhiều đèo : Đèo Cả , đèo Cù Mông .. đồng thời chia cắt đồng bằng ven biển nhiều đoạn , bờ biển khúc khuỷu , nhiều vũng vịnh .

**+ Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội**

- Đặc điểm: Các tỉnh đều có núi, g̣ò đồi ở phía tây, dải đồng bằng hẹp ở phía đông; bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng, vịnh.

- Thuận lợi: Vị trí địa lí thuận lợi giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng , với các nước .Tiềm năng nổi bật là kinh tế biển (biển nhiều hải sản, nhiều băi biển đẹp, nhiều vũng vịnh để xây dựng cảng nước sâu,…), có một số khoáng sản (cát , ti tan …).

- Địa h́ình : Núi , g̣ò đồi phía tây , đồng bằng ven biển nhỏ hẹp . bờ biển khúc khủy ,nhiều vũng vịnh 🠦 Phát triển các ngành nông lâm , ngư nghiệp , xây dựng các hải cảng .

- Khí hậu : mang tính chất cận xích đạo , nóng khô nhất cả nước 🠦 Phát triển các cây trồng vật nuôi cận nhiệt , nghề sản xuất muối.

- Sông ng̣òi : Có giá trị thủy điện , thủy lợi .

- Khó khăn: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích giao lưu kinh tế - xă hội hiểm trở , đất dể bị xói ṃn , đồng bằng nhỏ hẹp bị chia cắt , đất kém ph́ nhiêu .

- Khí hậu khô hạn , nạn cát lấn và hiện tượng sa mạc hóa gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp .

nhiều thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, hiện tượng sa mạc hóa).

**+ Đặc điểm dân cư, xã hội; những thuận lợi, khó khăn của dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội**

- Đặc điểm: Phân bố dân cư và hoạt động kinh tế có sự khác biệt giữa phía tây và phía đông

+ Đông : Chủ yếu người Kinh , một bộ phận nhỏ người Chăm , hoạt động kinh tế công nghiệp , thương mại , du lịch , khai thác nuôi trồng thủy sản .

+ Tây : Các dân tộc Cơ tu , Raglai , Ba na , Ê đê ….hoạt động chăn nuôi gia súc lớn , nghề rừng , trồng cây công nghiệp .

- Thuận lợi: Nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm; nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn (Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn,…)

- Khó khăn: Đời sống của một bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn.

**+ Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng**

- Nông nghiệp: (năm 2002 )

+ Chăn nuôi bò (1008 ngh́n con ); ngư nghiệp là thế mạnh chiếm 27,4 % giá trị thủy sản khai thác của cả nước,nghề muối và chế biến thủy sản khá phát triển , nổi tiếng muối Cà Ná , Sa Huỳnh , nước mắm Nha Trang , Phan Thiết …

+ Khó khăn: Quỹ đất nông nghiệp hạn chế. Sản lượng lương thực bình quân đầu người thấp hơn trung bình của cả nước.

- Công nghiệp: Cơ cấu đa dạng gồm công nghiệp cơ khí, chế biến thực phẩm, chế biến lâm sản , sản xuất hàng tiêu dùng .Trung tâm cơ khí : Đà Nẵng , Qui Nhơn .

- Dịch vụ: Tình hình phát triển và phân bố của của dịch vụ vận tải biển, du lịch.

**+ Các thế mạnh về kinh tế vùng Duyên hảỉ Nam Trung Bộ :**

- Ngư nghiệp là thế mạnh : Bao gồm đánh bắt ,nuôi trồng thủy sản , làm muối , khai thác tổ yến .

- Chăn nuôi bò phát triển miền núi phía tây .

- Du lịch là thế mạnh : Có các bãi tắm đẹp ( Non nước, Nha Trang , Mũi Né… ) , Các di sản văn hóa : Phố cổ Hội An , di tích Mĩ Sơn .

**+ Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung :**

- Thừa Thiên Huế , TP Đà Nẵng , Quảng Nam , Quảng Ngăi , B́nh Định

- Vai tṛò vùng kinh tế trọng điểm miền Trung tác động mạnh đến sự chuyển dich cơ cấu kinh tế không chỉ với Duyên hải Nam Trung Bộ mà đối với Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên , thúc đẩy mối liên hệ kinh tế liên vùng .

**5. Vùng Tây Nguyên :**

**+ Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội**

- Đặc điểm:

+ Có địa hình cao nguyên xếp tầng (Kon Tum , Plây Ku, Đăk Lăk, Mơ Nông , Lâm Viên , Di Linh). Có các dòng sông chảy về các vùng lãnh thổ lân cận (Sông : Xê Xan , Xrê Pôk , Ba , Đồng Nai …).

+ Nhiều tài nguyên thiên nhiên.

**+ Thuận lợi :** Có tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi cho phát triển kinh tế đa ngành

- Đất đỏ ba dan màu mỡ nhiều nhất cả nước, phân bố tập trung, thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm .

- Khí hậu cận xích đạo thuận lợi cho việc phát triển các cây cận nhiệt , hoa quả .

- Rừng tự nhiên còn khá nhiều chiếm diện tích lớn có nhiều gỗ quí , lâm sản có giá trị .

- Trên các cao nguyên có nhiều đồng cỏ phát triển chăn nuôi gia súc .

- Khoáng sản bô xít có trữ lượng lớn .

- Nguồn thuỷ năng dồi dào ( chiếm 21% trữ lượng thuỷ điện của cả nước ).

- Có nhiều tiềm năng du lịch sinh thái .

**+ Khó khăn :**

- Không tiếp giáp biển 🠦 hạn chế xuất nhập khẩu hàng hoá .

- Đất đai dễ bị xói mòn , lũ ống , lũ quét xảy ra trong mùa mưa .

- Mùa khô kéo dài gây thiếu nước , dễ cháy rừng .

- Dân cư thưa , trình độ dân trí thấp 🠦 Thiếu nhân lực , lao động có kĩ thuật .

**Trình bày được đặc điểm dân cư, xă hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của vùng**

- Đặc điểm: Tây Nguyên là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người (Gia rai , Ê đê, Ban a , Mnông , Cơ ho…), là vùng thưa dân nhất nước ta. Dân tộc Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở các đô thị, ven đường giao thông, các nông, lâm trường.

- Thuận lợi: nền văn hóa giàu bản sắc, thuận lợi cho phát triển du lịch.

- Khó khăn: thiếu lao động, tŕnh độ lao động chưa cao.

**+ Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu của vùng**

- Nông nghiệp:

+ Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn. Tây nguyên có thế mạnh trồng cây công nghiệp lâu năm : Cao su, cà phê , hồ tiêu , điều .Cà phê trồng nhiều nhất ở Đăk Lăk ,ngoài ra còn trồng cây công nghiệp hàng năm : Lạc , bông ., trồng rau và hoa quả ôn đới ( Đà Lạt ).

+ Tình hình phát triển cây công nghiệp : Cây công nghiệp lâu năm chiếm 42,9% diện tích cây công nghiệp của cả nước , cây công nghiệp mũi nhọn là cà phê (85,1% ) tiếp đến cây chè ( 24,6% cả nước ), cao su ( 19,8% cả nước ) , điều ( 19,8% )

- Lâm nghiệp: có bước chuyển hướng quan trọng , kết hợp khai thác rừng tự nhiên với trồng mới , khoanh nuôi , giao khoán bảo vệ rừng , gắn khai thác với chế biến .

- Công nghiêp: Chiếm tỉ lệ thấp trong cơ cấu GDP nhưng đang có chuyển biến tích cực . Một số dự án thủy điện với quy mô lớn : Xê Xan và Xrê Pôk.Công nghiệp chế biến nông, lâm sản phát triển khá nhanh

- Dịch dụ: xuất khẩu nông sản lớn thứ hai cả nước , cà phê là mặt hàng xuất khẩu chủ lực , du lịch sinh thái và du lịch văn hóa có điều kiện phát triển thuận lợi . Nổi bật nhất là thành phố Đà Lạt .

**+ Để phát triển nông lâm nghiệp các vùng Tây Nguyên , trung du và miền núi Bắc Bộ đă có những kế hoạch gì ?**

- Vùng Tây Nguyên : Chú trọng phát triển thuỷ lợi , áp dụng kĩ thuật canh tác mới để thâm canh, kết hợp khai thác với trồng rừng mới .

- Vùng trung du , miền núi Bắc Bộ : Thâm canh lúa trên ruộng bậc thang thay phá rừng làm rẫy , phát triển trang trại theo hướng nông - lâm kết hợp .

**I. Địa lí dân cư.**

**1. Gia tăng dân số** : Từ 1954 - 2003 : Dân số nước ta tăng nhanh và tăng liên tục

- Cuối những năm 50 : có sự “Bùng nổ dân số”. Năm 2003 tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên: 1,43%

**3.Nguồn lao động**

- Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh.

- Trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu lao động

- Chủ yếu ở nông thôn 75,8%.và phần lớn chưa qua đào tạo ( 78,8 % )

- Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp , có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.Chất lượng nguồn lao động đang được nâng cao.

- Hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn .

**4. Sử dụng lao động**

- Số lao động có việc làm ngày càng tăng .

- Giai đoạn 1999- 2003 số lao động từ 30.1 triệu người tăng lên 41.3 triệu người .

- Cơ cấu sử dụng lao động của nước ta có sự thay đổi theo hướng tích cực giảm tỉ lệ lao động trong nông lâm ngư nghiệp , tăng tỉ lệ lao động trong công nghiệp , xây dựng và dịch vụ .

**II. Địa lí kinh tế :**

**Trình bày tình hình phát triển và phân bố của sản xuất nông nghiệp**

- Đặc điểm chung: phát triển vững chắc, sản phẩm đa dạng, trồng trọt vẫn là ngành chính.

**- Trồng trọt:**

+ Tình hình phát triển: Cơ cấu đa dạng. Lúa là cây trồng chính. Diện tích, năng suất, sản lượng lúa bình quân đầu đầu người không ngừng tăng. Cây công nghiệp và cây ăn quả phát triển khá mạnh. Có nhiều sản phẩm xuất khẩu như gạo, cà phê, cao su, trái cây.

+ Phân bố: các vùng trọng điểm lúa( đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng ), các vùng phân bố cây công nghiệp chủ yếu ( Tây Nguyên , Đông Nam Bộ ).

**- Chăn nuôi:**

+ Tình hình phát triển: chiếm tỉ trọng c̣n nhỏ trong nông nghiệp; đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh.

+ Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp đang mở rộng .

+ Phân bố: trâu (Trung du và miền núi Bắc Bộ , Bắc Trung Bộ ), bò ( Duyên hải Nam Trung Bộ ), lợn, gia cầm ( đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long ).

**Vai trò ngành dịch vụ đối với sản xuất và đời sống .**

+ Cung cấp nguyên liệu, vật tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các ngành kinh tế.

+ Tạo ra các mối quan hệ giữa các ngành sản xuất, các vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài.

+ Tạo nhiều việc làm, góp phần quan trọng nâng cao đời sống nhân dân, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế.

**Giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung .**

- Giới hạn : Thừa Thiên – Huế , Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam , Quảng Ngãi, Bình Định.Diện tích 27,9 nghìn km2, dân số : 6 triệu người ( 2002 )

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã tác động mạnh tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.Thúc đẩy mối quan hệ kinh tế liên vùng .

**Đặc điểm tự nhiên của đồng bằng sông Hồng đem lại những thuận lợi khó khăn ǵ trong việc phát triển kinh tế xã hội ?**

- Đặc điểm: châu thổ do sông Hồng bồi đắp, khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh, nguồn nước dồi dào, chủ yếu là đất phù sa, có vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng.

**- Thuận lợi:**

+ Vị trí địa lí : Thuận lợi giao lưu kinh tế xã hội trực tiếp với các vùng trong nước .

+ Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.

+ Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh vụ đông .

+ Một số khoáng sản có giá trị đáng kể (đá vôi, than nâu, khí tự nhiên).

+ Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch.

**- Khó khăn:**

+ Thiên tai (bão, lũ lụt, thời tiết thất thường), ít tài nguyên khoáng sản. .

+ Do hệ thống đê chống lũ 🠦 Đồng ruộng trở thành các ô trũng ngập nước trong mùa mưa .

**Đặc điểm tự nhiên tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có những thuận lợi, khó khăn gì đối với việc phát triển kinh tế - xã hội**

- Đặc điểm: Các tỉnh đều có núi, g̣ò đồi ở phía tây, dải đồng bằng hẹp ở phía đông; bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng, vịnh.

**- Thuận lợi:**

- Vị trí địa lí thuận lợi giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng , với các nước .

- Tiềm năng nổi bật là kinh tế biển (biển nhiều hải sản, nhiều băi biển đẹp, nhiều vũng vịnh để xây dựng cảng nước sâu,…), có một số khoáng sản (cát thủy tinh , ti tan …).

- Địa hình : Núi , gò đồi phía tây , đồng bằng ven biển nhỏ hẹp . bờ biển khúc khủy ,nhiều vũng vịnh 🠦 Phát triển các ngành nông lâm , ngư nghiệp , xây dựng các hải cảng .

- Khí hậu : mang tính chất cận xích đạo , nóng khô nhất cả nước 🠦 Phát triển các cây trồng vật nuôi cận nhiệt , nghề sản xuất muối.

- Sông ng̣òi : Có giá trị thủy điện , thủy lợi .

**- Khó khăn:**

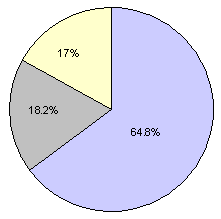
- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích giao lưu kinh tế - xã hội hiểm trở , đất dể bị xói mòn , đồng bằng nhỏ hẹp bị chia cắt , đất kém phì nhiêu .

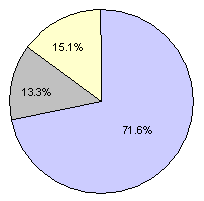
- Khí hậu khô hạn , nạn cát lấn và hiện tượng sa mạc hóa gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp .

- Nhiều thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, ...).

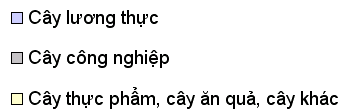
**III. Kĩ năng :**

**- Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu ngành trồng trọt**





**Biểu đồ: Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây năm 1990 và 2002**



→ Tỉ trọng cây lương thực giảm ; tỉ trọng cây công công nghiệp ,cây ăn quả tăng .

Sự thay đổi này cho thấy nước ta đă và đang thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa, đa dạng hóa các loại cây trồng . Nền nông nghiệp nhiệt đới đang được phát huy tăng giá trị sản phẩm , các loại cây công nghiệp đang được phát triển để tạo ra nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cao.

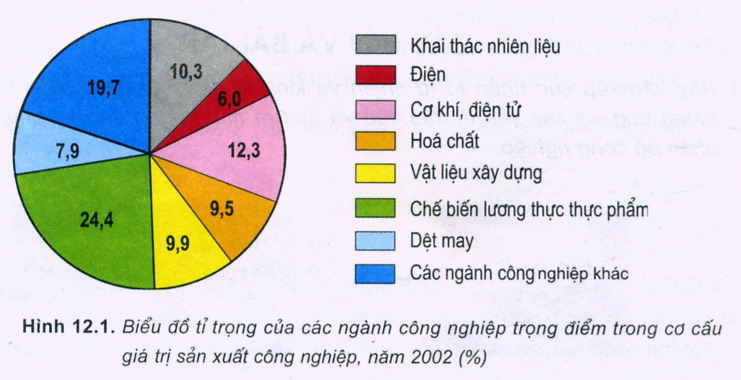
**- Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình tăng trưởng đàn gia súc , gia cầm**



- Đàn lợn và gia cầm tăng nhanh nhất:Đây là nguồn cung cấp thực phẩm chủ yếu đảm bảo cho nhu cầu thực phẩm tăng nhanh . Nhờ giải quyết tốt nguồn thức ăn cho chăn nuôi, có nhiều hình thức chăn nuôi đa dạng

- Đàn trâu không tăng chủ yếu do kết quả cơ giới hóa nông nghiệp, nhu cầu về sức kéo giảm .

**Dựa biểu đồ hoặc bảng số liệu nhận xét cơ cấu ngành công nghiệp**

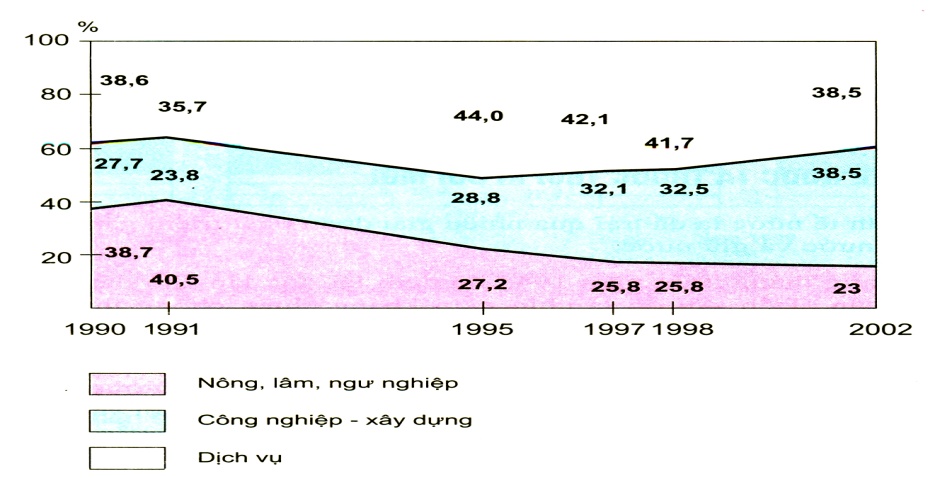


- Nhận xét : Cơ cấu ngành đa dạng , đủ các lĩnh vực , đã hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm .

- Sự đa dạng trong cơ cấu công nghiệp thể hiện có nhiều ngành : công nghiệp khai thác nhiên liệu , công nghiệp điện, chế biến lương thực thực phẩm , cơ khí – điện tử , hóa chất , vật liệu xây dựng, dệt may …

- Hệ thống công nghiệp gồm cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài .

**Dựa biểu đồ - bảng số liệu nhận xét và giải thích đặc điểm phân bố ngành dịch vụ .**



**Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu GDP từ năm 1990 đến năm 2002**

**(Hoặc biểu đồ này chuyển thành bảng số liệu )**

Nhận xét và giải thích :

- Dịch vụ phát triển khá nhanh, ngày càng có vai tṛ quan trọng và khả năng hội nhập .

- Năm 2002 khu vực dịch vụ chiếm 25 % lao động , đóng góp 38.5 % GDP cả nước .

- Cơ cấu ngày càng đa dạng hơn .

- Chủ yếu là dịch vụ tiêu dùng ( 51 % ) , dịch vụ sản xuất c̣n chiếm tỉ trọng nhỏ ( 26.8%)

Để đẩy mạnh phát triển dịch vụ , chúng ta phải nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại h́nh dịch vụ . Muốn vậy phải giải quyết các khó khăn tồn tại là thiếu lao động lành nghề , cơ sở hạ tầng yếu , tŕnh độ kĩ thuật công nghệ chưa cao.

**Vấn đề khai thác tiềm năng kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ .**

Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển .

- Bờ biển dài , có nhiều vũng vịnh , biển có nhiều đặc sản sò huyết , tôm hùm ...ngoài khơi có ngư trường lớn Hoàng Sa – Trường Sa , Ninh Thuận – B́ình Thuận → thuận lợi cho khai thác ,nuôi trồng thủy sản .

- Bờ biển khúc khuỷu , có nhiều vũng vịnh → thuận lợi xây dựng cảng ( Đà Nẵng, Nha Trang , Quy Nhơn , Dung Quất ... ) phát triển giao thông vận tải biển .

- Trên bãi cát có ti tan , cát thủy tinh, nghề muối phát triển ở Sa Huỳnh, Cà Ná → thuận lợi khai thác khoáng sản biển .

- Nhà máy lọc dầu Dung Quất ( Quảng Ngãi ) → thuận lợi chế biến khoáng sản biển .

- Dọc bờ biển có nhiều bãi biển đẹp : Non Nước , Sa Huỳnh , Nha Trang , Mũi Né ... → thuận lợi phát triển du lịch biển .

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Củng cố :**

- Nhận xét sự chuẩn bị của học sinh .

- Công nghiệp

- Nông nghiệp

**Dặn dò :**

- Ôn bài thi học kì I

- Thi nghiêm túc

- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập và giấy thi .

**- Rút kinh nghiệm :**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần : 18**

**Tiết : 36** **KIỂM TRA HỌC K̀ I**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

Qua bài kiểm tra đánh giá được trình độ nhận thức của học sinh về :

- Biết hậu quả việc tăng nhanh dân số và lợi ích của việc giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên . Trình bày được giải pháp giải quyết việc làm ở nước ta.

- Biết sự Đổi mới kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam. Chứng minh được cơ cấu công nghiệp nước ta đa dạng .Hiểu được lợi ích của việc trồng rừng và nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng .

- Phân tích được mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển công nghiệp .

**2. Kĩ năng :**

- Rèn luyện kĩ năng độc lập làm bài ,học bài ,tư duy giải quyết vấn đề đã học .

- Tập cho Hs tính cẩn thận, tự giác, trung thực trong khi kiểm tra.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục cho các em ý thức tư duy địa lí để làm bài trên lớp một cách tự lập, có sáng tạo.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Ra đề - Ma trận - Đáp án+ thang điểm.

**2. Học sinh :**

- Đồ dùng học tập.

- Giấy kiểm tra.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**Tuần :19**

**Tiết :37**

**Bài 30 :THỰC HÀNH SO SÁNH SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ VỚI TÂY NGUYÊN**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Biết phân tích sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở hai vùng:Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên về đặc điểm, những thuận lợi,khó khăn và giải pháp phát triển bền vững.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng sử dụng bản đồ , phân tích số liệu thống kê.

- Có kĩ năng viết và trình bày văn bản trước lớp

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên bảo vệ môi trường

**II . Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên hoặc bản đồ kinh tế Việt Nam

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Điều kiện tự nhiên của Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội ?

Vùng Tây Nguyên cà phê trồng nhiều nhất ở tỉnh nào ?

**2.Giới thiệu bài :**

Giáo viên giới thiệu yêu cầu bài thực hành

**3.Bài mới**

- Phương pháp sử dụng bản đồ.

- Phương pháp vấn đáp.

- Phương pháp cá nhân

- Kỹ thuật sử dụng bản đồ dịch vụ, kinh tế

- Kỹ thuật đặt câu hỏi.

- Kỹ thuật học tập hợp tác ...

**Hình thức tổ chức dạy học:** Cá nhân, nhóm, cặp, bàn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **- Hoạt động 1:** Bài tập 1 (nhóm.)( 20 phút )  - Đọc bảng số liệu 30.1. Nêu tổng diện tích và một số cây công nghiệp lâu năm ở mỗi vùng.  - Cho biết cây công nghiệp lâu năm nào được trồng ở cả hai vùng ?  - Thảo luận 4 nhóm – 4 phút  - Nhóm 1,2,: Cây công nghiệp lâu năm nào chỉ trồng được ở Tây Nguyên, không trồng được ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. V́ sao chỉ phát triển ở vùng đó ?  - Nhóm 3,4 : Cây công nghiệp nào chỉ trồng được ở Trung du và miền núi Bắc Bộ mà không trồng được ở Tây Nguyên ? Vì sao chỉ phát triển ở vùng đó ?  - Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm vùng nào chiếm nhiều so với cả nước ?  - Sản lượng và diện tích cà phê ở Tây Nguyên so với Trung du và miền núi Bắc Bộ ?  - Diện tích và sản lượng chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ so với Tây Nguyên?  - Vì sao diện tích và sản lượng của chè, cà phê giữa hai vùng có sự khác biệt đó ?  **- Hoạt động 2 :** Bài tập 2 ( 15 phút )  - Chia lớp thành 6 nhóm.  + Nhóm 1,2,3 : Cây chè  + Nhóm 4,5,6 : Cây cà phê  -Giới thiệu khái quát về đặc điểm sinh thái của cây chè, cây cà phê yêu cầu học sinh viết đoạn văn tổng hợp tình hình sản xuất , phân bố tiêu thụ sản phẩm một trong hai loại cây.  - Kết luận.  - Tây Nguyên và Trung du, miền núi Bắc Bộ có đặc điểm riêng về địa h́nh, khí hậu, thổ nhưỡng và sự đa dạng sinh học.  - Cả hai vùng đều phát triển cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao. Điều đó chứng minh rằng : Sự thống nhất trong đa dạng thiên nhiên của đất nước và tiềm năng phát triển kinh tế hai vùng rất lớn. | **Bài tập 1 :**  - Cây công nghiệp lâu năm trồng được ở cả hai vùng: cà phê, chè.  - Cây công nghiệp lâu năm trồng được ở Tây Nguyên mà không trồng được ở Trung du và miền núi Bắc Bộ: cao su, hồ tiêu, điều.  - Sản lượng và diện tích cà phê ở Tây Nguyên nhiều hơn so với Trung du và miền núi Bắc Bộ .  - Sản lượng và diện tích chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhiều hơn so với Tây Nguyên .  **Bài tập 2 :**  - Viết báo cáo ngắn gọn .  - Cà phê: Không chịu sương muối, cần có lượng mưa 1500 – 2000 mm. Độ ẩm không khí 78 – 80%, không chịu được gió mạnh. Đặc biệt thích hợp là đất đỏ badan , có tầng canh tác trên 70cm, tơi xốp, thoát nước. Tây Nguyên có đầy đủ khả năng phát triển cây cà phê theo vùng chuyên canh lớn. Cà phê Buôn Ma Thuột nổi tiếng thơm ngon trên thị trường trong và ngoài nước. Việt Nam ( 2003 ) đứng thứ hai trên thế giới về sản xuất và xuất khẩu cà phê ( sau Braxin)  - Chè: Cây thích hợp với nhiệt độ ôn ḥa( 150 C – 200C ) chịu được lạnh dưới 10·0C , lượng mưa 1500 – 2000mm. Độ cao thích hợp 500 – 1000m. Khoảng 90% chè nước ta phân bố từ Nghệ An trở ra. Chè phát triển tốt, cho phẩm chất cao ở các tỉnh phía Bắc vĩ tuyến 18·. Chè nổi tiếng thơm ngon là chè Tân Cương (Thái Nguyên ), chè suối Giàng (Yên Bái), chè San (Hà Giang )  - Các nước nhập khẩu nhiều cà phê của nước ta là: Nhật, CHLB Đức.  - Chè của nước ta đă được công nhận thương hiệu chè Việt, xuất sang nhiều nước EU, Tây Á, Nhật Bản, Hàn Quốc… |

**IV . Tổng kết - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Tổng kết :**

- Nêu đặc điểm thích nghi và phân bố cây chè và cây cà phê ở nước ta .

- Hoàn thành hai bài tập vào vở .

**Hướng dẫn học ở nhà :**

- Ôn lại bài 17 đến bài 30

- Tiết sau ôn tập nội dung từ bài 17 đến bài 30 .

- Trả lời hệ thống câu hỏi tiết 35 ( chuẩn bị trước )

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 19 Tiết :38**

**TRẢ VÀ SỬA BÀI KIỂM TRA HKI**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hs Nhận biết đươc nội dung yêu cầu của đề cho với những dang như thế nào.

- Trình bày chính xác từng nội dung.

- Biết liên hệ thực tế.

**2. Kĩ năng:**

- Xác định yêu câu của từng nội dung.

- Phân tích biểu đồ, nhận xét bảng số, vẽ và đặt tên cho biểu đồ.

**3. Thái độ**:

- Ý thức được việc tự học và ren kĩ năng cho bản thân.

**II. Chuẩn bị giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- chuẩn bị nôi dung cần thiết để chỉ ra những thiếu sót của hs, giup cac em thấy đươc những sai sót khi làm bài và cách trình bày

**2. Học sinh :**

- Xem bài của mình và thấy đươc những điều mình chưa đạt được để làm tốt hơn ở những tết sau.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**Tuần : 20**

**Tiết : 39**

**Bài 31**

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được Đông Nam Bộ phát triển kinh tế rất năng động. Đó là kết quả khai thác tổng hợp lợi thế vị trí địa lí ,điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trên đất liền cũng như trên biển, những đặc điểm dân cư , xã hội của vùng

- Biết vùng giàu tiềm năng tự nhiên như đất badan , tài nguyên biển .

- Biết nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp và đô thị hóa ….

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích bảng số liệu , lược đồ làm rõ tiềm năng tự nhiên của vùng .

- Xác lập mối quan hệ giữa thiên nhiên , con người và hoạt động kinh tế

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường .

**II. Chuẩn bị của giáo viên – học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Kiểm tra bài cũ :**

- Trả bài thi học ḱ I.

**2. Bài mới:**

- Đông Nam Bộ là vùng có vị trí như thế nào ?Ý nghĩa của vị trí?Đặc điểm tự nhiên tài nguyên dân cư xã hội có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế , chúng ta cùng nghiên cứu bài học hôm nay .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1:**Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ(Cá nhân )  ( 10 phút )  - Xác định vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .  Vị trí là cầu nối giữa Tây Nguyên với duyên hải NTB với ĐB sông Cửu Long ,giữa đất liền với biển Đông giàu tiềm năng .  - Biển Đông đem lại nguồn lợi dầu khí, nuôi trồng đánh bắt thuỷ sản, phát triển du lịch, dịch vụ kinh tế biển.  **+ Hoạt động 2:** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (nhóm )( 15 phút )  - Hs thảo luận nhóm 4’ ( 4nhóm ): Dựa vào bảng 31.1 và hình 31.1  - Nhóm 1.2: Hãy nêu đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ.  - Nhóm 3.4: Những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .  - Hs :Trình bày - nhận xét  - Gv:Chuẩn xác  - Giải thích vì sao vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh mẽ kinh tế biển?  - Quan sát hình 31.1, hăy nhận xét tình hình sử dụng tài nguyên đất ở Đông Nam Bộ.  - Quan sát hình 31.1 hãy tìm một số dòng sông của vùng.  - Vì sao phải bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn đồng thời phải hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông ở Đông Nam Bộ?  - Rừng ở Đông Nam Bộ không còn nhiều, bảo vệ rừng là bảo vệ nguồn sinh thuỷ và giữ gìn cân bằng sinh thái. Chú ý vai trò rừng ngập mặn trong đó có rừng Sác ở huyện Cần Giờ vừa có ý nghĩa du lịch vừa là “ lá phổi” xanh của Thành phố Hồ Chí Minh vừa là khu dự trữ sinh quyển của thế giới  -Nêu những khó khăn về tự nhiên đối với sản xuất và đời sống ở Đông Nam Bộ .Biện pháp khắc phục ?  **( Tích hợp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường )**  **+ Hoạt động 3 :** Đặc điểm dân cư và xã hội ( Cá nhân )  ( 10 phút )  - Căn cứ vào bảng 31.2 Hãy nhận xét tình hình dân cư ,xã hội của vùng Đông Nam Bộ?  - Những tiêu chí nào cao hơn mức trung bình cả nước và ý nghĩa của nó ?  - Những tiêu chí nào thấp hơn cả nước và ý nghĩa của nó?  - Đặc điểm dân cư , xã hội và tác động của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .  - Thảo luận cặp : Mặt trái các tác động của đô thị và công nghiệp tới môi trường.  (ùn tắc giao thông , ô nhiễm không khí , ô nhiễm nước- sông Thị Nghè bị ô nhiễm nặng ) liên hệ giáo dục bảo vệ môi trường .  - Gợi ý Hs tìm hiểu một số địa chỉ văn hoá lịch sử ở Đông Nam Bộ: Bến cảng Nhà Rồng, Dinh Độc Lập… | **I. Vị trí địa lí và giới hạn lănh thổ**  - Giáp : Tây Nguyên , duyên hải Nam Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long .  -Ý nghĩa : nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế , giao lưu với các vùng xung quanh và quốc tế  **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  + Điều kiện tự nhiên :  -Địa hình :thoải cao trung bình làm mặt bằng xây dựng tốt  -Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm .Đất xám,đất badan màu mỡ - trồng cây cao su ,cà phê ,hồ tiêu ,điều ,cây ăn quả …  - Sông ng̣òi :Sông Đồng Nai ,sông Bé ,Sông Sài Gòn - có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ .  -Vùng biển rộng ,thềm lục địa nông giàu dầu khí , hải sản…  +Tài nguyên thiên nhiên :là vùng ít tài nguyên .chủ yếu gồm dầu mỏ ,khí đốt ,đất xám ,đất badan …  + Khó khăn : Rừng không còn nhiều , nguồn sinh thủy bị hạn chế , ô nhiễm môi trường ….  **III. Đặc điểm dân cư và xã hội**  + Đặc điểm  - Là vùng đông dân, có lực lượng lao động dồi dào nhất là lao động lành nghề.  - Người dân năng động, sáng tạo  - Mật độ 434 người/km2 năm 2002  + Thuận lợi :  - Là thị trường tiêu thụ rộng lớn. Đông Nam Bộ đặc biệt Thành phố Hồ Chí Minh có sức hút lao động mạnh mẽ đối với cả nước.  - Có nhiều di tích lịch sử ,văn hóa để phát triển du lịch |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Điều kiện tự nhiên của Đông Nam Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế-xã hội?

- Phân bố dân cư ở Đông Nam Bộ có những đặc điểm gì?

**- Dặn dò :**

- Học bài và trả lời câu hỏi sgk .

- Chuẩn bị bài 32 : Vùng Đông Nam Bộ ( tiếp theo )

+ Tình hình sản xuất công nghiệp .

+ Tình hình sản xuất nông nghiệp .

+ Những thay đổi quan trọng trong kinh tế của vùng .

+ Khai thác kĩ bảng số liệu , lược đồ .

**Rút kinh nghiệm :**

**Tuần : 21**

**Tiết : 40**

**Bài 32**

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (tiếp theo)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1 Kiến thức:**

- Hiểu được Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu phát triển kinh tế nhất cả nước . Công nghiệp chiếm tỉ lệ cao trong GDP. Sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng. Bên cạnh những thuận lợi các ngành này cũng có những khó khăn, hạn chế nhất định.

- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng .

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích so sánh số liệu, dữ liệu trong các bảng, lược đồ .

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Lược đồ kinh tế của vùng Đông Nam Bộ

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1. Kiểm tra bài cũ** :

- Điều kiện tự nhiên Đông Nam Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế - xã hội ?

- Phân bố dân cư ở Đông Nam Bộ có những đặc điểm gì?

**2. Bài mới :**

- Trong quá trình phát triển kinh tế , hội nhập nền kinh tế nước ta với quốc tế . Đông Nam Bộ là một tiềm năng với nhiều thành tựu to lớn, phát triển nhanh chóng cả về công nghiệp , nông nghiệp và dịch vụ . Trong tiết học này, chúng ta sẽ tìm hiểu những nét chính về tình hình phát triển kinh tế nói chung, sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp nói riêng của vùng kinh tế Đông Nam Bộ .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **+ Hoạt động 1** :Tìm hiểu công nghiệp ( nhóm )( 20 phút )  - Nhận xét cơ cấu công nghiệp vùng Đông Nam Bộ trước và sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng ?  - Căn cứ vào bảng 32.1 Nhận xét tỉ trọng công nghiệp –xây dựng trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và của cả nước ?(Công nghiệp đa dạng. )  - Thảo luận nhóm 4 nhóm – 4 phút  - Nhóm 1.2: Quan sát hình 32.2,kể tên các ngành công nghiệp của vùng .(Vùng có những trung tâm công nghiệp lớn ở Đông Nam Bộ như TP HCM, Biên Hoà, Vũng Tàu, TP HCM tập trung nhiều khu công nghiệp nhất)  - Nhóm 3.4: Dựa vào hình 32.1 Hãy nhận xét sự phân bố sản xuất công nghiệp ở Đông Nam Bộ.  - Vì sao sản xuất công nghiệp lại tập trung chủ yếu tại thành phố Hồ Chí Minh?  - Hs trình bày – nhận xét  - Gv chuẩn xác .  - Sản xuất công nghiệp Đông Nam Bộ còn gặp khó khăn gì ? Vì sao?  **+ Hoạt động 2**: Tìm hiểu về nông nghiệp ( cặp )( 15 phút )  - Dựa vào bảng 32.2, hãy nhận xét về tình hình sản xuất và phân bố cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ.  - Nhờ những điều kiện nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn ở nước ta ?  - Quan sát bảng 32.2 và hình 32.1 đồng thời vận dụng kiến thức đã học, cho biết vì sao việc sản xuất cây cao su lại tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ?  - Nhận xét về ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm vùng Đông Nam Bộ?  - Giải thích vì sao vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh mẽ kinh tế biển?  - Quan sát hình 32.1, tìm vị trí của hồ Dầu Tiếng, hồ thủy điện Trị An.  - Khó khăn về mặt tự nhiên đối với nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là gì ? Giải pháp khắc phục những khó khăn đó ?  - Nêu vai trò của hồ Dầu Tiếng (rộng 240 km2,chứa 1.5 tỉ m3 nước đảm bảo tưới tiêu cho 170 nghìn ha đất thường xuyên thíêu nước vào mùa khô ở Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước.. | **IV. Tình hình phát triển kinh tế**  - Vùng Đông Nam Bộ có cơ cấu tiến bộ nhất so với các vùng trong cả nước  **1. Công nghiệp**  - Có sự thay đổ rõ rệt so trước ngày giải phóng .  - Trở thành ngành chính .  - Công nghiệp tăng trưởng nhanh chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng.  - Cơ cấu sản xuất công nghiệp đa dạng, bao gồm các ngành như:CN nặng , CN nhẹ , chế biến lương thực thực phẩm .  - Một số ngành hiện đại đã hình thành và đang trên đà phát triển : Khai thác dầu khí, hóa dầu, điện tử, công nghệ cao… Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh.  - Trung tâm công nghiệp :TP HCM, Biên Hoà, Vũng Tàu ( TP HCM chiếm 50% giá trị sản lượng công nghiệp toàn vùng )  **2. Nông nghiệp**  - Đông Nam Bộ là vùng trồng cây công nghiệp quan trọng của cả nước  - Cây công nghiệp cao su, cà phê, hồ tiêu, điều lạc, mía đường, đậu tương thuốc lá, cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít tố nữ, vú sữa..) .  - Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo hướng công nghiệp .  - Thuỷ sản nuôi trồng và đánh bắt đem lại nguồn lợi lớn  - Khó khăn : mùa khô kéo dài gây thiếu nước .  - Giải pháp : Phát triển rừng đầu nguồn , xây dựng hồ chứa nước như Dầu Tiếng , Trị An . |

**IV. Củng cố và hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Tình hình sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ .

- Tình hình sản xuất nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ .

- Những thay đổi quan trọng trong kinh tế của vùng Đông Nam Bộ .

**- Dặn dò :**

- Học bài trả lời các câu hỏi sgk.

- Chuẩn bị bài 33:Vùng Đông Nam Bộ (tt)

+ Hoạt động dịch vụ của vùng phát triển như thế nào ?

+ Vùng có những trung tâm kinh tế nào ?Đặc điểm phát triển ra sao ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần :22**

**Tiết : 41**

**Bài 33**

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (tiếp theo)**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được tình hình phát triển và các hoạt động của ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ .

- Nêu được các trung tâm kinh tế lớn , vị trí , giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam so với cả nước .

**2. Kĩ năng:**

- Đọc, phân tích bản đồ vùng Đông Nam Bộ, bản đồ giao thông Việt Nam .

- Phân tích bảng số liệu , biểu đồ .

- Sử dụng At1lat Địa lí Việt Nam .

**- Các kĩ năng sống cơ bản cần giáo dục trong bài :**

- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ , bản đồ , biểu đồ , bảng số liệu , bảng thống kê và bài viết để tìm hiểu về ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ,các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam .

- Giải quyết vấn đề : Tìm kiếm các lựa chọn và xác định nguyên nhân làm cho Đông Nam Bộ có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài .

- Giao tiếp: Trình bày suy nghĩ, ý tưởng, lắng nghe, phản hồi tích cực, giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm, cặp .

- Tự nhận thức : Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và trình bày thông tin .

**- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :**

- Động não , thảo luận nhóm , giải quyết vấn đề , suy nghĩ – cặp đôi – chia sẻ. Học sinh làm việc cá nhân , trình bày một phút .

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ vùng Đông Nam Bộ

- Bản đồ giao thông Việt Nam

- At1lat Địa lí Việt Nam .

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học**

**1.Kiểm tra bài cũ**

-Tình hình sản xuất công nghiệp ở Đông Nam Bộ thay đổi như thế nào từ sau khi đất nước thống nhất ? Trong cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất ?

-Tình hình phân bố cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ?Vì sao cây cao su trồng được nhiều nhất ở vùng này ?

**2. Bài mới :**

**- Khám phá :**- Dựa vào kiến thức đã học , nhắc lại

- Cơ cấu ngành dịch vụ và đặc điểm phân bố ngành dịch vụ ở nước ta .

- Tên các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta .

**- Kết nối :** Chúng ta biết rằng Đông Nam Bộ có ngành công nghiệp, nông nghiệp đều phát triển so với các vùng khác của nước ta. Trong bài học này chúng ta tiếp tục nghiên cứu về ngành dịch vụ , các trung tâm kinh tế Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **+ Hoạt động 1** : Tìm hiểu về ngành dịch vụ  - Thảo luận nhóm ( 15 phút )  - Xem lại khái niệm dịch vụ trong bảng tra cứu thuật ngữ trang 153 , đồng thời đọc mục 3 sgk xác định các ngành dịch vụ chính ở Đông Nam Bộ .  - Đọc bảng 33.1 Nhận xét tỉ trọng một số chỉ tiêu dịch vụ ở Đông Nam Bộ so với cả nước  - Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực và giải thích vì sao đó lại là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng .  - Dựa vào hình 33.1 nhận xét tỉ lệ vốn đầu tư nước ngoài vào Đông Nam Bộ so với cả nước và giải thích vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài ?  - Gv gợi ý tập trung phân tích thế mạnh về nguồn nhân lực , tài nguyên thiên nhiên , vị trí địa lí của Đông Nam Bộ để giải thích vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài .  - Hs làm việc cá nhân – thảo luận nhóm – đại diện nhóm trình bày  - Gv chuẩn xác kiến thức .  **+ Hoạt động 2 :** Tìm hiểu về ngành giao thông vận tải và du lịch của vùng .  - Suy nghĩ – cặp đôi – chia sẻ.  - Dựa vào Át lát trang 18 và 20 xác định các tuyến du lịch từ TP Hồ Chí Minh có thể đi đến các thành phố khác trong cả nước bằng những loại hình giao thông nào ? Từ đó chứng minh đó là đầu mối giao thông quan trọng hàng đầu ở Đông Nam Bộ và trong cả nước  - Xác định tuyến du lịch từ TPHồ Chí Minh đi Vũng Tàu , Đà Lạt , Nha Trang , Đồng bằng sông Cửu Long có thể đi bằng phương tiện nào ?  - Hs làm việc cá nhân – thảo luận cặp đôi – đại diện một số cặp trình bày – Gv chuẩn kiến thức .  **+ Hoạt động 3** : Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ( cá nhân )  - Kể tên các trung tâm kinh tế Đông Nam Bộ?  - Dựa hình 6.2 xác định ranh giới vùng kinh tế trọng điểm phía Nam , xác định các tỉnh thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam .  - Dựa vào bảng 33.2 hãy nhận xét vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đối với cả nước.  - Tầm quan trọng của TPHCM, Biên Hòa , Vũng Tàu trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam . | **3. Dịch vụ**  - Cơ cấu dịch vụ rất đa dạng gồmcác hoạt động thương mại , du lịch , vận tải , bưu chính viễn thông … .  - Các chỉ số dịch vụ chiếm tỉ trọng cao so với cả nước .  - Dẫn đầu cả nước về hoạt động xuất nhập khẩu .  - Có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài .  - Sự đa dạng của loại hình kinh tế dịch vụ đã góp phần thúc đẩy kinh tế của vùng phát triển mạnh mẽ .  **V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**  **- Thành phố Hồ Chí Minh là :**  + Đầu mối giao thông vận tải quan trọng hàng đầu của Đông Nam Bộvà cả nước.  + Trung tâm du lịch lớn nhất cả nước.  **- Trung tâm kinh tế:**Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Vũng Tàu là ba trung tâm kinh tế lớn ở Đông Nam Bộ. Ba trung tâm này tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.  **- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam** có vai tṛ quan trọng không chỉ đối với Đông Nam Bộ mà với các tỉnh phía nam và cả nước **.** |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Thực hành / luyện tập**

**- Trình bày 1 phút**

- Đông Nam Bộ có những điều kiện thuận lợi khó khăn gì để phát triển các ngành dịch vụ ?

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam .

**- Vận dụng:**

- Tuyến đường từ thành phố Hồ Chí Minh đến Long An bằng loại hình giao thông nào ?

- Học bài trả lời các câu hỏi sgk - làm bài tập 3 trang 123 sgk

- Chuẩn bị bài 34 :Thực hành

- Dựa vào kiến thức đã học bài 31,32,33 trả lời các câu hỏi gợi ý trong bài .

**Rút kinh nghiệm :**

**Tuần : 23**

**Tiết : 42**

**Bài 34 THỰC HÀNH**

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM Ở ĐÔNG NAM BỘ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức đã học về những điều kiện thuận lợi khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế - xãhội của vùng làm rõ vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

**2. Kĩ năng:**

- Biết kết hợp kênh chữ, kênh hình để phân tích , nhận xét một số vấn đề quan trọng của vùng.Kĩ năng lựa chọn loại biểu đồ thích hợp, tổng hợp kiến thức.

- Xử lí, phân tích số liệu thống kê về một số ngành công nghiệp trọng điểm.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ kinh tế của vùng Đông Nam Bộ

- Biểu đồ tỉ trọng một số sản phẩm tiêu biểu của ngành công nghiệp trong điểm của Đông Nam Bộ so với cả nước năm 2001 .

**2. Học sinh :**

- Dụng cụ vẽ

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

**- Kiểm tra 15 phút**

**2. Bài mới :**

- Gv giới thiệu yêu cầu bài thực hành

- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh .

**+ Hoạt động 1 :Bài tập 1 ( cá nhân )**

**- Bài tập 1 :**

Bảng 34.1 tỉ trọng một số sản phẩm tiêu biểu cho các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ so với cả nước năm 2001

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các ngành công nghiệp trọng điểm | Sản phẩm tiêu biểu | |
| Tên sản phẩm | Tỉ trọng so với cả nước (%) |
| Khai thác nhiên liệu | Dầu thô | 100,0 |
| Điện | Điện sản xuất | 47,3 |
| Cơ khí-điện tử | Động cơ Điêden | 77,8 |
| Hoá chất | Sơn hoá học | 78,1 |
| Vật liệu xây dựng | Xi măng | 17,6 |
| Dệt may | Quần áo | 47,5 |
| Chế biến thực phẩm | Bia | 39,8 |

- Dựa vào nội dung phần thuật ngữ trang 153 sgk để nêu khái niệm ngành công nghiệp trọng điểm .

- Nhận xét ngành nào có tỉ trọng lớn, ngành nào có tỉ trọng nhỏ?

- Theo em nên chọn biểu đồ gì? Tại sao ?( hình cột- để thể hiện rõ nhất 7 ngành )

- Gv hướng dẫn cách vẽ:

+Vẽ hệ toạ độ tâm 0, trục tung chia thành 10 đoạn, mỗi đoạn tương ứng 10% , tổng cộng trục tung là 100%. Đầu mút trục tung ghi % .

+ Trục hoành chia 7 đoạn bằng nhau cân đối với trục tung .Trên trục hoành tương ứng với 7 ngành công nghiệp trọng điểm trong bảng Độ cao của từng cột có số % như trong bảng 34.1.

- Dùng kí hiệu hoặc màu phân biệt các ngành …

- Ghi tên các ngành công nghiệp trọng điểm dưới cột thể hiện .

- Viết tên biểu đồ .

- GV gọi HS lên bảng vẽ, nhận xét

**+ Hoạt động 2 :Bài tập 2 ( nhóm )**

**- Bài tập 2 :**

- Thảo luận nhóm : 4 nhóm – 5 phút

- Nhóm 1.2 : câu a, b

- Nhóm 3.4 : câu c, d

- Căn cứ biểu đồ đã vẽ và các bài 31,32,33 hãy cho biết:

a.Những ngành công nghiệp trọng điểm nào đã sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có trong vùng?

b.Những ngành công nghiệp trọng điểm nào đã sử dụng nhiều lao động?

c.Những ngành công nghiệp trọng điểm nào đòi hỏi kĩ thuật cao?

d.Vai trò của Đông Nam Bộ trong phát triển công nghiệp của cả nước?

- Nhóm chẳn trình bày – nhóm lẻ nhận xét .

- Gv chuẩn kiến thức .

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Vùng có những thuận lợi và khó khăn nào trong phát triển kinh tế ?

- Vai trò của vùng đối với cả nước như thế nào ?

**- Dặn dò :**

- Hoàn thành bài thưc hành vào vở

- Chuẩn bị bài 35 : Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

+ Xác định vị trí địa lí . Ý nghĩa

+ Điều kiện tự nhiên có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế ?

+ Dân cư , xãhội có những thuận lợi và khó khăn gì?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 24**

**Tiết : 43**

**Bài 35**

**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hs cần hiểu được đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực-thực phẩm lớn nhất cả nước . Vị trí địa lí thuận lợi tài nguyên đất, khí hậu nước phong phú đa dạng, những đặc điểm dân cư , xã hội của vùng.

- Làm quen với khái niệm chung sống với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long

**2. Kĩ năng:**

- Hs phải xác định được ranh giới của vùng, vị trí một số tài nguyên quan trọng, vận dụng thành thạo kênh chữ, kênh hình để phân tích và giải thích được một số bức xúc ở đồng bằng sông Cửu Long

**- Các kĩ năng cơ bản được giáo dục :**

- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , bảng số liệu , bảng thống kê và bài viết về tình hình phát triển các ngành kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long . Phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với sự phát triển các ngành kinh tế và giữa các ngành kinh tế với nhau ở đồng bằng sông Cửu Long .

- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ thảo luận , lắng nghe , phản hồi tích cực hợp tác và làm việc nhóm .

- Làm chủ bản thân : Quản lí thời gian , đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong nhóm .

**- Các phương pháp / kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng**

- Động não, thảo luận nhóm, kĩ thuật các mảnh ghép .

**3.Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Kiểm tra việc hoàn chỉnh bài thực hành .

**2. Bài mới**

**Khám phá - Động não :**

- Nêu những hiểu biết của em về vùng đồng bằng sông Cửu Long .

- Đồng bằng sông Cửu Long gồm những tỉnh – thành phố nào ?

**Kết nối :**

Chúng ta đã tìm hiểu đặc điểm kinh tế - xã hội của 6 vùng kinh tế từ Bắc vào Nam .Hôm nay sẽ giới thiệu với các em vùng kinh tế thứ 7 của đất nước cũng là vùng tận cùng của phía nam tổ quốc, 1 vùng đất mới được khai phá cách đây hơn 300 năm nay trở thành vùng nông nghiệp trù phú, đồng bằng rộng lớn của nước ta .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1:**Tìm hiểu vị trí giới hạn lãnh thổ .( cá nhân ) – 8’  - Hs nghiên cứu sgk và lược đồ hình 35.1 để xác định ranh giới vùng Đồng bằng sông Cửu Long  - Hs đọc tên các tỉnh ở vùng về diện tích và dân số  - Tìm vị trí địa lí đảo Phú Quốc  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  **+ Hoạt động 2:** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.  - Thảo luận nhóm ( bàn )- 20 phút  - Quan sát trên lược đồ và kết hợp kiến thức đã học cho biết địa hình vùng đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm gì nổi bật?  - Nhận xét về địa hình khí hậu đồng bằng sông Cửu Long.  - Quan sát trên lược đồ (hình 35.1), hãy xác định dòng chảy sông Tiền, sông Hậu. Nêu ý nghĩa của sông Mê Công đối với đồng bằng sông Cửu Long.  - Dựa vào h35.1 và kiến thức đã học cho biết các loại đất chính ở đồng bằng sông Cửu Long và sự phân bố của chúng.  - Giá trị sử dụng từng loại đất đó? Phân bố từng loại?  - Gv Chốt lại.  - Chia 3 nhóm,mỗi nhóm thảo luận 1 ND trong sơ đồ h35.2.  - Dựa vào h35.2. nhận xét về thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long để sản xuất lương thực.  - Nguồn nước tự nhiên dồi dào.  - Nguồn cá và thuỷ sản phong phú.  - Bồi đắp phù sa hàng năm,mở rộng đất Mũi Cà Mau.  - Trọng yếu đường giao thông quan trọng trong và ngoài nước.  - Bằng hiểu biết thực tế và kiến thức đã học.Nêu một số khó khăn chính về mặt tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long.  (+Đất phèn,đất mặn chiếm diện tích lớn.  +Mùa khô kéo dài,nước biển xâm nhập sâu,gây thiếu nứơc ngọt.  +Mùa lũ gây ngập úng diện rộng).  - Giải pháp khắc phục:  +Cải tạo đất phèn đất mặn.  +Thoát lũ,cấp nước ngọt cho mùa khô.  +Chung sống với lũ và khai thác lợi thế do lũ mang lại.  +Chuyển hình thức canh tác sang nuôi trồng thuỷ sản,…  - Ý nghĩa việc cải tạo đất phèn và đất mặn.  - Áp dụng biện pháp thau chua ,rửa mặn, giữ nước ngọt.  - Đầu tư lượng phân bón lớn(phân lân)để cải tạo đất,chọn giống cây thích hợp..)  **+ Hoạt động 3:** Đặc điểm dân cư xã hội( cá nhân ) – 7 phút  -Dựa vào số liệu bảng 35.1 hãy nêu đặc điểm dân cư , xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long .  -Đặc điểm đó có ý nghĩa gì?(Nền kinh tế chủ yếu lànông nghiệp,trình độ dân trí và tốc độ đô thị hoá thấp...)  - Chỉ tiêu nào cao hơn cả nước?ý nghĩa  -Tại sao phải đặt vấn đề phát triển kinh tế đi đôi với mặt bằng dân trí và phát triển đô thị ở đồng bằng sông Cửu Long?  - Y/tố dân trí và dân cư thành thị có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xây dựng vùng động lực kinh tế...) | **1. Vị trí địa lí ,giới hạn lãnh thổ.**  - Vị trí liền kề phía tây Đông Nam Bộ, phía bắc giáp Cam-pu-chia, tây nam là vịnh Thái Lan, đông nam là Biển Đông  - Dân số (16,7 triệu người năm2002)  -Vị trí Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ hợp tác.  **2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.**  - Đồng bằng có diện tích rộng lớn nhất nước ta , địa hình khá bằng phẳng có nhiều loại đất tốt .  +Đất phù sa ngọt diện tích 1.2 tr ha.  + Đất phèn,đất mặn 2,5tr ha.  + Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm .  + Nguồn nước dồi dào .  + Sinh vật phong phú đa dạng  + Nhiều khả năng phát triển kinh tế biển .  - Tài nguyên thiên nhiên có nhiều thế mạnh để phát triển nông nghiệp  , đặc biệt vai trò sông Cửu Long rất to lớn.  - Thiên nhiên còn gây nhiều khó khăn cho đời sống và sản xuất ( nhiều diện tích đất phèn , mặn, mùa mưa lũ lụt , mùa khô thiếu nước )  **3.Đặc điểm dân cư xã hội**  - Là vùng đông dân,có nhiều dân tộc sinh sống như người Kinh,người Khơme, Chăm và Hoa.  - Người dân cần cù,năng động thích ứng linh hoạt với sản xuất nông nghiệp hàng hoá,với lũ hàng năm.  -Mặt bằng dân trí chưa cao |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Thực hành/ luyện tập - Trình bày 1 phút**

- Nếu thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế -xh ở đồng bằng sông Cửu Long?

**- Vận dụng:**

- Nêu cách cải tạo đất phèn ở địa phương .Ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn ,đất mặn ở đồng bằng sông Cửu Long.

**- Dặn dò :**

- Chuẩn bị bài 36 : Vùng đồng bằng sông Cửu Long ( tt )

- Điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệpcủa vùng .

- Tình hình sản xuất nông nghiệp của vùng .

- Đặc điểm sản xuất công nghiệp của vùng.

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần: 25**

**Tiết : 44**

**Bài 36**

**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (Tiếp theo)**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Hs cần hiểu được đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực-thực phẩm lớn nhất cả nước . Đồng thời là vùng xuất khẩu nông sản hàng đầu cả nước.

- Biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trên đất liền cũng như trên biển .Biết một số vấn đề về môi trường đặt ra đối với vùng : cải tạo đất mặn , đất phèn , phòng cháy rừng bảo vệ sự đa dạng sinh học và môi trường sinh thái rừng ngặp mặn .

- Công nghiệp dịch vụ bắt đầu phát triển . Các Thành phố Cần Thơ, Mĩ Tho, Cà Mau đang phát huy vai trò trung tâm kinh tế của vùng.

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích dữ liệu trong sơ đồ kết hợp với lược đồ để khai thác kiến thức theo câu hỏi.

- Biết kết hợp kênh hình, kênh chữ và liên hệ với thực tế để phân tích và giải thích được một số bức xúc ở đồng bằng sông Cửu Long.

- Sử dụng bản đồ tự nhiên vùng đồng bằng sông Cửu Long để phân tích tiềm năng tự nhiên của vùng .

**3. Thái độ:**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên có ý thức bảo vệ môi trường .

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên:**

- Bản đồ tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1.Kiểm tra bài cũ :**

-Vùng đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nào để phát triển nông nghiệp?

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh gì để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ?

**2. Bài mới**

Với một vùng có rất nhiều điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cùng với đặc điểm dân cư – xã hội như vậy đã tạo điều kiện phát triển kinh tế của vùng như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1 : Nông nghiệp (** cặp ) – **15 phút**  - Căn cứ vào bảng 36.1 Hãy tính tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước ?Nêu ý nghĩa của việc sản xuất lương thực ở đồng bằng này?Nêu tên các tỉnh trồng nhiều lúa nhất ở đồng bằng sông Cửu Long  - Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thuận lợi gì để trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất của cả nước ?  -Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh phát triển nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?(vì có nhiều sông nước, khí hậu ấm áp)  - Em có nhận xét gì về nghề rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long?(rừng ngập mặn có diện tích lớn nhất- Phòng cháy rừng bảo vệ tính đa dạng sinh thái, môi trường)  **- ( Tích hợp giáo dục môi trường )**  – Gv lưu ý vùng Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trên đất liền cũng như trên biển, một số vấn đề về môi trường đặt ra đối với vùng : cải tạo đất mặn , đất phèn , phòng cháy rừng bảo vệ sự đa dạng sinh học và môi trường sinh thái rừng ngặp mặn .  **+ Hoạt động 2: Công nghiệp ( 10 phút )**  - Hoạt động nhóm - 4 nhóm - 3 phút  - Vùng có những trung tâm kinh tế nào ?  - Nhờ những điều kiện thuận lợi ǵ mà thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?  - Hs trình bày – nhận xét – Gv bổ sung  - Nhận xét về sản xuất công nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với nông nghiệp ?  - Dựa vào bảng 36.2, hãy giải thích vì sao trong cơ cấu sản xuất công nghiệp, ngành chế biến lương thực thực phẩm có tỉ trọng cao hơn cả?  - Phát triển mạnh công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.  - Quan sát lược đồ (hình 36.2), hãy xác định các cơ sở công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.  - Nêu ý nghĩa của vận tải thủy trong sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng.  **+ Hoạt động 3 : Dịch vụ - 5 phút**  -Hoạt động thương mại của vùng Đồng bằng sông Cửu Long diễn ra như thế nào ?  -Vùng có loại hình giao thông nào? Loại hình giao thông nào giữ vai trò quan trọng?  - Nêu ý nghĩa của vận tải thuỷ trong sản xuất và đời sống nhân dân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?  - Dịch vụ du lịch của vùng như thế nào ?  **+ Hoạt động 4 : Các trung tâm kinh tế**  - 5 phút  - Vùng có trung tâm kinh tế nào? Hãy xác định - các trung tâm kinh tế này có những ngành công nghiệp nào?  - Em có nhận xét gì về số lượng các ngành công nghiệp ở các trung tâm kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long so với vùng Đông Nam Bộ? | **IV- Tình hình phát triển kinh tế:**   1. **Nông nghiệp:**   - Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước. Bình quân lương thực theo đầu người là 1066,3 kg gấp 2,3 lần trung bình cả nước năm2002  - Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.  - Có tiềm năng cây công nghiệp  - Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.  - Khai thác và nuôi trồng thuỷ sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm hơn 50% cả nước nhiều nhất các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, An Giang.  - Rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau.  **2. Công nghiệp**  - Bắt đầu phát triển .  - Tỉ trọng công nghiệp còn thấp, khoảng 20% GDP toàn vùng năm 2002  - Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp tập trung tại các thành phố và thị xã  - Các ngành công nghiệp : Chế biến lương thực thực phẩm , vật liệu xây dựng , cơ khí nông nghiệp và một số ngành công nghiệp khác .  **3. Dịch vụ**  - Khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long gồm các ngành chủ yếu: Xuất nhập khẩu, vận tải thuỷ, du lịch. Hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (chiếm 80%) năm 2002, thuỷ sản đông lạnh, hoa quả.  - Du lịch sinh thái trên sông, miệt vườn, biển đảo.  **V. Các trung tâm kinh tế:**  - Các thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau. Trong đó Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất. |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Trở ngại nhất trong việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long để phát triển nông nghiệp là gì ?

- Thế mạnh du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì ?

- Học bài cũ và làm bài tập 3 sgk.

**- Dặn dò :**

- Làm bài tập trong tập bản đồ thực hành.

- Chuẩn bị bài 37 :Thực hành

- Trả lời theo nội dung gợi ý sách giáo khoa .

**Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 26**

**Tiết : 45**

**Bài 37**

**THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH THUỶ SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Hs cần hiểu được đầy đủ hơn ngoài thể mạnh lương thực, vùng còn thế mạnh về thuỷ sản.

- Biết phân tích tình hình phát triển ngành thuỷ sản, hải sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**2. Kĩ năng :**

- Củng cố và phát triển kĩ năng xử lí số liệu thống kê và phân tích biểu đồ

- Xác lập mối quan hệ giữa các điều kiện với phát triển sản xuất của ngành thuỷ sản của đồng bằng sông Cửu Long.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Bản đồ nông, lâm, ngư nghiệp Việt Nam

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa ,thước kẻ,bút chì, bút mực…

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Tình hình phát triển kinh tế ở vùng đồng bằng sông Cửu Long như thế nào so với các vùng đã học?

- Cho biết những khó khăn hiện nay trong phát triển ngành thuỷ sản ở đồng bằng sông Cửu Long.

**2. Bài mới :**

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long không chỉ có thế mạnh về lương thực mà vùng còn có thế mạnh khác nữa. Vậy đó là thế mạnh nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt độngcủa thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1 : Bài tập 1- 20 phút**  - HS đọc yêu cầu bài tập – nhận xét bảng số liệu  - Nhận xét về sản lượng thủy sản ở hai đồng bằng  - Cách tính tỉ lệ % của các sản lượng dựa vào bảng 37.1- lập bảng số liệu  - Hs chọn biểu đồ phù hợp – vẽ biểu đồ hình cột .  - Hs khá lên vẽ biểu đồ cả lớp tự vẽ và đối chiếu với nhau,nhận xét  - Hs dựa vào biểu đồ đã vẽ nhận xét    **+ Hoạt động 2 : Bài tập 2- 15 phút**  - Hoạt động nhóm 6 nhóm – 3 phút  - Căn cứ vào biểu đồ đã vẽ và bài học 35,36 cho biết  - Nhóm1- 2: làm ý a sgk tr 134  - Nhóm 3-4: làm ý b sgk tr 134  - Nhóm 5-6 : là ý c sgk tr 134  - Các nhóm báo cáo kết quả  - Các cá nhân góp ý kiến bổ sung  - Gv: chuẩn xác kiến thức ghi bảng  Cần nhấn mạnh: Có diện tích vùng nước rộng lớn đặc biệt là trên bán đảo Cà Mau. Do nuôi tôm đem lại nguồn thu nhập lớn nên người dân sẵn sàng đầu tư, tiếp thu khoa học kĩ thuật công nghệ mới. | **Bài tập 1**:  - Lập bảng: Sản lượng thuỷ sản ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2002(cả nước bằng 100%.)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Sản lượng | ĐB sông  Cửu Long | ĐB Sông Hồng | Cả nước | | Cá biển khai thác | 41.5% | 4.6% | 100% | | Cá nuôi | 58.3% | 22.8% | 100% | | Tôm nuôi | 76.7% | 3.9% | 100% |   Nhận xét :  -Tỉ trọng sản lượng cá biển cá nuôi ,tôm nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long vượt xa đồng bằng sông Hồng . Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất thủy sản lớn nhất cả nước với tỉ trọng sản lượng các ngành rất cao.  - Các sản lượng cá biển khai thác ,cá nuôi ,tôm nuôi tỉ trọng sản lượng 76,7%.  **Bài tập 2**  **a. Các thế mạnh để phát triển ngành thuỷ sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**  -Về điều kiện tự nhiên  +Có diện tích vùng nước trên cạn(đồng ruộng, kênh rạch, hệ thống sông Cửu Long…) và trên biển rộng lớn, bờ biển dài nông rộng có bãi tôm bãi cá. +Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm . . . .  + Có diện tích rừng ngập mặn rộng lớn . . . .  + Có nguồn cá tôm dồi dào( nước mặn, nước lợ, nước ngọt)  - Nguồn lao động:  + Có kinh nghiệm và tay nghề đánh bắt thuỷ hải sản đông đảo .  + Người dân thích ứng linh hoạt với nền KT thị trường năng động và nhạy cảm với cái mới trong sản xuất và kinh doanh  + Có một bộ phận làm nghề nuôi trồng và khai thác thuỷ hải sản  - Vùng có nhiều cơ sở chế biến thuỷ hải sản, sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu  - Sản phẩn thuỷ hải sản của vùng có thị trường tiêu thụ rộng lớn: Trong nước, trong khu vực , nhật Bản, Bắc Mĩ, EU  **b. Thế mạnh của nghề nuôi tôm xuất khẩu**  Về điều kiện tự nhiên  Nguồn lao động  Cơ sở chế biến trình bày tại mục a  Thị trường tiêu thụ  **c. Khó khăn :**  - Việc đầu tư cho đánh bắt xa bờ . . .  - Hệ thống công nghiệp chế biến chất lượng cao chưa được đầu ntư nhiều .  - Chủ động nguồn giống an toàn, năng suất cao, chất lượng tốt, chủ động thị trường, chủ động tránh né các hàng rào cản của các nước nhập khẩu các sản phẩm ( hàng rào thuế quan) |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh nào để khai thác thủy sản ?

- Vấn đề khai thác ,sử dụng như thế nào?

**- Dặn dò :**

- Hoàn chỉnh bài thực hành

- Chuẩn bị ôn lại những kiến thức đã học từ bài 31-37 xem lại các bài tập sgk .

- Tiết sau ôn tập

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 27**

**Tiết : 46**

ÔN TẬP

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Khái quát hoá lại những kiến thức trọng tâm cơ bản nhất về các đặc điểm tự nhiên kinh tế-xã hội của hai vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ

- Nắm vững đặc điểm vị trí địa lí phần đất liền cũng như phần biển nước ta .

**2. Kĩ năng :**

- Đọc bản đồ, xác định vị trí địa lí

- Phân tích giá trị kinh tế

**3. Thái độ :**

- Có tình yêu quê hương tổ quốc Việt Nam

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên, kinh tế Việt Nam

- Bản đồ hai vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh nào để khai thác thủy sản ?

- Vấn đề khai thác ,sử dụng như thế nào?

**2. Bài mới :**

- Gv giới thiệu yêu cầu tiết ôn tập .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| - Thảo luận 4 nhóm – 5 phút  **+ Hoạt động 1 :Vùng Đông Nam Bộ - 15 phút**  - Nhóm 1.2 : Vùng Đông Nam Bộ  - Xác định vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng Đông Nam Bộ , ý nghĩa vị trí địa lí .  - Vì sao vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh về kinh tế biển?  - Vì sao cần phải bảo vệ rừng đầu nguồn và hạn chế sự ô nhiễm nước của các dòng sông thuộc vùng Đông Nam Bộ?  - Nêu đặc điểm dân cư – xã hội vùng Đông Nam Bộ.  - Nêu đặc điểm đặc điểm kinh tế vùng Đông Nam Bộ.  - Thảo luận  **+ Hoạt động 1 :Vùng Đồng bằng sông Cử Long - 15 phút**  - Nhóm 3.4 : Vùng đồng bằng sông Cửu Long .  - Nêu vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ý nghĩa của vị trí địa lí.  - Nêu đặc điểm tự nhiên và tiềm năng kinh tế trên đất liền của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  - Nêu đặc điểm dân cư – xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đặc điểm kinh tế nổi bật như thế nào? | **I.Vùng Đông Nam Bộ:**  **- Vị trí , ý nghĩa**  - Là chiếc cầu nối giữa Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng Sông Cửu Long giữa đất liền với Biển Đông ⭢ giao lưu buôn bán với các vùng trong nước, trong khu vực và trên thế giới.  - Là trung tâm kinh tế chính trị văn hoá của các tỉnh phía nam .  **- Vì:** Ở khu vực biển Bà Rịa –Vũng Tàu  + Thềm lục địa và đáy biển gần bờ có nhiều khoáng sản ,phát triển ngành khai thác . . . .  + Trong nước biển có các bãi tôm, bãi cá . . . .  + Là biển nhiệt đới, gần trung tâm hàng hải quốc tế, có các hải cảng, ⭢ giao thông . . . .  + Bờ biển đẹp ⭢ du lịch biển  - Địa hình thoải, đất xám cổ phủ lớp ba dan màu mở tơi xốp  - Khí hậu cận xích đạo ⭢ nóng ẩm mưa theo mùa  - Lưu vực sông Đồng Nai -Vàm Cỏ  - Rừng còn rất ít nhưng có vai trò vô cùng quan trọng  - Vấn đề bảo vệ môi trường đang là vấn đề cấp bách của vùng.  - Làm nguồn sinh thuỷ . . .  - Giữ gìn cân bằng sinh thái .  - Điều hoà khí hậu . . .  **- Đặc điểm** **dân cư – xã hội**  - Số dân đông 10,9 triêụ nguời (năm 2002)  - Mật độ trung bình cao 434 người /km2  - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên 1,4%  - Tỉ lệ dân thành thị cao 55,5%  -Người dân rất năng động sáng tạo trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế xã hội.  - Tiềm năng phát triển về du lịch  **- Đặc điểm kinh tế**  **a. Công nghiệp:**  **-** Chiếm vị trí hàng đầu trong các vùng nước ta  - Ngày nay công nghiệp - xây dựng tăng trưởng nhanh, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP, cơ cấu sản xuất cân đối:công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ,chế biến lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng..  + Một số ngành công nghiệp hiện đại : cơ khí điện tử, công nghệ cao .  -Công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của vùng và cả nước.  - Các trung tâm:TP Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Bà Rịa -Vũng Tàu  **b. Nông nghiệp:**  - Là vùng trọng điểm sản xuất cây công nghiệp xuất khẩu của cả nước  + Cây công nghiệp lâu năm cao su, cà phê, hồ tiêu , điều. . .  + Cây công nghiệp hàng năm lạc, đậu tương, thuốc lá, thuốc lá . . .  + Cây ăn quả xoài, mít, chôm chôm .  - Chăn nuôi gia súc, gia cầm được chú trọng.  + Nuôi trồng thuỷ hải sản.  **c. Dịch vụ**:  - Rất quan trọng bao gồm các hoạt động thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông . . .  - Tỉ trọng các loại dịch vụ có sự biến động.  - Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông quan trọng hàng đầu của vùng và cả nước.  - Đông Nam Bộ là địa bàn có sức hút mạnh sự đầu tư của nước ngoài.  - Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch lớn nhất của cả nước  **2. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long**  -**Vị trí**  Đồng bằng sông Cửu Long ở vị trí liền kề phía tây Đông Nam Bộ, phía bắc giáp Cam-pu-chia, tây nam là vịnh Thái Lan, đông nam là Biển Đông  **-**  Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ hợp tác.  **- Đặc điểm tự nhiên .**  - Đồng bằng có diện tích rộng lớn nhất nước ta , địa hình khá bằng phẳng có nhiều loại đất tốt .  +Đất phù sa ngọt diện tích 1.2 tr ha.  + Đất phèn,đất mặn 2,5tr ha.  + Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm .  + Nguồn nước dồi dào .  + Sinh vật phong phú đa dạng.  + Nhiều khả năng phát triển kinh tế biển .  - Tài nguyên thiên nhiên có nhiều thế mạnh để phát triển nông nghiệp  , đặc biệt vai trò sông Cửu Long rất to lớn.  - Thiên nhiên còn gây nhiều khó khăn cho đời sống và sản xuất ( nhiều diện tích đất phèn , mặn, mùa mưa lũ lụt , mùa khô thiếu nước )  **- Đặc điểm dân cư xã hội**  - Là vùng đông dân,có nhiều dân tộc sinh sống như người Kinh,người Khơme, Chăm và Hoa.  - Người dân cần cù,năng động thích ứng linh hoạt với sản xuất nông nghiệp hàng hoá,với lũ hàng năm.  - Mặt bằng dân trí chưa cao.  **- Đặc điểm kinh tế**  **a.Nông nghiệp:**  - Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước. Bình quân lương thực theo đầu người là 1066,3 kg gấp 2,3 lần trung bình cả nước năm2002  - Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.  - Có tiềm năng cây công nghiệp  - Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.  - Khai thác và nuôi trồng thuỷ sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm hơn 50% cả nước nhiều nhất các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, An Giang.  - Rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau.  **b. Công nghiệp**  - Bắt đầu phát triển.Tỉ trọng công nghiệp còn thấp, khoảng20% GDP toàn vùng năm 2002. Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp tập trung tại các thành phố và thị xã.  - Các ngành công nghiệp: Chế biến lương thực thực phẩm , vật liệu xây dựng , cơ khí nông nghiệp và một số ngành công nghiệp khác .  **c. Dịch vụ**  - Khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long gồm các ngành chủ yếu: Xuất nhập khẩu, vận tải thuỷ, du lịch. Hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (chiếm 80%) năm 2002, thuỷ sản đông lạnh, hoa quả..  - Du lịch sinh thái trên sông, miệt vườn, biển đảo.. |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**- Củng cố :**

- Những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông cử Long .

- Tình hình sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long .

**- Dặn dò :**

- Về nhà các em ôn tập kĩ.

- Chuẩn bị dụng cụ giấy viết thước giờ sau kiểm tra 1tiết.

**Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 28**

**Tiết : 47**

**KIỂM TRA VIẾT**

**A.Ma trận**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Chủ đề | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| **Vùng Đông Nam Bộ** |  | Thế mạnh của Đông Nam Bộ đối với việc thu hút lao động các vùng khác  **Câu 1 – 3.0 điểm** | Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện dân số thành thị và dân số nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm .  **Câu 4 – 2.5 điểm** |
| **Vùng g bằng sông Cửu Long** | Ý nghĩa phát triển mạnh công nghiêp chế bíên lương thực, thưc phẩm đối với sản xuất nông nghiệp.  **Câu 2- 3.5 điểm** |  | Ý nghiã của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở đồng bằng sông Cửu Long  **Câu 3 – 1.0 điểm** |
| **Tỉ lệ %**  **Tổng số điểm:**  **Tổng số câu :** | **35%**  **3.5 điểm**  **1 câu** | **30%**  **3.0 điểm**  **1 câu** | **35 %**  **3.5 điểm**  **2 câu** |

**B. Đề :**

1. Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?( 3.5 điểm )

2.Phát triển mạnh công nghiêp chế bíên lương thực, thưc phẩm có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long?( 3.0 điểm )

3. Ý nghiã của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở đồng bằng sông Cửu Long.( 1.0 điểm )

4. Dựa bảng : Dân số thành thị và dân số nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh (nghìn người)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm  Vùng | 1995 | 2000 | 2002 |
| Nông thôn | 1174,3 | 845,4 | 855,8 |
| Thành thị | 3466,1 | 4380,7 | 4623,2 |

Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện dân số thành thị và dân số nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm . Nhận xét. ( 2,5 điểm )

**ĐÁP ÁN**

1.

- Là vùng có tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên,( 0.5 ) cơ sở vật chất kĩ thuật ( 0.5 )và cơ sở hạ tầng tốt. ( 0.5 ). Là vùng phát triển kinh tế mạnh nhất nước ta. ( 0.5 )

- Thu nhập bình quân đầu người cao ,có nhiều việc làm thu hút lao động từ các vùng khác. ( 0.5 )

- Việc phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có ý nghĩa thu hút lao động cả nước. ( 0.5 )

2.

- Góp phần nâng cao giá trị ( 0.5 )và chất lượng sản phẩm,( 0.5 ) giúp sử dụng và bảo quản sản phẩm lâu dài,( 0.5 )đa dạng hóa sản phẩm lương thực thực phẩm.( 0.5 )  
 - Giúp cho sản phẩm lương thực thực phẩm nước ta mở rộng ra thị trường quốc tế . ( 0.5 )   
 - Làm cho nền nông nghiệp của vùng dần tiến tới mô hình sản xuất liên kết công, nông nghiệp. ( 0.5 ) Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, ( 0.5 ) hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. ( 0.5 )

3. - Góp phần đưa thêm diện tích đất vào sử dụng, tăng diện tích đất canh tác. ( 0.5 )

- Cải tạo đất phèn, mặn để nuôi thủy sản làm cho vị trí sản xuất thủy sản của cả nuớc được nâng cao( 0.5 )

4. Lập bảng Dân số thành thị và dân số nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh (%)( 0.5 )

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm  Vùng | 1995 | 2000 | 2002 |
| Nông thôn | 25,3 | 16,2 | 15,6 |
| Thành thị | 74,7 | 83,8 | 84,4 |

- Vẽ biểu đồ ( 1.0 điểm )

**%**

***Chuù thích:***

*Thành thị*

*Nông thôn*

***Bieåu ñoà theå hieän daân soá ôû thaønh thò vaø noâng thoân TP Hoà Chí Minh***

***Naêm 1995 - 2002***

**Naêm**

- Tỉ trọng dân số nông thôn giảm liên tục ( so với năm 1995, năm 2002 tăng 9,7%).( 0.5 )

- Tỉ trọng dân số thành thị tăng liên tục (so với năm 1995, năm 2002 giảm 9,7%).( 0.5 )

Thiếu: chú thích trừ 0.25 , tên biểu đồ trừ 0.25, sai 1 cột trừ 0.25 , sai 2 cột 0,0điểm

**Tuần : 29**

**Tiết : 48**

**Bài 38**

**PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN-ĐẢO**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Biết Việt Nam là quốc gia có đường bờ biển dài và vùng biển rộng , có nhiều điều kiện để phát triển các ngành kinh tế biển . Hiểu việc phát triển các ngành kinh tế biển phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường biển nhằm phát triển bền vững .

- Nắm được đặc điểm của các ngành kinh tế biển: Đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác và chế biến khoáng sản , du lịch .

**2. Kĩ năng :**

- Xác định trên bản đồ phạm vi và các bộ phận của vùng biển nước ta.

- Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng

**- Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục :**

- Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ và bài viết về ngành khai thác và chế biến khoáng sản biển , giao thông vận tải biển , bảo vệ tài nguyên và môi trường biển- đảo .

- Phân tích mối quan hệ giữa phát triển các ngành kinh tế biển với việc bảo vệ tài nguyên , môi trường biển – đảo .

- Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ tài nguyên , môi trường biển – đảo .

- Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ , thảo luận , lắng nghe , phản hồi tích cực, hợp tác và làm việc nhóm cặp .

- Tự nhận thức : Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và trình bày thông tin .

**- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :**

- Suy nghĩ – cặp đôi – chia sẻ, động não nhóm , thảo luận nhóm, học sinh làm việc cá nhân, bản đồ tư duy .

**3. Thái độ :**

- Có tình yêu quê hương đất nước thấy được sự cần thiết và mong muốn góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo của nước ta.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam

- Một số tranh ảnh về biển

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ : Khởi động:**

- Trả bài viết .

Nước ta có biển gì ? Em biết gì về biển ở Việt Nam .

**2.Bài mới: Kết nối**

Nước ta có một vùng biển rộng lớn thuộc biển Đông, trên đó có nhiều đảo và quần đảo . Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú , biển nước ta tạo cơ sở để phát triển kinh tế biển đa dạng . Bên cạnh đó biển cũng gây cho chúng ta không ít khó khăn . Làm thế nào để vừa phát triển tổng hợp kinh tế vừa bảo vệ được nguồn tài nguyên, môi trường biển – đảo . Chúng ta cùng t́m hiểu vấn đề này trong bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1: Biển và đảo Việt Nam** **– 15 phút**  Cá nhân / cặp  - Quan sát lược đồ, kết hợp với nội dung sgk, hãy :  - Cho biết chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển nước ta ?  - Xác định trên sơ đồ nêu giới hạn từng bộ phận của vùng biển ở nước ta ?  - Có những tỉnh và thành phố nào nằm giáp biển ?  - Hs tìm đọc và liên hệ với địa phương trong tỉnh.  - Tìm và xác định các đảo và quần đảo lớn của vùng biển nước ta ?  + Đảo ven bờ (lấy ví dụ)+ Các đảo xa bờ (Ví dụ)  - Vùng biển và đảo nước ta có điều kiện thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế ?  - Những khó khăn do biển mang lại là gì ?  ( bão nhiệt đới gây khó khăn cho sản xuất và đời sống )  - Hs phát biểu, Hs khác bổ sung.  - Gv chuẩn kiến thức.Phát triển kinh tế biển phải đi đôi với bảo vệ môi trường .  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  **+ Hoạt động 2:** **Phát triển tổng hợp kinh tế biển – 20 phút** - Hs quan sát sơ đồ 38.2 sgk, hãy :  - Nêu tên các ngành kinh tế biển ở nước ta ? (4 ngành)  - Dựa vào nội dung sgk hãy  - Hs nghiên cứu, thảo luận thảo luận 4 nhóm -3 phút 2 nhóm 1 ngành cho biết :  + Tiềm năng phát triển của ngành.  + Một vài nét về sự phát triển của ngành.  + Những hạn chế, phương hướng phát triển.  - Vì sao phải ưu tiên phát triển thác hải sản xa bờ?  - Tiềm năng du lịch biển của nước ta?  - Các nhóm thảo luận, đại diện phát biểu nhóm khác bổ sung, giáo viên chuẩn kiến thức.  - Nước ta có vịnh nào được UNECO công nhận là di sản thiên nhiên của thế giới.  - Ngoài hoạt động tắm biển chúng ta còn có khả năng phát triển các hoạt động du lịch biển nào khác.  - Tìm vị trí các bãi biển, các vườn quốc gia dọc bãi biển và trên các đảo ?  - Trình bày tình hình phát triển ngành du lịch ?  - Nêu những giải pháp và xu hướngphát triển  ?  **( Tích hợp giáo dục môi trường )**  (Chống ô nhiễm môi trường biển, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao mức sống người dân...  - Xu hướng phát triển ngành lướt ván du thuyền ném bóng...  - Hs phát biểu, Hs khác bổ sung. Gv chuẩn kiến thức. | **I. Biển và đảo Việt Nam.**  **1.Vùng biển nước ta**  - Bờ biển nước ta dài 3260km, rộng khoảng 1 triệu km2.  - Vùng biển nước ta là một bộ phận của Biển Đông gồm: Nội thuỷ, lănh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa  - Cả nước có 29 tỉnh và thành phố giáp biển.  **2. Các đảo và quần đảo.**  - Trong vùng biển nước ta có hơn 3000 đảo lớn nhỏ được chia thành đảo ven bờ và đảo xa bờ.  + Đảo ven bờ, Phú Quốc( 567 km2), Cát Bà  ( 100km2 )...  + Đảo xa bờ : Bạch Long Vĩ, Phú Quý và các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa  - Vùng biển nước ta có nhiều tiềm năng thuận lợi cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển,nhiều lợi thế trong hội nhập vào nền kinh tế thế giới .  **II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển.**  **1. Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản**  **Trữ lượng lớn chủ yếu là cá biển.**  - Tiềm năng rất lớn : Nhiều loài cá tôm có giá trị cao, tập trung ở bốn ngư trường trọng điểm , tổng trữ lượng khoảng 4 triệu tấn , trong đó 95.5 % là cá biển, cho phép khai thác là 1.9 triệu tấn / năm.  - Hiện trạng : Đánh bắt ven bờ, chủ yếu. Đánh bắt xa bờ, nuôi trồng còn quá ít.  - Xu hướng : Đẩy mạnh khai thác xa bờ , nuôi trồng hải sản phát triển đồng bộ và hiện đại công nghiệp chế biến hải sản.  **2. Du lịch biển đảo.**  - Có tiềm năng rất lớn .  - Phát triển mạnh chủ yếu là hoạt động tắm biển.  - Xu hướng : Phát triển nhiều loại hình du lịch để khai thác tiềm năng to lớn về du lịch của biển đảo.Tăng cường cơ sở hạ tầng , chống ô nhiễm môi trường biển. Quảng bá du lịch . |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Củng cố : Thực hành:**

- Những điều kiện thuận lợi của biển nước ta để phát triển kinh tế.

**Dặn dò : Vận dụng:**

- Vì sao phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

- Học bài và trả lời câu hỏi sgk .

- Chuẩn bị bài 39 : Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo . ( tiếp theo )

- Trả lời câu hỏi theo gợi ư sgk .

- Vì sao nghề làm muối phát triển ở ven biển Nam Trung Bộ ?

- Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển , đảo gây nên hậu quả gì ?

- Những giải pháp để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, đảo ?

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 30**

**Tiết : 49**

**Bài 39**

**PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN-ĐẢO (Tiếp theo)**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Hiểu việc phát triển các ngành kinh tế biển phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường biển nhằm phát triển bền vững .

- Biết thực trạng giảm súc tài nguyên , ô nhiễm môi trường biển đảo , nguyên nhân và hậu quả của nó.

- Biết một số phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

**2. Kĩ năng :**

- Hs phải nắm vững hơn cách đọc và phân tích các sơ đồ, bản đồ , lược đồ.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, có niềm tin vào sự phát triển của các ngành kinh tế biển nước ta , có ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

- Không đồng tình với các hành vi làm suy giảm tài nguyên , gây ô nhiễm môi trường biển – đảo .

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Nêu những điều kiện thuận lợi của biển nước ta để phát triển kinh tế.

- Vì sao phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

**2. Bài mới :**

- Khai thác chế biến khoáng sản biển và giao thông vận tải biển cũng là ngành kinh tế biển quan trọng của nước ta . Tiểm năng , tình hình phát triển hai ngành này như thế nào ? Vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo để phát triển kinh tế biển bền vững ra sao ? Chúng ta nghiên cứu vấn đề này trong bài học hôm nay .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| **+ Hoạt động 1 : Phát triển tổng hợp kinh tế biển**  **- 15 phút**  - Hoạt động cặp  - Quan sát lược đồ hình 39.2 sgk :  - Kể tên một số khoáng sản chính ở vùng ven biển nước ta mà em biết, nêu tên các khoáng sản đó và phân bố ở đâu ?  - Trình bày tiềm năng về sự phát triển các hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta ?  - Kể tên các mỏ dầu, thùng dầu đầu tiên được khai thác vào năm nào ?  - Xu hướng phát triển của ngành công nghiệp dầu khí ở nước ta .  - Tại sao nghề muối phát triển ở ven biển Nam Trung Bộ ?  - Hs quan sát lược đồ, kết hợp nội dung sgk, hãy :  - Xác định một số cảng biển và tuyến giao thông đường biển nước ta ?  - Cho biết tình hình giao thông vận tải biển ở nước ta ?  - Việc phát triển giao thông vận tải có ý nghĩa to lớn như thế nào đối với ngành ngoại thương nước ta (Vận chuyển hàng xuất khẩu ?  - Xu hướng phát triển các ngành giao thông vận tải ?  - Hs phát biểu, Hs khác bổ sung.  - Gv chuẩn kiến thức.  **Hoạt động 3: Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo.**  **– 20 phút**  - Hs nghiên cứu sgk, kết hợp với kiến thức thực tế.  - Thảo luận nhóm : 6 nhóm - 2 phút  + Nhóm 1.2 : Thực trạng tài nguyên và môi trường biển đảo nước ta như thế nào ?  + Nhóm 3.4 : - Nêu một số nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút tài nguyên ô nhiễm môi trường biển - đảo nước ta.  + Nhóm 5.6 : Sự giảm sút này gây hậu quả gì ?  - Đại diện nhóm trình bày – nhóm khác nhận xét  - Gv chuẩn kiến thức .  - Chúng ta cần thực hiện những biện pháp gì để bảo vệ tài nguyên môi trường biển - đảo nước ta ?  - Liên hệ thực tế ấy nơi các em đang sinh sống ?  - Hs phát biểu, Hs khác bổ sung.  - Gv chuẩn kiến thức.  - Những biện pháp cụ thể gì để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.  - Cần điều tra và đánh giá như thế nào về sinh vật biển.  - Bảo vệ các cảnh quan gì ở biển để duy trì nguồn lợi thuỷ sản.  - Phương pháp phòng chống ô nhiễm biển.  **( Tích hợp giáo dục môi trường )** | **II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển**  **3. Khai thác và chế biến khoáng sản biển**  - Biển nước ta có nhiều khoáng sản, dầu mỏ, khí đốt, ti tan, muối.  - Khai thác dầu khí phát triển mạnh, tăng nhanh chiếm vị trí hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.Đã xuất khẩu dầu, sản xuất điện, phân đạm.  - Xu hướng : Phát triển công nghiệp hoá dầu ,sản xuất chất dẻo, sợi tổng hợp, cao su tổng hợp, điện, phân bón, phát triển công nghệ cao về dầu khí  - Làm muối phát triển ở ven biển từ Bắc – Nam nhất là Nam Trung Bộ.  **4. Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển**  - Ven biển có nhiều vũng vịnh thuận lợi cho việc xây dựng cảng biển, gần nhiều tuyến đường giao thông biển quốc tế.  - Cả nước có 90 cảng biển lớn nhỏ, cảng Sài Gòn có công suất lớn nhất 12 triệu tấn / năm, đội tàu biển được tăng cường .  - Đang phát triển nhanh, ngày càng hiện đại cùng với quá trình hội nhập kinh tế nước ta vào nền kinh tế thế giới .  - Xu hướng : Hiện đại hóa cảng biển , nâng công suất cảng lên 240 triệu tấn vào năm 2010 .  - Phát triển đội tàu chở công ten nơ, tàu chở dầu và tàu chuyên dùng khác.  - Phát triển công nghiệp đóng tàu ở Bắc Bộ, Nam Bộ và TrungBộ  - Dịch vụ hàng hải cũng sẽ được phát triển toàn diện.  **III. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo.**  **1. Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển-đảo.**  - Thực trạng :  + Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm nhanh.  + Nguồn thủy sản giảm đáng kể, một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng.  + Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng rơ rệt, làm suy giảm nguồn sinh vật biển,  - Nguyên nhân :  + Thiên tai, khai thác rừng nuôi thủy sản.  + Đánh bắt quá mức.  + Môi trường bị ô nhiễm.  - Hậu quả : Suy giảm tài nguyên sinh vật biển , ảnh hưởng xấu chất lượng du lịch .  **2. Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển**  - Việt Nam đă gia cam kết quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển - đảo.  - Có kế hoạch khai thác hợp lư.  - Khai thác đi đôi với việc bảo vệ phát triển nguồn tài nguyên .  - Điều tra đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu, đầu tư khai thác hải sản xa bờ.  - Bảo vệ và trồng rừng ngập mặn.  - Bảo vệ rạn san hô.  - Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản.  - Phòng chống ô nhiễm biển. |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Củng cố :**

- Biển nước ta có những loại khoáng sản chính nào , phân bố ở đâu ?

- Trình bày tình hình khai thác dầu khí ở nước ta.

- Nước ta có những thuận lợi gì để phát triển giao thông vận tải biển ?

- Trình bày tình hình và biện pháp để phát triển giao thông vận tải biển ở nước ta.

**Dặn dò :**

- Chuẩn bị bài 40 : Thực hành Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu về ngành công nghiệp dầu khí .

- Trả lời các câu hỏi theo gợi ý sách giáo khoa.

**Rút kinh nghiệm :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần : 31**

**Tiết : 50**

**Bài 40**

**THỰC HÀNH:ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐẢO VEN BỜ**

**VÀ TÌM HIỂU VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

- Nắm được đặc điểm của các ngành kinh tế biển đặc biệt thấy được sự cần thiết phải phát triển các ngành kinh tế biển một cách tổng hợp.

**2. Kĩ năng :**

- Hs phải nắm vững hơn cách phân tích các sơ đồ, bản đồ , lược đồ.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, có niềm tin vào sự phát triển của các ngành kinh tế biển nước ta , có ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên hoặc bản đồ hành chính Việt Nam

- Một số tranh ảnh vùng

**2. Học sinh :**

- Sách giáo khoa .

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**1. Kiểm tra bài cũ :**

- Biển nước ta có những loại khoáng sản chính nào , phân bố ở đâu ?

- Trình bày tình hình khai thác dầu khí ở nước ta.

- Nước ta có những thuận lợi gì để phát triển giao thông vận tải biển ?

- Trình bày tình hình và biện pháp để phát triển giao thông vận tải biển ở nước ta.

**2. Bài mới :**

Việt Nam có 3260 km đường bờ biển trên một vùng biển rộng lớn hơn 1 triệu km 2 , có trên 3000 đảo lớn nhỏ khác nhau . Vùng biển nước ta đã tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển của công nghiệp dầu khí . bài thực hành hôm nay chúng ta sẽ đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu ngành công nghiệp dầu khí ở nước ta.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Kiến thức cơ bản** |
| + **Hoạt động 1 : Bài tập 1. – 20 phút**  -Gv nêu nhiệm vụ cần hoàn thành trong giờ thực hành  - Gv yêu cầu Hs nhắc lại  - Hoạt động nhóm : 4 nhóm – 3 phút  - Phát triển tổng hợp kinh tế biển gồm những ngành nào ?  - Hs quan sát bản đồ xác định vị trí các đảo ven bờ  - Kết hợp đọc bảng 40.1 sgk và kiến thức đã học .  - Cho biết những đảo có điều kiện thích hợp nhất để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ?  - Các đảo có điều kiện thích hợp nhất để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.  - Hs dựa vào bản đồ Việt Nam và lược đồ 39.2 sgk nêu điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển của từng đảo.  - Đại diện các nhóm trình bày . Các nhóm khác bổ sung.  - Gv chuẩn kiến thức cơ bản.  **Hoạt động 2 : Bài tập 2 - 15 phút**  - Hoạt động 4 nhóm – 5 phút  - Gv hướng dẫn Hs phân tích biểu đồ :  - Phân tích diễn biến của từng đối tượng qua các năm.  - Sau đó phân tích mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí.  - Hs dựa vào biểu đồ hình 4.1 và kiến thức đã học, hãy :  - Nhận xét tình hình khai thác xuất khẩu dầu thô, nhập khẩu xăng dầu ở nước ta .  - Nhận xét tình hình phát triển ngành công nghiệp chế biến dầu khí ở nước ta ?  - Đại diện các nhóm phát biểu.  - Đại diện nhóm khác bổ sung.  - Gv chuẩn xác kiến thức.  - Gv lưu ý : Mặc dù lượng dầu thô hàng năm xuất khẩu lớn gấp 2 lần lượng xăng dầu nhập khẩu nhưng giá xăng dầu đã chế biến lớn hơn nhiều lần so với giá đầu tư. | **Bài tập 1.** **Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo xa bờ.**  - Cát Bà : Nông, lâm, ngư, du lịch, dịch vụ.  - Côn Đảo : Nông lâm ngư, dịch vụ, du lịch biển.  - Phú Quốc : nông lâm ngư, du lịch, dịch vụ biển.  - Nước ta có trữ lượng dầu khí lớn và dầu mỏ là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong những năm qua, sản lượng dầu mỏ không ngừng tăng.  **Bài tập 2: Phân tích biểu đồ**  - Từ năm 1999 – 2003 :  - Sản lượng khai thác dầu thô tăng liên tục.  - Hầu như toàn bộ lượng dầu khí khai thác đều được xuất khẩu dưới dạng thô.  - Trong khi xuất khẩu dầu thô nước ta phải nhập lượng xăng dầu chế biến ngày càng tăng.  - Ngành công nghiệp chế biến dầu khí của nước ta chưa phát triển. Đây là đặc điểm chủ yếu của ngành công nghiệp dầu khí. |

**IV. Củng cố - hướng dẫn học sinh tự học ở nhà :**

**Củng cố :**

- Điền thông tin vào bảng tóm tắt về các ngành kinh tế biển ở nước ta .

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các ngành KT biển | Tiềm năng | Tình hình sản xuất | Hạn chế | Phương hướng |
| Khai thác và nuôi trồng hải sản | ………………….. | ………………….. | ………………….. | ………………….. |
| Khai thác và chế biến khoáng sản | ………………….. | ………………….. | ………………….. | ………………….. |
| Du lịch biển | ………………….. | ………………….. | ………………….. | ………………….. |
| Giao thông vận tải biển | ………………….. | ………………….. | ………………….. | ………………….. |

**Dặn dò :**

- Chuẩn bị bài 41 : Địa lí tỉnh Long An

- Vị trí địa lí, giới hạn.

- Điều kiện tự nhiên

- Các đặc điểm dân cư xã hội.

**- Rút kinh nghiệm :**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... **Tuần : 35**

**Tiết : 54**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ 9 – HỌC K̀ II**

**I.Vị trí địa lí – giới hạn lănh thổ :**

**+ Đông Nam Bộ :**

- Phía đông giáp Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ , phía tây giáp đồng bằng sông Cửu Long , phía tây và tây bắc giáp Cam – pu – chia , phía đông nam giáp biển Đông .

- Vị trí địa lí Đông Nam Bộ rất thuận lợi cho giao lưu kinh tế với đồng bằng song Cửu Long , Tây Nguyên , Duyên hải miền Trung và với các nước trong khu vực Đông Nam Á .

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**

- Đồng bằng sông Cửu Long nằm liền kề phía tây vùng Đông Nam Bộ, phía bắc giáp Cam- pu – chia ,phía tây nam giáp vịnh Thái Lan ,phía nam và đông nam giáp biển Đông .

- Vị trí đồng bằng sông Cửu Long tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế ở trên đất liền lẫn trên biển , mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong tiểu vùng sông Mê Công .

**II. Các tỉnh thuộc vùng**

**+ Đông Nam Bộ :** Thành phố Hồ Chí Minh , tỉnh B́nh Phước , B́nh Dương , Tây Ninh , Đồng Nai , Bà Rịa – Vũng Tàu .

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :** Thành phố Cần Thơ , tỉnh Long An , Đồng Tháp , Tiền Giang , Vĩnh Long , Bến Tre , Trà Vinh , Hậu Giang , Sóc Trăng , An Giang , Kiên Giang , Bạc Liêu , Cà Mau .

**III. Các trung tâm kinh tế :**

**+ Đông Nam Bộ :** Thành phố Hồ Chí Minh , Biên Ḥa , Vũng Tàu .

**+ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam :** Thành phố Hồ Chí Minh , tỉnh B́nh Phước , B́nh Dương , Tây Ninh , Đồng Nai , Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An.

-Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vai tṛ quan trọng không chỉ với Đông Nam Bộ mà c̣n với các tỉnh phía nam và cả nước ( năm 2002 ,Vùng kinh tế trọng điểm phía Namso với cả nước , tổng GDP chiếm 35,1 % , GDP công nghiệp - xây dựng chiếm 56,6 % , giá trị xuất khẩu chiếm 60,3 % .)

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**Thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho , Long Xuyên , Cà Mau .Lớn nhất là Cần Thơ.

**IV . Công nghiệp :**

**+ Đông Nam Bộ :**

- Khu vực công nghiệp – xây dựng phát triển nhanh , chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng .

- Cơ cấu sản xuất cân đối : Bao gồm công nghiệp nặng , công nghiệp nhẹ và chế biến lương thực thực phẩm . Một số ngành công nghiệp hiện đại đă được h́nh thành và phát triển nhanh như : dầu khí , điện tử , công nghệ cao .

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh .

- Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực : dầu mỏ , thực phẩm chế biến , hàng dệt may , giày dép , cao su ….

- Các trung tâm công nghiệp lớn nhất : Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 50 % giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng) , Biên Ḥa , Vũng Tàu ( Trung tâm công nghiệp khai thác dầu khí )

- Khó khăn : Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất , chất lượng môi trường đang bị suy giảm .

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**

- Tỉ trọng sản xuất công nghiệp c̣n thấp , khoảng 20 % GDP toàn vùng ( năm 2002 )

- Các ngành công nghiệp :

+ Chế biến lương thực , thực phẩm : chiếm tỉ trọng 65 % trong cơ cấu công nghiệp của vùng . Chủ yếu là xay xát lúa gạo , chế biến thủy sản đông lạnh , làm rau quả hộp , sản xuất đường mật . Sản phẩm xuất khẩu : gạo , thủy sản đông lạnh , hoa quả . Phân bố hầu khắp các tỉnh , thành phố trong vùng …

+ Vật liệu xây dựng : Chiếm tỉ trọng 12 % trong cơ cấu công nghiệp của vùng . Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng ,phân bố ở nhiều địa phương lớn nhất là nhà máy xi măng Hà Tiên .

+ Cơ khí nông nghiệp , một số ngành công nghiệp khác : chiếm tỉ trọng 23 % trong cơ cấu công nghiệp của vùng . Phát triển cơ khí nông nghiệp . Thành phố Cần Thơ với khu công nghiệp Trà Nóc là trung tâm công nghiệp lớn nhất .- - Phân bố : Hầu hết đều tập trung ở các thành phố và thị xă , đặc biệt Thành phố Cần Thơ .

**V. Nông nghiệp :**

**+ Đông Nam Bộ :**

- Là vùng trồng cây công nghiệp quan trọng của cả nước . Bên cạnh đó các ngành nông nghiệp khác cũng phát triển.

- Cây công nghiệp lâu năm ( năm 2002 )

+ Cao su : chiếm 65,6% diện tích và 78,9% sản lượng so cả nước chủ yếu B́nh Dương, B́nh Phước , Đồng Nai.

+ Cà phê : chiếm 8,1% diện tích và 11,7% sản lượng so cả nước chủ yếu Đồng Nai, B́nh Phước , Bà Rịa – Vũng Tàu

+ Hồ tiêu : chiếm 56,1% diện tích và 62% sản lượng so cả nước chủ yếu Đồng Nai, B́nh Phước , Bà Rịa – Vũng Tàu

+ Điều : chiếm 71,1% diện tích và 76,2% sản lượng so cả nước chủ yếu B́nh Phước, Đồng Nai,B́nh Dương , Bà Rịa – Vũng Tàu

- Cây công nghiệp hàng năm ( lạc , đậu tương , mía , thuốc lá ) và cây ăn quả ( sầu riêng , xoài , mít , vú sữa … ) cũng là thế mạnh của vùng .

- Chăn nuôi gia súc , gia cầm được chú trọng theo hướng công nghiệp .

- Nghề nuôi trồng thủy sản nước mặn , nước lợ và đánh bắt thủy sản trên các ngư trường phát triển mạnh .

- Để đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp trên diện tích rộng ,vùng tập trung phát triển thủy lợi . Hồ Dầu Tiếng , hồ thủy điện Trị An có vai tṛ to lớn trong cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của vùng .

- Nhiệm vụ : Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn , xây dựng hồ chứa nước , giữ ǵn sự đa dạng sinh học của rừng ngập mặn ven biển

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**

- Là vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước .

+ So với cả nước , đồng bằng sông Cửu Long chiếm 51% về diện tích và 51% về sản lượng lúa .

+ B́nh quân lương thực đầu người toàn vùng đạt 1066,3 kg , gấp 2,3 lần trung b́nh cả nước ( năm 2002 ) . Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng xuất khẩu gạo chủ lực của nước ta .

+ Lúa được trồng nhiều ở các tỉnh : Kiên Giang , An Giang , Long An , Đồng Tháp , Sóc Trăng và Tiền Giang .

- Nhiều địa phương đang đẩy mạnh trồng mía đường ,rau đậu .

- Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước với nhiều loại hoa quả nhiệt đới : Xoài , dừa , cam , bưởi , …

- Chăn nuôi : Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh . Các tỉnh nuôi nhiều vịt : Bạc Liêu , Cà Mau , sóc Trăng , Vĩnh Long ,

- Nuôi trồng và khai thác thủy sản

+ Vùng chiếm hơn 50% tổng sản lượng thủy sản cả nước .

+ Các tỉnh có sản lượng cao : Kiên Giang , Cà Mau , An Giang .

+ Nghề nuôi trồng thủy sản , đặc biệt nuôi tôm , cá ba sa xuất khẩu đang được phát triển mạnh .

- Nghề rừng có vị trí quan trọng , đặc biệt là trồng rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau .

**VI. Dịch vụ :**

**+ Đông Nam Bộ :**

- Đa dạng bao gồm các hoạt động thương mại , du lịch, vận tải và bưu chính viễn thông .

- Năm 2002 so với cả nước vùng Đông Nam Bộ có : tổng mức bán lẻ chiếm 33,1 % , số lượng hành khách vận chuyển chiếm 30,3 %, khối lượng hàng hóa vận chuyển chiếm 15,9 %.

- Đầu mối giao thông vận tải hàng đầu của Đông Nam Bộ và cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh .

- Đông Nam Bộ là địa bàn có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài . Năm 2003, tỉ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Đông Nam Bộ chiếm 50,1% so với cả nước .

- Du lịch phát triển mạnh. Trung tâm du lịch lớn nhất cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh .

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**

- Xuất , nhập khẩu: hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (chiếm 80 % gạo xuất khẩu cả nước, năm 2002), thủy sản đông lạnh , hoa quả .

- Giao thông : Giao thông đường thủy giữ vai tṛ quan trọng trong đời sống và hoạt động giao lưu kinh tế

- Du lịch sinh thái khởi sắc với h́nh thức du lịch trên sông nước , du lịch miệt vườn , du lịch biển đảo .

**VII. Đặc điểm dân cư – xă hội :**

**+ Đông Nam Bộ :**

- Dân cư khá đông , nguồn lao động dồi dào, lành nghề và năng động trong nền kinh tế thị trường .

- Mật độ dân số gần gấp đôi mật độ trung b́nh cả nước , GDP / người và tỉ lệ dân số thành thị đều cao hơn hai lần chỉ tiêu trung b́nh của cả nước . So với cả nước , các chỉ tiêu tỉ lệ thất nghiệp đô thị , tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn đều thấp hơn , tỉ lệ người lớn biết chữ, tuổi thọ trung b́nh cao hơn .

- Nhiều di tích lịch sử văn hóa ( bến cảng Nhà Rồng , địa đạo Củ Chi, nhà tù Côn Đảo …) có ý nghĩa rất lớn để phát triển du lịch .

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**

- Đông dân . Ngoài người Kinh có người Khơ – me , Chăm , Hoa .

- Đồng bằng sông Cửu Long có GDP / người , tỉ lệ người lớn biết chữ , tỉ lệ dân số thành thị và tỉ lệ hộ nghèo thấp hơn mức b́nh quân cả nước , tuổi thọ trung b́nh cao hơn mức b́nh quân cả nước , mật độ dân số gần gấp đôi mức b́nh quân cả nước

- Tuy mặt bằng dân trí chưa cao, nhưng người dân đồng bằng sông Cửu Long thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hóa

**VIII. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :**

**+ Đông Nam Bộ :**

- Vùng có nhiều tài nguyên , đặc biệt là dầu khí trên thềm lục địa .

+ Vùng đất liền :

- Điều kiện tự nhiên : Địa h́nh thoải , có độ cao trung b́nh ; Đất badan , đất xám;Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm , nguồn sinh thủy tốt .

- Thế mạnh kinh tế : Mặt bằng xây dựng tốt ; các cây trồng thích hợp : cao su , cà phê , hồ tiêu , điều , đậu tương , lạc , mía đường , thuốc lá , hoa quả .

+ Vùng biển :

- Điều kiện tự nhiên : Biển ấm ngư trường rộng, hải sản phong phú , sát đường hàng hải quốc tế ; Thềm lục địa nông, rộng , giàu tiềm năng dầu khí .

- Thế mạnh kinh tế : Khai thác dầu khí ở thềm lục địa . Đánh bắt hải sản . Giao thông , dịch vụ biển, du lịch biển.

- Hệ thống sông Đồng Nai ( gồm sông Đồng Nai, sông Sài G̣n , sông Bé )có ư nghĩa về tưới nước , thủy điện.

- Khó khăn:

+ Trên đất liền ít khoáng sản

+ Diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ lệ thấp .

+ Nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp và đô thị ngày càng tăng .

**+ Đồng bằng sông Cửu Long :**

- Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp : diện tích tương đối rộng , địa h́nh thấp và bằng phẳng, khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm , đa dạng sinh vật trên cạn và dưới nước .

- Tài nguyên thiên nhiên giàu có để phát triển nông nghiệp.

+ Đất : Diện tích gần 4 triệu ha , đất phù sa ngọt: 1,2 triệu ha, đất phèn , đất mặn : 2,5 triệu ha .

+ Rừng : Rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau chiếm diện tích lớn .

+ Khí hậu nóng ẩm quanh năm , lượng mưa dồi dào.

+ Nước : Sông Mê Công đem lại nguồn lợi lớn . Hệ thống kênh rạch chằng chịt. Vùng nước mặn , nước lợ cửa sông , ven biển rộng lớn …

+ Biển và hải đảo : nguồn hải sản ( cá , tôm ) , hải sản quý hết sức phong phú . Biển ấm quanh năm , ngư trường rộng lớn , nhiều đảo và quần đảo , thuận lợi cho khai thác hải sản .

- Khó khăn : lũ ngập trên diện rộng , diện tích đất phèn , đất mặn lớn , thiếu nước ngọt trong mùa khô .

- Biện pháp: đầu tư cho dự án thoát lũ,cải tạo đất phèn đất mặn,cấp nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô

- Phương hướng chung : sống chung với lũ sông Mê Công đồng thời khai thác lợi thế kinh tế do chính lũ mang lại .

**IX. Kinh tế biển**

**- Vùng biển Việt Nam :**

- Đường bờ biển dài 3260 km .

- Vùng biển rộng 1 triệu km2.

- Vùng biển Việt Nam là một bộ phận của biển Đông , bao gồm : nội thủy , lănh hải , vùng tiếp giáp lănh hải , vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa .

- Cả nước có 28 ( trong 64) tỉnh thành phố giáp biển .

**- Các đảo và quần đảo :**

- Trong vùng biển nước ta có hơn 3.000 đảo lớn nhỏ , được chia thành các đảo ven bờ và các đảo xa bờ.

- Hệ thống đảo ven bờ:

+ Có khoảng 2800 đảo lớn nhỏ.

+ Phân bố tập trung nhất ở : Quảng Ninh , Hải Pḥng , Khánh Ḥa, Kiên Giang.

+ Một số đảo có diện tích khá lớn : Phú Quốc ( 567 km2 ), Cát Bà ( Khoảng 100 km 2 )

+ Một số đảo có dân số khá đông : Phú Quốc , Cái Bầu , Phú Quư , Lư Sơn, Cát Bà , Côn Đảo… .

- Các đảo xa bờ: đảo Bạch Long Vĩ quần đảo Hoàng Sa(Thuộc thành phố Đà Nẵng ),Trường Sa( thuộc tỉnh Khánh Ḥa)

**- Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản :**

- Tiềm năng to lớn của vùng biển nước ta.

+ Có hơn 2.000 loài cá trong đó có khoảng 110 loài có giá trị kinh tế cao ( cá nục , cá thu ,… )

+ Có trên 100 loài tôm , một số loài có giá trị xuất khẩu cao ( tôm he, tôm hùm, tôm rồng … )

+ Ngoài ra c̣n có nhiều đặc sản : hải sâm, bào ngư , ṣ huyết ….

+ Tổng trữ lượng hải sản khoảng 4 triệu tq61n trong đó 95% là cá biển .

- Khai thác thủy sản : hàng năm khai thác khoảng 1,9 triệu tấn , chủ yếu ở vùng biển xa bờ.

- Bất hợp lí

+ Sản lượng đánh bắt ven bờ cao so với khả năng cho phép gấp 2 lần , trong khi sản lượng đánh bắt xa bờ chỉ mới bằng 1/5 khả năng cho phép .

+ Hải sản nuôi trồng chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong sản lượng của toàn ngành .

- Nhiệm vụ :

+ Ưu tiên khai thác hải sản xa bờ.

+ Đẩy mạnh nuôi trồng hải sản trên biển , ven biển và ven các đảo .

+ Phát triển đồng bộ và hiện đại hóa công nghiệp chế biến hải sản .

**- Du lịch biển – đảo :**

- Tài nguyên du lịch biển phong phú .

+ Dọc bờ biển có 120 băi cát rộng , dài, phong cảnh đẹp , thuận lợi cho việc xây dựng các khu du lịch và nghỉ dưỡng .

+ Nhiều đảo ven bờ có phong cảnh ḱ thú , hấp dẫn khách du lịch. Đặc biệt có vịnh Hạ Long đă được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới .

- Hoạt động du lịch .

+ Một số trung tâm du lịch đang phát triển nhanh .

+ Chủ yếu tập trung khai thác hoạt động tắm biển . Các hoạt động du lịch biển khác c̣n ít được khai thác .

**- Khai thác và chế biến khoáng sản biển :**

- Nghề làm muối phát triển, đặc biệt ở ven biển Nam Trung Bộ ( Sa Huỳnh , Cà Ná) .

- Khai thác ti tan xuất khẩu từ các băi cát ven biển .

- Khai thác cát chế biến thủy tinh ( Vân Hải , Cam Ranh )

- Khai thác và chế biến dầu khí .

+ Dầu khí là ngành kinh tế biển mũi nhọn của nước ta .Khai thác dầu bắt đầu từ năm 1986 sản lượng liên tục tăng qua các năm .

+ Công nghiệp hóa dầu bắt đầu được h́nh thành ( xây dựng các nhà máy lọc dầu , cùng các cơ sở hóa dầu khác để sản xuất chất dẻo, sợi tổng hợp , cao su tổng hợp và các loại hóa chất cơ bản …)

+ Công nghiệp chế biến khí bước đầu phục vụ cho sản xuất điện , phân đạm , sau đó chuyển sang chế biến khí công nghệ cao , kết hợp với xuất khẩu khí tự nhiên và khí hóa lỏng .

**- Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển :**

- Điều kiện thuận lợi :

+ Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng .

+ Ven biển có nhiều vũng , vịnh có thể xây dựng cảng nước sâu , một số cửa sông cũng thuận lợi cho xây dựng cảng .

- Cảng biển :

+ Hiện cả nước có hơn 120 cảng biển lớn nhỏ . Trong đó cảng Sài G̣n có công suất lớn nhất 12 triệu tấn / năm .

+ Hệ thống cảng biển sẽ phát triển đồng bộ , từng bước hiện đại hóa , nâng cao công suất .

- Đội tàu :

+ Đội tàu biển quốc gia được tăng cường mạnh mẽ .

+ Sẽ phát triển nhanh đội tàu chở công – ten – nơ, tàu chở dầu và tàu chuyên dụng khác.

+ Cả nước sẽ h́nh thành ba cụm cơ khí đóng tàu mạnh ở Bắc Bộ , Nam Bộ và Trung Bộ .

- Dịch vụ hàng hải sẽ được phát triển toàn diện .

**- Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển – đảo .**

- Diện tích rừng ngập mặn giảm nhanh trong những năm gần đây .

- Nguồn lợi hải sản giảm đáng kể, một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng ( cá ṃi , cá cháy .. ) , nhiều loài hải sản đang giảm về mức độ tập trung , các loài cá quý ( cá thu … ) đánh bắt được có kích thước ngày càng nhỏ .

- Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng rơ rệt làm suy giảm tài nguyên sinh vật biển , ảnh hưởng xấu tới chất lượng của các khu du lịch biển .

**- Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo :**

- Điều tra , đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu . Đầu tư để chuyển hướng khai thác hải sản từ vùng biển ven bờ sang vùng nước sâu xa bờ .

- Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có , đồng thời đẩy mạnh các chương tŕnh trồng rừng ngập mặn .

- Bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển và cấm khai thác san hô dưới mọi h́nh thức .

- Bảo vệ và phát triển các nguồn lợi thủy sản .

- Pḥng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hóa học , đặc biệt là dầu mỏ .

**Tuần : 36**

**Tiết : 55** **KIỂM TRA HỌC K̀ II**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức :**

Qua bài kiểm tra đánh giá được trình độ nhận thức của học sinh về :

- Biết hậu quả việc tăng nhanh dân số và lợi ích của việc giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên . Trình bày được giải pháp giải quyết việc làm ở nước ta.

- Biết sự Đổi mới kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam. Chứng minh được cơ cấu công nghiệp nước ta đa dạng .Hiểu được lợi ích của việc trồng rừng và nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng .

- Phân tích được mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển công nghiệp .

**2. Kĩ năng :**

- Rèn luyện kĩ năng độc lập làm bài ,học bài ,tư duy giải quyết vấn đề đã học .

- Tập cho Hs tính cẩn thận, tự giác, trung thực trong khi kiểm tra.

**3. Thái độ :**

- Giáo dục cho các em ý thức tư duy địa lí để làm bài trên lớp một cách tự lập, có sáng tạo.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Ra đề - Ma trận - Đáp án+ thang điểm.

**2. Học sinh :**

- Đồ dùng học tập.

- Giấy kiểm tra.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**

**Tuần : 37 Tiết 56**

**TRẢ VÀ SỬA BÀI KIỂM TRA HKI**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Hs Nhận biết đươc nội dung yêu cầu của đề cho với những dang như thế nào.

- Trình bày chính xác từng nội dung.

- Biết liên hệ thực tế.

**2. Kĩ năng:**

- Xác định yêu câu của từng nội dung.

- Phân tích biểu đồ, nhận xét bảng số, vẽ và đặt tên cho biểu đồ.

**3. Thái độ**:

- Ý thức được việc tự học và ren kĩ năng cho bản thân.

**II. Chuẩn bị giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- chuẩn bị nôi dung cần thiết để chỉ ra những thiếu sót của hs, giup cac em thấy đươc những sai sót khi làm bài và cách trình bày

**2. Học sinh :**

- Xem bài của mình và đưa ra những điều mình chưa đạt được.

**III. Tổ chức hoạt động dạy và học :**